

Số: 14/NQ-HĐND

Đồng Hới, ngày 25 tháng 7 năm 2023

**NGHỊ QUYẾT**

**Phê chuẩn tổng quyết toán thu, chi ngân sách Nhà nước  
Thành phố Đồng Hới năm 2022**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI  
KHÓA XXII - KỲ HỌP THỨ 10**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015; Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;*

*Căn cứ Nghị định số 31/2017/NĐ-CP ngày 23/3/2017 của Chính phủ ban hành Quy chế lập, thẩm tra, quyết định kế hoạch tài chính 5 năm địa phương, kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm địa phương, dự toán và phân bổ ngân sách địa phương, phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương hàng năm;*

*Xét Tờ trình số 270/TTr-UBND ngày 10/7/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc phê chuẩn tổng quyết toán Ngân sách thành phố Đồng Hới năm 2022; Báo cáo quyết toán ngân sách Thành phố Đồng Hới năm 2022; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Xã hội Hội đồng nhân dân thành phố và ý kiến của các đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Phê chuẩn tổng quyết toán thu, chi ngân sách nhà nước Thành phố Đồng Hới năm 2022 như sau:

*(Chi tiết có phụ lục 02,03,04,05,06,07,08,09,10,11,12,13,14,15,16,17 kèm theo)*

<b>1. Tổng thu ngân sách địa phương</b>	<b>2.180.968.585.889</b>	<b>đồng</b>
1.1 Các khoản thu NSĐP hưởng 100%	326.918.679.631	đồng
- Ngân sách thành phố:	320.066.125.719	đồng
- Ngân sách xã phường:	6.852.553.912	đồng
1.2 Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ %	836.619.517.220	đồng
- Ngân sách thành phố:	655.401.797.111	đồng
- Ngân sách xã phường:	181.217.720.109	đồng
1.3. Thu kết dư năm trước	3.675.648.733	đồng
- Ngân sách thành phố:	1.606.824.000	đồng
- Ngân sách xã phường:	2.068.824.733	đồng
1.4. Thu chuyển nguồn từ năm trước sang	715.683.492.174	đồng
- Ngân sách Thành phố:	543.211.184.874	đồng
- Ngân sách xã, phường:	172.472.307.300	đồng
1.5. Thu từ NS cấp dưới nộp lên	3.293.435.000	đồng

- Ngân sách thành phố:	3.293.435.000	đồng
1.6. Thu bổ sung từ ngân sách Tỉnh:	294.777.813.131	đồng
- Bổ sung cân đối:	178.826.920.000	đồng
- Bổ sung có mục tiêu:	115.950.893.131	đồng
<b>2. Tổng chi ngân sách địa phương</b>	<b>2.172.744.224.621</b>	<b>đồng</b>
2.1. Chi đầu tư phát triển	766.794.748.599	đồng
- Ngân sách thành phố:	578.600.150.383	đồng
- Ngân sách xã phường:	188.194.598.216	đồng
2.2. Chi thường xuyên	658.062.873.664	đồng
- Ngân sách thành phố:	558.302.366.604	đồng
- Ngân sách xã phường:	99.760.507.060	đồng
2.3. Chi chuyển nguồn sang năm sau	743.696.152.358	đồng
- Ngân sách thành phố:	613.824.215.773	đồng
- Ngân sách xã phường:	129.871.936.585	đồng
2.4. Chi nộp ngân sách cấp trên	4.190.450.000	đồng
- Ngân sách thành phố:	897.015.000	đồng
- Ngân sách xã phường:	3.293.435.000	đồng
<b>3. Kết dư ngân sách địa phương</b>	<b>8.224.361.268</b>	<b>đồng</b>
- Ngân sách thành phố:	1.960.425.190	đồng
- Ngân sách xã phường:	6.263.936.078	đồng

(Chi tiết có Phụ lục số 01 kèm theo)

**Điều 2.** Hội đồng nhân dân thành phố giao Ủy ban nhân dân thành phố chịu trách nhiệm tổ chức và triển khai thực hiện Nghị quyết này theo đúng quy định của pháp luật; giao Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố, hai Ban của Hội đồng nhân dân thành phố, các tổ đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố, các đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết này.

**Điều 3.** Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Đồng Hới khóa XXII - kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 20/7/2023 và có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành./.

**Nơi nhận:**

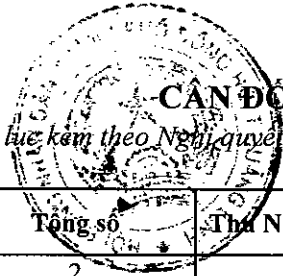
- Thường trực HĐND tỉnh Quảng Bình;
- UBND tỉnh Quảng Bình;
- Sở Tài chính;
- Ban Thường vụ Thành ủy;
- TT HĐND, UBND, UBMTTQVN TP;
- Hai Ban HĐND TP;
- Đại biểu HĐND TP;
- Các phòng, ban, đơn vị đoàn thể TP;
- HĐND, UBND, UBMTTQVN các xã phường;
- Website Đồng Hới;
- Lưu VP HĐND-UBND TP.

(để b/c)

**CHỦ TỊCH**



**Trần Phong**



## CÂN ĐỐI QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2022

(Phụ lục kèm theo Nghị quyết số: 14/NQ-HĐND ngày 25 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân thành phố Đồng Hới)

Đơn vị: đồng

Phần thu	Tổng số	Thu NS cấp huyện	Thu NS xã	Phần chi	Tổng số	Chi NS cấp huyện	Chi NS xã
1	2	4	5	6	7	9	10
<b>Tổng số thu</b>	<b>2.245.741.592.774</b>	<b>1.818.357.179.835</b>	<b>427.384.412.939</b>	<b>Tổng số chi</b>	<b>2.237.517.231.506</b>	<b>1.816.396.754.645</b>	<b>421.120.476.861</b>
<b>A. Tổng số thu cân đối ngân sách</b>	<b>2.245.741.592.774</b>	<b>1.818.357.179.835</b>	<b>427.384.412.939</b>	<b>A. Tổng số chi cân đối ngân sách</b>	<b>2.237.517.231.506</b>	<b>1.816.396.754.645</b>	<b>421.120.476.861</b>
1. Các khoản thu NSDP hưởng 100%	326.918.679.631	320.066.125.719	6.852.553.912	1. Chi đầu tư phát triển	766.794.748.599	578.600.150.383	188.194.598.216
2. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ %	836.619.517.220	655.401.797.111	181.217.720.109	2. Chi trả nợ lãi, phí tiền vay	0		
3. Thu từ quỹ dự trữ tài chính	0			3. Chi thường xuyên	658.062.873.664	558.302.366.604	99.760.507.060
4. Thu kết dư năm trước	3.675.648.733	1.606.824.000	2.068.824.733	4. Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	0		
5. Thu chuyển nguồn từ năm trước sang	715.683.492.174	543.211.184.874	172.472.307.300	5. Chi bổ sung cho ngân sách cấp dưới	64.773.006.885	64.773.006.885	
6 Thu từ NS cấp dưới nộp lên	3.293.435.000	3.293.435.000		6. Chi chuyển nguồn sang năm sau	743.696.152.358	613.824.215.773	129.871.936.585
7. Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	359.550.820.016	294.777.813.131	64.773.006.885	7. Chi nộp ngân sách cấp trên	4.190.450.000	897.015.000	3.293.435.000
Tr.đó: - Bổ sung cân đối ngân sách	215.690.885.000	178.826.920.000	36.863.965.000				
- Bổ sung có mục tiêu	143.859.935.016	115.950.893.131	27.909.041.885				
<b>- Kết dư ngân sách năm quyết toán = (thu - chi)</b>	<b>8.224.361.268</b>	<b>1.960.425.190</b>	<b>6.263.936.078</b>				
<b>- Bội chi = chi - thu<sup>1</sup></b>							
<b>B. Vay của ngân sách cấp tỉnh<sup>1</sup> (chi tiết theo mục đích vay và nguồn vay)</b>				<b>B Chi trả nợ gốc (chi tiết từng nguồn trả nợ gốc)<sup>1</sup></b>			

\*Ghi chú:

Số liệu thu, chi trừ số tiền bổ sung từ ngân sách thành phố cho ngân sách xã phường: 64.773.006.885 đồng để tránh trùng làm tăng thu, tăng chi ngân sách địa phương:

- Tổng thu: 2.245.741.592.774 -64.773.006.885 2.180.968.585.889 đồng

- Tổng chi: 2.237.517.231.506 -64.773.006.885 2.172.744.224.621 đồng

## Phụ lục số 02

**QUYẾT TOÁN CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2022**

(Phụ lục kèm theo Nghị quyết số: 14/NQ-HĐND ngày 25 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân thành phố Đồng Hới)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung (1)	Dự toán	Quyết toán	So sánh	
				Tuyệt đối	Tương đối (%)
A	B	1	2	3=2-1	4=2/1
<b>A</b>	<b>TỔNG NGUỒN THU NSDP</b>	<b>1.111.871</b>	<b>2.180.969</b>	<b>1.069.097</b>	<b>196,2</b>
<b>I</b>	<b>Thu NSDP được hưởng theo phân cấp</b>	<b>833.309</b>	<b>1.163.538</b>	<b>330.230</b>	<b>139,6</b>
-	Thu NSDP hưởng 100%	316.813	326.919	10.106	103,2
-	Thu NSDP hưởng từ các khoản thu phân chia	516.496	836.620	320.124	162,0
<b>II</b>	<b>Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên</b>	<b>186.034</b>	<b>294.778</b>	<b>108.744</b>	<b>158,5</b>
1	Thu bổ sung cân đối ngân sách	178.827	178.827	0	100,0
2	Thu bổ sung có mục tiêu	7.207	115.951	108.744	1.608,9
<b>III</b>	<b>Thu từ ngân sách cấp dưới nộp lên</b>		<b>3.293</b>	<b>3.293</b>	
<b>IV</b>	<b>Thu kết dư</b>		<b>3.676</b>	<b>3.676</b>	
<b>V</b>	<b>Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang</b>		<b>715.683</b>	<b>715.683</b>	
<b>VI</b>	<b>Thu điều tiết các khoản do tính quản lý</b>	<b>50.230</b>			
<b>VII</b>	<b>KP thực hiện CCTL</b>	<b>42.299</b>			
<b>B</b>	<b>TỔNG CHI NSDP</b>	<b>1.111.871</b>	<b>2.172.744</b>	<b>1.060.873</b>	<b>195,4</b>
<b>I</b>	<b>Tổng chi cân đối NSDP</b>	<b>1.106.692</b>	<b>1.429.048</b>	<b>322.356</b>	<b>129,1</b>
1	Chi đầu tư phát triển	519.356	766.795	247.439	147,6
2	Chi thường xuyên	568.678	658.063	89.385	115,7
3	Chi nộp trả NS cấp trên		4.190	4.190	
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính				
5	Dự phòng ngân sách	18.658		-18.658	0,0

STT	Nội dung (1)	Dự toán	Quyết toán	So sánh	
				Tuyệt đối	Tương đối (%)
A	B	1	2	3=2-1	4=2/1
6	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương			0	
<b>II</b>	<b>Chi các chương trình mục tiêu</b>	<b>5.179</b>			
1	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia				
2	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	5.179			
<b>III</b>	<b>Chi chuyển nguồn sang năm sau</b>		<b>743.696</b>	<b>743.696</b>	
<b>C</b>	<b>KẾT DƯ NSDP</b>		<b>8.224</b>	<b>8.224</b>	
<b>D</b>	<b>CHI TRẢ NỢ GỐC CỦA NSDP</b>				
<b>I</b>	Từ nguồn vay để trả nợ gốc				
<b>II</b>	Từ nguồn bội thu, tăng thu, tiết kiệm chi, kết dư ngân sách cấp tỉnh				
<b>E</b>	<b>TỔNG MỨC VAY CỦA NSDP</b>				
<b>I</b>	Vay để bù đắp bội chi				
<b>II</b>	Vay để trả nợ gốc				
<b>G</b>	<b>TỔNG MỨC DƯ NỢ VAY CUỐI NĂM CỦA NSDP</b>				

(Biểu số 49-NĐ31)

Phụ lục số 03

**QUYẾT TOÁN CÂN ĐỐI NGUỒN THU, CHI NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ VÀ NGÂN SÁCH XÃ PHƯỜNG NĂM 2022**

(Phụ lục kèm theo Nghị quyết số: 14/NQ-HĐND ngày 25 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân thành phố Đồng Hới)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán	Quyết toán	So sánh (%)
A	B	1	2	3
<b>A</b>	<b>NGÂN SÁCH CẤP THÀNH PHỐ</b>	<b>882.789</b>	<b>1.818.357</b>	<b>206,0</b>
<b>I</b>	<b>Nguồn thu ngân sách</b>	<b>882.789</b>	<b>1.818.357</b>	<b>206,0</b>
1	Thu ngân sách được hưởng theo phân cấp	646.052	975.468	151,0
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	149.170	294.778	197,6
-	Bổ sung cân đối ngân sách	141.963	178.827	126,0
-	Bổ sung có mục tiêu	7.207	115.951	1.608,9
3	Thu từ NS cấp dưới nộp lên		3.293	
4	Thu kết dư	0	1.607	
5	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang		543.211	
6	Thu bổ sung các chế độ chính sách từ nguồn chênh lệch tiền lương	37.338		
7	Thu điều tiết các khoản do tình quản lý	50.230		
<b>II</b>	<b>Chi ngân sách</b>	<b>882.789</b>	<b>1.816.397</b>	<b>205,8</b>
1	Chi thuộc nhiệm vụ của ngân sách cấp TP	845.925	1.136.903	134,4
2	Chi bổ sung cho ngân sách cấp dưới	36.864	64.773	175,7
-	Chi bổ sung cân đối ngân sách	36.864	36.864	100,0
-	Chi bổ sung có mục tiêu		27.909	
3	Chi chuyển nguồn sang năm sau		613.824	
4	Chi nộp NS cấp trên		897	
<b>III</b>	<b>Chi trả nợ gốc từ nguồn bội thu, tăng thu, tiết kiệm, kết dư ngân sách cấp tỉnh (1)</b>			
<b>IV</b>	<b>Kết dư NSTP</b>		<b>1.960</b>	
<b>B</b>	<b>NGÂN SÁCH XÃ</b>	<b>229.082</b>	<b>427.384</b>	<b>186,6</b>
<b>I</b>	<b>Nguồn thu ngân sách</b>	<b>229.082</b>	<b>427.384</b>	<b>186,6</b>
1	Thu ngân sách được hưởng theo phân cấp	187.257	188.070	100,4
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	36.864	64.773	175,7
-	Thu bổ sung cân đối ngân sách	36.864	36.864	100,0
-	Thu bổ sung có mục tiêu		27.909	
3	Thu kết dư		2.069	
4	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang		172.472	
5	Thu bổ sung các chế độ chính sách từ nguồn chênh lệch tiền lương	4.961		
<b>II</b>	<b>Chi ngân sách</b>	<b>229.082</b>	<b>421.120</b>	
1	Chi thuộc nhiệm vụ của ngân sách cấp Xã	229.082	287.955	125,7
2	Chi bổ sung cho ngân sách cấp dưới (2)			
-	Chi bổ sung cân đối ngân sách			
-	Chi bổ sung có mục tiêu			
3	Chi chuyển nguồn sang năm sau		129.872	
4	Chi nộp NS cấp trên		3.293	
<b>III</b>	<b>Kết dư xã phường</b>		<b>6.264</b>	

**QUYẾT TOÁN NGUỒN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN THEO LĨNH VỰC NĂM 2022**

(Phụ lục kèm theo Nghị quyết số: 14/NQ-HĐND ngày 25 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân thành phố Đồng Hới)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán		Quyết toán		So sánh (%)	
		Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Thu NSDP
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
	<b>TỔNG NGUỒN THU NSNN (A+B+C+D+E)</b>	<b>1.822.344</b>	<b>833.309</b>	<b>4.356.204</b>	<b>1.886.191</b>	<b>239,0</b>	<b>226,3</b>
<b>A</b>	<b>TỔNG THU CÂN ĐỐI NSNN</b>	<b>1.822.344</b>	<b>833.309</b>	<b>3.631.194</b>	<b>1.161.180</b>	<b>199,3</b>	<b>139,3</b>
<b>I</b>	<b>Thu nội địa</b>	<b>1.822.344</b>	<b>833.309</b>	<b>3.631.194</b>	<b>1.161.180</b>	<b>199,3</b>	<b>139,3</b>
1	Thu từ khu vực DNNN do trung ương quản lý (1)			<b>1.878</b>	<b>1.878</b>		
	Thuế giá trị gia tăng			1.878	1.878		
	Thuế thu nhập doanh nghiệp						
	Thu khác						
2	Thu từ khu vực DNNN do địa phương quản lý (2)	5.500	5.500	5.730	5.730	104,2	
-	Thuế giá trị gia tăng			3.990	3.990		
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp			1.740	1.740		
-	Thu khác						
3	Thu từ khu vực DN có vốn đầu tư nước ngoài (3)			0	0		
-	Thuế giá trị gia tăng						
-	Thu tiền thuê mặt đất, mặt nước						
-	Thu khác						
4	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh (4)	75.000	75.000	72.942	72.942	97,3	97,3
-	Thuế giá trị gia tăng			63.076	63.076		
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp			8.197	8.197		
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt			254	254		
-	Thuế tài nguyên			1.415	1.415		
-	Thu khác						
5	Thuế thu nhập cá nhân	61.000	61.000	73.104	72.861	119,8	119,4
6	Thuế bảo vệ môi trường						
-	Thuế BVMT thu từ hàng hóa sản xuất, kinh doanh trong nước						
-	Thuế BVMT thu từ hàng hóa nhập khẩu						
7	Lệ phí trước bạ	157.000	157.000	134.719	134.719	85,8	85,8
8	Thu phí, lệ phí	9.200	9.200	33.612	33.059	365,3	359,3
-	Phí và lệ phí trung ương						
-	Phí và lệ phí tỉnh						
-	Phí và lệ phí huyện						
-	Phí và lệ phí xã, phường						
9	Thuế sử dụng đất nông nghiệp						
10	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	4.853	4.853	13.332	13.332	274,7	274,7
11	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	12.931	6.466	205.580	102.730	1.589,8	1.588,9
12	Thu tiền sử dụng đất	1.479.000	498.330	3.067.339	707.958	207,4	142,1

STT	Nội dung	Dự toán		Quyết toán		So sánh (%)	
		Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Thu NSDP
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
13	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước						
14	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết (Chi tiết theo sắc thuế)						
15	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	1.800	1.800	866	742	48,1	41,2
16	Thu khác ngân sách	13.600	11.700	20.927	14.064	153,9	120,2
17	Thu tại xã	1.860	1.860	416	416	22,4	22,4
18	Thu nhập sau thuế thu nhập	600	600	749	749		
19	Lợi nhuận được chia của Nhà nước và lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp nhà nước (5)						
20	Chênh lệch thu chi Ngân hàng Nhà nước (5)						
<b>II</b>	<b>Thu từ dầu thô</b>						
<b>III</b>	<b>Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu</b>						
1	Thuế xuất khẩu						
2	Thuế nhập khẩu						
3	Thuế tiêu thụ đặc biệt thu từ hàng hóa nhập khẩu						
4	Thuế bảo vệ môi trường thu từ hàng hóa nhập khẩu						
5	Thuế giá trị gia tăng thu từ hàng hóa nhập khẩu						
6	Thu khác						
<b>IV</b>	<b>Thu viện trợ</b>						
<b>B</b>	<b>Các khoản huy động đóng góp</b>			<b>2.358</b>	<b>2.358</b>		
-	Các khoản huy động đóng góp xây dựng cơ sở hạ tầng			1.954	1.954		
-	Các khoản huy động đóng góp khác			404	404		
<b>C</b>	<b>THU NS CẤP DƯỚI NỢP LÊN</b>			<b>3.293</b>	<b>3.293</b>		
<b>D</b>	<b>THU KẾT DƯ NĂM TRƯỚC</b>			<b>3.676</b>	<b>3.676</b>		
<b>E</b>	<b>THU CHUYỂN NGUỒN TỪ NĂM TRƯỚC CHUYỂN SANG</b>			<b>715.683</b>	<b>715.683</b>		

*JH*

## QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ THEO LĨNH VỰC NĂM 2022

(Phụ lục kèm theo Nghị quyết số: 14/NQ-HĐND ngày 25 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân thành phố  
Đông Hải)

ĐVT: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN	QUYẾT TOÁN	SỐ SÁNH (%)
A	B	1	2	3 = 2/1
	<b>TỔNG CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG</b>	<b>919.653</b>	<b>1.816.397</b>	<b>1,98</b>
<b>A</b>	<b>CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG</b>	<b>882.789</b>	<b>1.141.584</b>	<b>1,29</b>
<b>I</b>	<b>Chi đầu tư phát triển</b>	<b>358.691</b>	<b>578.600</b>	<b>1,61</b>
1	Chi đầu tư cho các dự án	358.691	578.600	1,61
2	Chi đầu tư phát triển khác ( Ghi thu ghi chi hạ tầng tạo quỹ đất )			
<b>II</b>	<b>Chi thường xuyên</b>	<b>487.976</b>	<b>547.831</b>	<b>1,12</b>
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	234.916	231.124	0,98
2	Chi quốc phòng	6.070	8.697	1,43
3	Chi an ninh trật tự an toàn xã hội	1.330	1.429	1,07
4	Chi y tế dân số, gia đình	28.511	22.366	0,78
5	Chi văn hóa thông tin	8.099	7.670	0,95
6	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	1.663	304	0,18
7	Chi Thể dục thể thao			
8	Chi bảo vệ môi trường	5.557	0	0,00
9	Chi các hoạt động kinh tế	107.858	157.667	1,46
10	Chi hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	51.498	75.294	1,46
11	Chi đảm bảo xã hội	29.214	34.749	1,19
12	Chi thường xuyên khác	13.260	8.531	0,64
<b>III</b>	<b>Dự phòng ngân sách</b>	<b>17.418</b>	<b>14.256</b>	<b>0,82</b>
<b>VI</b>	<b>Chi tạo nguồn, tiết kiệm chi TX, điều chỉnh tiền lương</b>	<b>18.704</b>		
<b>V</b>	<b>Chi nộp ngân sách cấp trên</b>		<b>897</b>	
<b>B</b>	<b>CHI BỔ SUNG CHO NGÂN SÁCH CẤP DƯỚI</b>	<b>36.864</b>	<b>60.989</b>	<b>1,65</b>
<b>C</b>	<b>CHI CHUYỂN NGUỒN NGÂN SÁCH SANG NĂM SAU</b>		<b>613.824</b>	

**QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ THEO LĨNH VỰC NĂM 2022**(Phụ lục kèm theo Nghị quyết số: 14/NQ-HĐND ngày 25 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân thành phố  
Đồng Hới)

ĐVT: triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN	QUYẾT TOÁN	SO SÁNH	
				TUYỆT ĐỐI	TƯƠNG ĐỐI (%)
A	B	1	2	3=2-1	4=2/1
	<b>TỔNG CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG</b>	<b>919.653</b>	<b>1.816.397</b>	<b>896.744</b>	<b>1,98</b>
A	<b>Chi bổ sung cho ngân sách cấp xã</b>	<b>36.864</b>	<b>60.989</b>	<b>24.125</b>	<b>1,65</b>
B	<b>Chi ngân sách Thành phố</b>	<b>882.789</b>	<b>1.141.584</b>	<b>258.795</b>	<b>1,29</b>
I	<b>Chi đầu tư phát triển ( có ghi thu ghi chi chi phí HT tạo quỹ đất )</b>	<b>358.691</b>	<b>578.600</b>	<b>219.909</b>	<b>1,61</b>
II	<b>Chi thường xuyên</b>	<b>487.976</b>	<b>547.831</b>	<b>59.855</b>	<b>1,12</b>
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	234.916	231.124	-3.792	0,98
2	Chi quốc phòng	6.070	8.697	2.627	1,43
3	Chi an ninh trật tự an toàn xã hội	1.330	1.429	99	1,07
4	Chi y tế dân số, gia đình	28.511	22.366	-6.145	0,78
5	Chi văn hóa thông tin	8.099	7.670	-429	0,95
6	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	1.663	304	-1.359	0,18
7	Chi Thể dục thể thao			0	
8	Chi bảo vệ môi trường	5.557		-5.557	0,00
9	Chi các hoạt động kinh tế	107.858	157.667	49.809	1,46
10	Chi hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	51.498	75.294	23.796	1,46
11	Chi đảm bảo xã hội	29.214	34.749	5.535	1,19
12	Chi thường xuyên khác	13.260	8.531	-4.729	0,64
III	<b>Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính</b>			<b>0</b>	
IV	<b>Dự phòng ngân sách</b>	<b>17.418</b>	<b>14.256</b>	<b>-3.162</b>	<b>0,82</b>
V	<b>Chi tạo nguồn, tiết kiệm chi TX, điều chỉnh tiền lương</b>	<b>18.704</b>		<b>-18.704</b>	
VI	<b>Chi nộp ngân sách cấp trên</b>		<b>897</b>		
C	<b>Chi chuyển nguồn sang năm sau</b>		<b>613.824</b>	<b>613.824</b>	

**QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG, CHI NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ  
VÀ CHI NGÂN SÁCH XÃ, PHƯỜNG THEO CƠ CẤU CHI NĂM 2022**

(Phụ lục kèm theo Nghị quyết số: 14/NQ-HĐND ngày 25 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân thành phố Đồng Hới)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2022	Bao gồm		Quyết toán	Bao gồm		So sánh (%)		
			Ngân sách TP	Ngân sách xã, phường		Ngân sách TP	Ngân sách xã, phường	Ngân sách địa phương	Ngân sách TP	Ngân sách xã, phường
A	B	1=2+3	2	3	4=5+6	5	6	7	8	9
	<b>TỔNG CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG</b>	<b>1.111.870</b>	<b>882.790</b>	<b>229.081</b>	<b>2.172.744</b>	<b>1.751.623</b>	<b>421.121</b>	<b>195,4</b>	<b>198,4</b>	<b>183,8</b>
<b>A</b>	<b>CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG</b>	<b>1.111.870</b>	<b>882.789</b>	<b>229.081</b>	<b>1.424.858</b>	<b>1.137.799</b>	<b>291.249</b>	<b>128,1</b>	<b>128,9</b>	<b>127,1</b>
<b>I</b>	<b>Chi đầu tư phát triển</b>	<b>519.356</b>	<b>358.691</b>	<b>160.665</b>	<b>766.795</b>	<b>578.600</b>	<b>188.195</b>	<b>147,6</b>	<b>161,3</b>	<b>117,1</b>
1	Vốn tập trung trong nước	21.026	21.026		766.795	578.600	188.195	3.646,9	2.751,8	
2	Vốn thu từ tiền sử dụng đất	498.330	337.665	160.665	0					
<b>II</b>	<b>Chi thường xuyên</b>	<b>549.973</b>	<b>487.976</b>	<b>61.997</b>	<b>647.592</b>	<b>547.831</b>	<b>99.761</b>	<b>117,7</b>	<b>112,3</b>	<b>160,9</b>
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	235.141	234.916	225	233.525	231.124	2.401	99,3	98,4	1.067,1
2	Chi quốc phòng	13.379	7.400	5.979	14.225	8.697	5.528	106,3	117,5	92,5
3	Chi an ninh trật tự an toàn xã hội				6.802	1.429	5.373			
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số KHHGD	28.704	28.511	193	22.660	22.366	294	78,9	78,4	152,3
5	Chi văn hóa thông tin	8.445	8.099	346	8.235	7.670	565	97,5	94,7	163,3
6	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	1.663	1.663		307	304	3	18,5	18,3	
7	Chi Thể dục thể thao	0			1.815		1.815			
8	Chi bảo vệ môi trường	5.557	5.557		2		2	0,0	0,0	
9	Chi các hoạt động kinh tế	107.858	107.858		169.541	157.667	11.874	157,2	146,2	
10	Chi hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	103.902	51.498	52.404	139.435	75.294	64.141	134,2	146,2	122,4
11	Chi đảm bảo xã hội	31.934	29.214	2.720	42.514	34.749	7.765	133,1	118,9	285,5
12	Chi thường xuyên khác	13.390	13.260	130	8.531	8.531		63,7	64,3	0,0
<b>III</b>	<b>Dự phòng ngân sách</b>	<b>18.658</b>	<b>17.418</b>	<b>1.240</b>	<b>10.471</b>	<b>10.471</b>		<b>56,1</b>	<b>60,1</b>	<b>0,0</b>
<b>VI</b>	<b>Chi tạo nguồn, tiết kiệm chi TX, điều chỉnh tiền lương</b>	<b>18.704</b>	<b>18.704</b>		<b>0</b>					
<b>VII</b>	<b>Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên</b>	<b>5.179</b>		<b>5.179</b>	<b>4.190</b>	<b>897</b>	<b>3.293</b>			
<b>VIII</b>	<b>Chi nộp ngân sách cấp trên</b>									
<b>B</b>	<b>CHI CHUYỂN NGUỒN NGÂN SÁCH SANG NĂM SAU</b>	<b>0</b>			<b>743.696</b>	<b>613.824</b>	<b>129.872</b>			

*Handwritten signature*

**QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP THÀNH PHỐ CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC THEO LĨNH VỰC NĂM 2022**

(Phụ lục kèm theo Nghị quyết số: 14/NQ-HĐND ngày 25 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân thành phố Đồng Hới)

Đơn vị: Triệu đồng

S T T	Tên đơn vị	Dự toán (1)			Quyết toán			Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau	So sánh (%)		
		Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên	Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên		Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
	<b>TỔNG SỐ</b>	<b>629.910,77</b>	<b>0,00</b>	<b>629.910,77</b>	<b>1.280.816,08</b>	<b>43.019,47</b>	<b>1.237.796,61</b>	<b>16.009,91</b>	<b>203</b>	<b>0,0%</b>	<b>197</b>
<b>I</b>	<b>CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC</b>	<b>575.628,75</b>	<b>0,00</b>	<b>575.628,75</b>	<b>558.302,37</b>	<b>0,00</b>	<b>558.302,37</b>	<b>16.009,91</b>	<b>97</b>	<b>0,0%</b>	<b>97</b>
1	Ban chỉ huy quân sự	10.574,04		10.574,04	10.574,04		10.574,04	0,00	100	0,0%	100
2	Đồn biên phòng nhật lệ	371,65		371,65	371,65		371,65	0,00	100	0,0%	100
3	Công an TP	1.590,18		1.590,18	1.590,18		1.590,18	0,00	100	0,0%	100
4	Trung tâm giáo dục nghề nghiệp giáo dục thường xuyên TP	3.539,92		3.539,92	3.539,92		3.539,92	0,00	100	0,0%	100
5	Trường THCS số 2 Bắc Lý	2.922,08		2.922,08	2.922,08		2.922,08	0,00	100	0,0%	100
6	Trường THCS Lộc Ninh	4.146,81		4.146,81	4.146,81		4.146,81	0,00	100	0,0%	100
7	Trường TH-THCS Thuận Đức	4.402,59		4.402,59	4.402,59		4.402,59	0,00	100	0,0%	100
8	Trường THCS số 1 Đồng Sơn	6.168,30		6.168,30	6.166,31		6.166,31	0,00	100	0,0%	100
9	Trường THCS Bắc Nghĩa	4.722,45		4.722,45	4.722,45		4.722,45	0,00	100	0,0%	100
10	Trường THCS Hải Đình	4.093,26		4.093,26	4.090,83		4.090,83	0,00	100	0,0%	100
11	Trường THCS số 1 Bắc Lý	4.897,74		4.897,74	4.897,74		4.897,74	0,00	100	0,0%	100
12	Trường THCS Đồng Phú	5.681,63		5.681,63	5.681,63		5.681,63	0,00	100	0,0%	100
13	Trường THCS Hải Thành	3.161,54		3.161,54	3.161,54		3.161,54	0,00	100	0,0%	100
14	Trường THCS số 1 Nam Lý	6.753,86		6.753,86	6.753,86		6.753,86	0,00	100	0,0%	100
15	Trường THCS Quang Phú	2.725,88		2.725,88	2.725,88		2.725,88	0,00	100	0,0%	100
16	Trường THCS số 2 Nam Lý	4.152,35		4.152,35	4.152,35		4.152,35	0,00	100	0,0%	100
17	Trường THCS Đồng Mỹ	4.592,06		4.592,06	4.592,06		4.592,06	0,00	100	0,0%	100
18	Trường THCS Đức Ninh Đông	3.026,33		3.026,33	3.026,33		3.026,33	0,00	100	0,0%	100

78

S T T	Tên đơn vị	Dự toán (1)			Quyết toán			Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau	So sánh (%)		
		Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên	Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên		Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên
19	Trường THCS Đức Ninh	3.844,12		3.844,12	3.842,11		3.842,11	0,00	100	0,0%	100
20	Trường THCS Bảo Ninh	3.739,01		3.739,01	3.739,01		3.739,01	0,00	100	0,0%	100
21	Trường TH-THCS Phú Hải	3.738,38		3.738,38	3.738,38		3.738,38	0,00	100	0,0%	100
22	Tiểu học Đồng Phú	8.308,25		8.308,25	8.308,25		8.308,25	0,00	100	0,0%	100
23	Tiểu học Đồng Mỹ	4.636,93		4.636,93	4.636,93		4.636,93	0,00	100	0,0%	100
24	Tiểu học số 2 Bắc Lý	7.504,00		7.504,00	7.225,28		7.225,28	278,00	96	0,0%	96
25	Tiểu học số 1 Nam Lý	6.358,59		6.358,59	6.358,59		6.358,59	0,00	100	0,0%	100
26	Tiểu học số 1 Đồng Sơn	5.795,18		5.795,18	5.795,18		5.795,18	0,00	100	0,0%	100
27	Tiểu học số 2 Đồng Sơn	3.811,09		3.811,09	3.811,09		3.811,09	0,00	100	0,0%	100
28	Tiểu học số 1 Bảo Ninh	3.507,70		3.507,70	3.507,70		3.507,70	0,00	100	0,0%	100
29	Tiểu học Lộc Ninh	6.619,48		6.619,48	6.619,37		6.619,37	0,00	100	0,0%	100
30	Tiểu học Hải Đình	4.730,21		4.730,21	4.730,21		4.730,21	0,00	100	0,0%	100
31	Tiểu học Đức Ninh	4.858,19		4.858,19	4.858,19		4.858,19	0,00	100	0,0%	100
32	Tiểu học Đức Ninh Đông	4.089,96		4.089,96	4.089,96		4.089,96	0,00	100	0,0%	100
33	Tiểu học số 3 Nam Lý	5.362,47		5.362,47	5.362,47		5.362,47	0,00	100	0,0%	100
34	Tiểu học số 2 Nam Lý	4.168,39		4.168,39	4.168,39		4.168,39	0,00	100	0,0%	100
35	Tiểu học Bắc Nghĩa	4.435,55		4.435,55	4.434,21		4.434,21	0,00	100	0,0%	100
36	Tiểu học Nghĩa Ninh	3.080,93		3.080,93	3.080,93		3.080,93	0,00	100	0,0%	100
37	Tiểu học Quang Phú	2.432,86		2.432,86	2.432,86		2.432,86	0,00	100	0,0%	100
38	Tiểu học số 1 Bắc Lý	3.803,85		3.803,85	3.803,85		3.803,85	0,00	100	0,0%	100
39	Tiểu học Hải Thành	3.869,34		3.869,34	3.867,28		3.867,28	0,00	100	0,0%	100
40	Tiểu học số 2 Bảo Ninh	3.011,65		3.011,65	3.011,65		3.011,65	0,00	100	0,0%	100
41	TT nuôi dạy trẻ khuyết tật	4.669,82		4.669,82	4.467,94		4.467,94	201,88	96	0,0%	96
42	Trường Mầm Non Bắc Lý	5.357,12		5.357,12	5.357,12		5.357,12	0,00	100	0,0%	100
43	Trường Mầm Non Hải Thành	3.166,08		3.166,08	3.166,08		3.166,08	0,00	100	0,0%	100
44	Trường Mầm Non Phú Hải	1.997,57		1.997,57	1.997,57		1.997,57	0,00	100	0,0%	100

S T T	Tên đơn vị	Dự toán (I)			Quyết toán			Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau	So sánh (%)		
		Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên	Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên		Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên
45	Trường Mầm Non Đồng Mỹ	2.866,30		2.866,30	2.864,03		2.864,03	0,00	100	0,0%	100
46	Trường Mầm Non Đồng Phú	4.095,23		4.095,23	4.095,23		4.095,23	0,00	100	0,0%	100
47	Trường Mầm Non Bắc Nghĩa	5.460,28		5.460,28	5.460,28		5.460,28	0,00	100	0,0%	100
48	Trường Mầm Non Lộc Ninh	4.625,95		4.625,95	4.625,94		4.625,94	0,00	100	0,0%	100
49	Trường Mầm Non Quang Phú	2.237,35		2.237,35	2.237,35		2.237,35	0,00	100	0,0%	100
50	Trường Mầm Non Nam Lý	5.870,60		5.870,60	5.870,60		5.870,60	0,00	100	0,0%	100
51	Trường Mầm Non Đồng Sơn	3.278,86		3.278,86	3.278,86		3.278,86	0,00	100	0,0%	100
52	Trường Mầm Non Nghĩa Ninh	3.337,03		3.337,03	3.336,03		3.336,03	0,00	100	0,0%	100
53	Trường Mầm Non Hoa Hồng	3.934,43		3.934,43	3.825,43		3.825,43	109,00	97	0,0%	97
54	Trường Mầm Non Bảo Ninh	4.528,06		4.528,06	4.528,06		4.528,06	0,00	100	0,0%	100
55	Trường Mầm Non Thuận Đức	2.764,29		2.764,29	2.764,29		2.764,29	0,00	100	0,0%	100
56	Trường Mầm Non Đức Ninh	3.617,35		3.617,35	3.617,35		3.617,35	0,00	100	0,0%	100
57	Trường Mầm Non Đức Ninh Đông	3.227,20		3.227,20	3.227,20		3.227,20	0,00	100	0,0%	100
58	Phòng y tế	2.543,61		2.543,61	2.543,61		2.543,61	0,00	100	0,0%	100
59	Hội đồng y	140,87		140,87	140,87		140,87	0,00	100	0,0%	100
60	Trung tâm y tế thành phố	792,05		792,05	792,05		792,05	0,00	100	0,0%	100
61	Trung tâm văn hoá và TT	496,44		496,44	496,44		496,44	0,00	100	0,0%	100
62	Đài phát thanh truyền hình	304,15		304,15	304,15		304,15	0,00	100	0,0%	100
63	Trung tâm văn hoá thể thao và truyền thông	7.458,77		7.458,77	7.173,68		7.173,68	285,09	96	0,0%	96
64	Bảo hiểm xã hội tỉnh	20.341,22		20.341,22	20.341,22		20.341,22	0,00	100	0,0%	100
65	Thành uỷ Đồng Hới	15.622,92		15.622,92	15.622,92		15.622,92	0,00	100	0,0%	100
66	Trung tâm dịch vụ nông nghiệp	1.414,58		1.414,58	1.414,58		1.414,58	0,00	100	0,0%	100
67	BQL rừng phòng hộ	1.319,18		1.319,18	1.010,88		1.010,88	0,00	77	0,0%	77
68	Trung tâm công viên cây xanh	12.110,34		12.110,34	12.110,34		12.110,34	0,00	100	0,0%	100
69	Đội quy tắc và trật tự đô thị	4.061,70		4.061,70	4.061,70		4.061,70	0,00	100	0,0%	100
70	Phòng Quản lý đô thị	16.165,06		16.165,06	12.609,57		12.609,57	3.516,76	78	0,0%	78

S T T	Tên đơn vị	Dự toán (I)			Quyết toán			Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau	So sánh (%)		
		Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên	Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên		Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên
71	Phòng Tài nguyên môi trường	2.323,66		2.323,66	2.323,66		2.323,66	0,00	100	0,0%	100
72	BQL dịch vụ công ích	98.455,40		98.455,40	90.403,47		90.403,47	7.482,00	92	0,0%	92
73	Phòng Giáo dục và đào tạo	5.910,69		5.910,69	4.692,64		4.692,64	988,46	79	0,0%	79
74	Thanh tra thành phố	1.065,40		1.065,40	1.065,19		1.065,19	0,00	100	0,0%	100
75	Phòng Nội vụ	2.805,87		2.805,87	2.805,87		2.805,87	0,00	100	0,0%	100
76	Phòng Tư pháp	1.171,82		1.171,82	1.171,82		1.171,82	0,00	100	0,0%	100
77	Phòng Tài chính - Kế hoạch	3.352,76		3.352,76	3.352,76		3.352,76	0,00	100	0,0%	100
78	Phòng Tài chính - Kế hoạch (Hoàn tạm ứng xe công nông)	949,80		949,80	949,80		949,80	0,00	100	0,0%	100
79	Phòng Kinh tế	3.713,12		3.713,12	2.180,68		2.180,68	1.532,00	59	0,0%	59
80	Văn phòng HĐND-UBND TP	17.938,76		17.938,76	17.771,56		17.771,56	112,20	99	0,0%	99
81	Phòng Lao động TB&XH TP	47.734,24		47.734,24	47.729,68		47.729,68	4,51	100	0,0%	100
82	Phòng Văn hoá và thông tin	2.313,19		2.313,19	2.313,19		2.313,19	0,00	100	0,0%	100
83	Trung tâm bồi dưỡng chính trị	2.414,59		2.414,59	2.414,59		2.414,59	0,00	100	0,0%	100
84	Ủy ban mặt trận TQVN	8.307,79		8.307,79	8.307,79		8.307,79	0,00	100	0,0%	100
85	Hội người mù	369,40		369,40	369,40		369,40	0,00	100	0,0%	100
86	Hội chữ thập đỏ	625,08		625,08	625,08		625,08	0,00	100	0,0%	100
87	Hội nạn nhân chất độc da cam	138,72		138,72	138,72		138,72	0,00	100	0,0%	100
88	Hội khuyến học	461,77		461,77	461,77		461,77	0,00	100	0,0%	100
89	Quản lý thị trường	100,00		100,00	100,00		100,00	0,00	100	0,0%	100
90	Chi cục thuế KV Đồng Hới - Quảng Ninh	376,71		376,71	376,71		376,71	0,00	100	0,0%	100
91	Chi cục thi hành án dân sự	103,13		103,13	103,13		103,13	0,00	100	0,0%	100
92	Hạt kiểm lâm Đồng Hới	169,93		169,93	169,93		169,93	0,00	100	0,0%	100
93	Bệnh viện đa khoa TP	714,89		714,89	714,89		714,89	0,00	100	0,0%	100
94	Toà án thành phố	190,00		190,00	190,00		190,00	0,00	100	0,0%	100
95	Viện kiểm sát thành phố	90,00		90,00	90,00		90,00	0,00	100	0,0%	100
96	Chi cục thống kê	282,78		282,78	282,78		282,78	0,00	100	0,0%	100

S T T	Tên đơn vị	Dự toán (1)			Quyết toán			Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau	So sánh (%)		
		Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên	Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên		Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên
97	Ngân hàng chính sách	2.334,83		2.334,83	2.334,83		2.334,83	0,00	100	0,0%	100
98	Liên đoàn lao động TP	70,88		70,88	70,88		70,88	0,00	100	0,0%	100
99	BQLDA đầu tư và PTQĐ	5.545,52		5.545,52	3.945,22		3.945,22	1.500,00	71	0,0%	71
100	UBND phường Bắc Lý - Hoàn tạm ứng bằng LCT	590,63		590,63	590,63		590,63	0,00	100	0,0%	100
101	UBND phường Bắc Nghĩa - Hoàn tạm ứng bằng LCT	282,36		282,36	282,36		282,36	0,00	100	0,0%	100
102	UBND phường Đồng Phú - Hoàn tạm ứng bằng LCT	431,63		431,63	431,63		431,63	0,00	100	0,0%	100
103	UBND phường Đồng Sơn - Hoàn tạm ứng bằng LCT	73,96		73,96	73,96		73,96	0,00	100	0,0%	100
104	UBND phường Đức Ninh Đông - Hoàn tạm ứng bằng LCT	129,04		129,04	129,04		129,04	0,00	100	0,0%	100
105	UBND phường Hải Thành - Hoàn tạm ứng bằng LCT	30,00		30,00	30,00		30,00	0,00	100	0,0%	100
106	UBND phường Nam Lý - Hoàn tạm ứng bằng LCT	126,54		126,54	126,54		126,54	0,00	100	0,0%	100
107	UBND phường Phú Hải - Hoàn tạm ứng bằng LCT	316,12		316,12	316,12		316,12	0,00	100	0,0%	100
108	UBND xã Bảo Ninh - Hoàn tạm ứng bằng LCT	325,73		325,73	325,73		325,73	0,00	100	0,0%	100
109	UBND xã Đức Ninh - Hoàn tạm ứng bằng LCT	209,49		209,49	209,49		209,49	0,00	100	0,0%	100
110	UBND xã Lộc Ninh - Hoàn tạm ứng bằng LCT	119,08		119,08	119,08		119,08	0,00	100	0,0%	100
111	UBND xã Nghĩa Ninh - Hoàn tạm ứng bằng LCT	142,42		142,42	142,42		142,42	0,00	100	0,0%	100
112	UBND xã Quang Phú - Hoàn tạm ứng bằng LCT	52,31		52,31	52,31		52,31	0,00	100	0,0%	100
113	UBND xã Thuận Đức - Hoàn tạm ứng bằng LCT	144,69		144,69	144,69		144,69	0,00	100	0,0%	100
114	Trung tâm học tập cộng đồng 15 xã, phường	450,00		450,00	450,00		450,00	0,00	100	0,0%	100
115	Hội cựu chiến binh tỉnh QB	15,00		15,00	15,00		15,00	0,00	100	0,0%	100
116	Phòng TCKH (Hỗ trợ khai thác hải sản trên các vùng biển xa)	34.540,62		34.540,62	34.540,62		34.540,62	0,00	100	0,0%	100
117	Hội sinh vật cảnh thành phố Đồng Hới	41,58		41,58	41,58		41,58	0,00	100	0,0%	100
118	Hỗ trợ tiền điện hộ nghèo	96,20		96,20	96,20		96,20	0,00	100	0,0%	100
119	Hội làm vườn	147,46		147,46	147,46		147,46	0,00	100	0,0%	100
120	BCH phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn	300,00		300,00	300,00		300,00	0,00	100	0,0%	100
<b>II</b>	<b>CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN (GTGC)</b>	<b>0,00</b>			<b>43.019,47</b>		<b>43.019,47</b>			<b>0,0%</b>	

S T T	Tên đơn vị	Dự toán (1)			Quyết toán			Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau	So sánh (%)		
		Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên	Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên		Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên
III	DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH	17.418,05		17.418,05	14.255,92		14.255,92		82	0,0%	82
IV	CHI TẠO NGUỒN, ĐIỀU CHỈNH TIỀN LƯƠNG	0,00			0,00					0,0%	
V	CHI BỔ SUNG CHO NGÂN SÁCH CẤP DƯỚI	36.863,97		36.863,97	64.773,01		64.773,01		176	0,0%	
VI	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NGÂN SÁCH NĂM SAU	0,00			613.824,22		613.824,22			0,0%	
VII	CHI NỢP TRẢ NGÂN SÁCH CẤP TRÊN	0,00			897,02		897,02	0,00		0,0%	

Ghi chú: Số chi từ nguồn dự phòng 14.255,92 triệu đồng đã hạch toán vào số chi các đơn vị, do đó để tránh trùng lặp tổng số chi thường xuyên không cộng số này

(Biểu số 53- ND 31)

Phụ lục số 09

**QUYẾT TOÁN CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CỦA NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC**

(Phụ lục kèm theo Nghị quyết số: 14/NQ-HĐND ngày 25 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân thành phố Đồng Hới)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Dự toán	Quyết toán	Chi giáo dục đào tạo và dạy nghề	Chi khoa học và công nghệ	Chi quốc phòng	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	Chi y tế, dân số và gia đình	Chi văn hóa thông tin	Chi phát thanh, truyền hình, thông tin	Chi thể dục thể thao	Chi bảo vệ môi trường	Chi các hoạt động kinh tế	Trong đó		Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	Chi bảo đảm xã hội	Chi đầu tư khác	So sánh (%)
														Chi giao thông	Chi nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi, thủy sản				
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18=2/1
	<b>Thành Phố Đồng Hới</b>	<b>570.463</b>	<b>535.580</b>	<b>124.184</b>		<b>5.448</b>	<b>7.094</b>	<b>6.913</b>	<b>16.973</b>	<b>4.572</b>	<b>3.000</b>		<b>319.401</b>	<b>135.541</b>	<b>32.999</b>	<b>45.585</b>	<b>2.410</b>		<b>78.64%</b>
1	Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân	27.928	27.571													27.571			98.72%
2	Phòng Quản lý đô thị	28.005	22.581										22.581	13.114	1.868				80.63%
3	Phòng Kinh tế và Hạ tầng	9.570	7.866										6.136	278	5.857	1.730			82.19%
4	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội	1.700	1.499														1.499		88.23%
5	Phòng Văn hóa và Thông tin	1.200	1.198						698								500		99.86%
6	Phòng Tài nguyên và Môi trường	1.408	1.352										1.352						96.04%
7	Các quan hệ khác của ngân sách	43.019	43.019										43.019						100%
8	Các đơn vị khác	457.632	430.493	124.184		5.448	7.094	6.913	16.275	4.572	3.000		246.312	122.149	25.274	16.284	411		76.01%

**QUYẾT TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN CỦA NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC THEO LĨNH VỰC NĂM 2022**

(Phụ lục kèm theo Nghị quyết số: 14/NQ-HĐND ngày 25 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân thành phố Đồng Hới)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Dự toán	Quyết toán	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	Chi khoa học và công nghệ	Chi quốc phòng	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	Chi y tế, dân số và gia đình	Chi văn hóa thông tin	Chi phát thanh, truyền hình, thông tán	Chi thể dục thể thao	Chi bảo vệ môi trườn g	Chi các hoạt động kinh tế	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	Chi bảo đảm xã hội	Các khoản chi khác theo quy định của pháp luật	Chi đầu tư khác	So sánh (%)
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17= 2/1
	<b>TỔNG SỐ</b>	575.628,75	558.302,37	231.123,59	0,00	10.945,69	1.590,18	23.018,55	7.670,13	304,15	0	0	166.553,84	76.160,63	34.749,24	6.186,39	0,00	97,0
1	Ban chỉ huy quân sự	10.574,04	10.574,04			10.574,04												100,0
2	Đồn biên phòng nhật lệ	371,65	371,65			371,65												100,0
3	Công an TP	1.590,18	1.590,18				1.590,18											100,0
4	Trung tâm giáo dục nghề nghiệp giáo dục thường xuyên TP	3.539,92	3.539,92	3.539,92														100,0
5	Trường THCS số 2 Bắc Lý	2.922,08	2.922,08	2.922,08														100,0
6	Trường THCS Lộc Ninh	4.146,81	4.146,81	4.146,81														100,0
7	Trường TH-THCS Thuận Đức	4.402,59	4.402,59	4.402,59														100,0
8	Trường THCS số 1 Đồng Sơn	6.168,30	6.166,31	6.166,31														100,0
9	Trường THCS Bắc Nghĩa	4.722,45	4.722,45	4.722,45														100,0
10	Trường THCS Hải Định	4.093,26	4.090,83	4.090,83														99,9
11	Trường THCS số 1 Bắc Lý	4.897,74	4.897,74	4.897,74														100,0
12	Trường THCS Đồng Phú	5.681,63	5.681,63	5.681,63														100,0
13	Trường THCS Hải Thành	3.161,54	3.161,54	3.161,54														100,0
14	Trường THCS số 1 Nam Lý	6.753,86	6.753,86	6.753,86														100,0
15	Trường THCS Quang Phú	2.725,88	2.725,88	2.725,88														100,0
16	Trường THCS số 2 Nam Lý	4.152,35	4.152,35	4.152,35														100,0
17	Trường THCS Đồng Mỹ	4.592,06	4.592,06	4.592,06														100,0
18	Trường THCS Đức Ninh Đông	3.026,33	3.026,33	3.026,33														100,0

STT	Tên đơn vị	Dự toán	Quyết toán	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	Chi khoa học và công nghệ	Chi quốc phòng	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	Chi y tế, dân số và gia đình	Chi văn hóa thông tin	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	Chi thể dục thể thao	Chi bảo vệ môi trườn g	Chi các hoạt động kinh tế	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	Chi bảo đảm xã hội	Các khoản chi khác theo quy định của pháp luật	Chi đầu tư khác	So sánh (%)
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17= 2/1
19	Trường THCS Đức Ninh	3.844,12	3.842,11	3.842,11														99,9
20	Trường THCS Bảo Ninh	3.739,01	3.739,01	3.739,01														100,0
21	Trường TH-THCS Phú Hải	3.738,38	3.738,38	3.738,38														100,0
22	Tiểu học Đồng Phú	8.308,25	8.308,25	8.308,25														100,0
23	Tiểu học Đồng Mỹ	4.636,93	4.636,93	4.636,93														100,0
24	Tiểu học số 2 Bắc Lý	7.504,00	7.225,28	7.225,28														96,3
25	Tiểu học số 1 Nam Lý	6.358,59	6.358,59	6.358,59														100,0
26	Tiểu học số 1 Đồng Sơn	5.795,18	5.795,18	5.795,18														100,0
27	Tiểu học số 2 Đồng Sơn	3.811,09	3.811,09	3.811,09														100,0
28	Tiểu học số 1 Bảo Ninh	3.507,70	3.507,70	3.507,70														100,0
29	Tiểu học Lộc Ninh	6.619,48	6.619,37	6.619,37														100,0
30	Tiểu học Hải Đình	4.730,21	4.730,21	4.730,21														100,0
31	Tiểu học Đức Ninh	4.858,19	4.858,19	4.858,19														100,0
32	Tiểu học Đức Ninh Đông	4.089,96	4.089,96	4.089,96														100,0
33	Tiểu học số 3 Nam Lý	5.362,47	5.362,47	5.362,47														100,0
34	Tiểu học số 2 Nam Lý	4.168,39	4.168,39	4.168,39														100,0
35	Tiểu học Bắc Nghĩa	4.435,55	4.434,21	4.434,21														100,0
36	Tiểu học Nghĩa Ninh	3.080,93	3.080,93	3.080,93														100,0
37	Tiểu học Quang Phú	2.432,86	2.432,86	2.432,86														100,0
38	Tiểu học số 1 Bắc Lý	3.803,85	3.803,85	3.803,85														100,0
39	Tiểu học Hải Thành	3.869,34	3.867,28	3.867,28														99,9
40	Tiểu học số 2 Bảo ninh	3.011,65	3.011,65	3.011,65														100,0
41	TT nuôi dạy trẻ khuyết tật	4.669,82	4.467,94	4.467,94														95,7
42	Trường Mầm Non Bắc Lý	5.357,12	5.357,12	5.357,12														100,0

STT	Tên đơn vị	Dự toán	Quyết toán	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	Chi khoa học và công nghệ	Chi quốc phòng	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	Chi y tế, dân số và gia đình	Chi văn hóa thông tin	Chi phát thanh, truyền hình, thông tin	Chi thể dục thể thao	Chi bảo vệ môi trường	Chi các hoạt động kinh tế	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	Chi bảo đảm xã hội	Các khoản chi khác theo quy định của pháp luật	Chi đầu tư khác	So sánh (%)
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17= 2/1
43	Trường Mầm Non Hải Thành	3.166,08	3.166,08	3.166,08														100,0
44	Trường Mầm Non Phú Hải	1.997,57	1.997,57	1.997,57														100,0
45	Trường Mầm Non Đồng Mỹ	2.866,30	2.864,03	2.864,03														99,9
46	Trường Mầm Non Đồng Phú	4.095,23	4.095,23	4.095,23														100,0
47	Trường Mầm Non Bắc Nghĩa	5.460,28	5.460,28	5.460,28														100,0
48	Trường Mầm Non Lộc Ninh	4.625,95	4.625,94	4.625,94														100,0
49	Trường Mầm Non Quang Phú	2.237,35	2.237,35	2.237,35														100,0
50	Trường Mầm Non Nam Lý	5.870,60	5.870,60	5.870,60														100,0
51	Trường Mầm Non Đồng Sơn	3.278,86	3.278,86	3.278,86														100,0
52	Trường Mầm Non Nghĩa Ninh	3.337,03	3.336,03	3.336,03														100,0
53	Trường Mầm Non Hoa Hồng	3.934,43	3.825,43	3.825,43														97,2
54	Trường Mầm Non Bảo Ninh	4.528,06	4.528,06	4.528,06														100,0
55	Trường Mầm Non Thuận Đức	2.764,29	2.764,29	2.764,29														100,0
56	Trường Mầm Non Đức Ninh	3.617,35	3.617,35	3.617,35														100,0
57	Trường Mầm Non Đức Ninh Đông	3.227,20	3.227,20	3.227,20														100,0
58	Phòng y tế	2.543,61	2.543,61					2.543,61										100,0
59	Hội đồng y	140,87	140,87					140,87										100,0
60	Trung tâm y tế thành phố	792,05	792,05													792,05		100,0
61	Trung tâm văn hoá và TT	496,44	496,44						496,44									100,0
62	Đài phát thanh truyền hình	304,15	304,15							304,15								100,0
63	Trung tâm văn hoá thể thao và truyền thông	7.458,77	7.173,68						7.173,68									
64	Bảo hiểm xã hội tỉnh	20.341,22	20.341,22					20.334,07								7,15		100,0
65	Thành uỷ Đồng Hới	15.622,92	15.622,92											15.622,92				100,0
66	Trung tâm dịch vụ nông nghiệp	1.414,58	1.414,58										1.414,58					100,0

STT	Tên đơn vị	Dự toán	Quyết toán	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	Chi khoa học và công nghệ	Chi quốc phòng	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	Chi y tế, dân số và gia đình	Chi văn hóa thông tin	Chi phát thanh, truyền hình, thông tin	Chi thể dục thể thao	Chi bảo vệ môi trường	Chi các hoạt động kinh tế	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	Chi bảo đảm xã hội	Các khoản chi khác theo quy định của pháp luật	Chi đầu tư khác	So sánh (%)
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17= 2/1
67	BQL rừng phòng hộ	1.319,18	1.010,88										1.010,88					76,6
68	Trung tâm công viên cây xanh	12.110,34	12.110,34										12.110,34					100,0
69	Đội quy tắc và trật tự đô thị	4.061,70	4.061,70										4.061,70					100,0
70	Phòng Quản lý đô thị	16.165,06	12.609,57										12.609,57					78,0
71	Phòng Tài nguyên môi trường	2.323,66	2.323,66										2.323,66					100,0
72	BQL dịch vụ công ích	98.455,40	90.403,47										90.403,47					91,8
73	Phòng Giáo dục và đào tạo	5.910,69	4.692,64											4.692,64				79,4
74	Thanh tra thành phố	1.065,40	1.065,19											1.065,19				100,0
75	Phòng Nội vụ	2.805,87	2.805,87											2.805,87				100,0
76	Phòng Tư pháp	1.171,82	1.171,82											1.171,82				100,0
77	Phòng Tài chính - Kế hoạch	3.352,76	3.352,76											3.352,76				100,0
78	Phòng Tài chính - Kế hoạch (Hoàn tạm ứng xe công nông)	949,80	949,80										949,80					
79	Phòng Kinh tế	3.713,12	2.180,68										210,00	1.970,68				58,7
80	Văn phòng HĐND-UBND TP	17.938,76	17.771,56											17.771,56				99,1
81	Phòng Lao động TB&XH TP	47.734,24	47.729,69											13.076,64	34.653,04			100,0
82	Phòng Văn hóa và thông tin	2.313,19	2.313,19											2.313,19				100,0
83	Trung tâm bồi dưỡng chính trị	2.414,59	2.414,59											2.414,59				100,0
84	Ủy ban mặt trận TQVN	8.307,79	8.307,79											8.307,79				100,0
85	Hội người mù	369,40	369,40											369,40				100,0
86	Hội chữ thập đỏ	625,08	625,08											625,08				100,0
87	Hội nạn nhân chất độc da cam	138,72	138,72											138,72				100,0
88	Hội khuyến học	461,77	461,77											461,77				100,0
89	Quản lý thị trường	100,00	100,00													100,00		100,0

STT	Tên đơn vị	Dự toán	Quyết toán	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	Chi khoa học và công nghệ	Chi quốc phòng	Chi an nhinh và trật tự an toàn xã hội	Chi y tế, đơn số và gia đình	Chi văn hóa thông tin	Chi phát thanh, truyền hình, thông tín	Chi thể dục thể thao	Chi bảo vệ môi trườn g	Chi các hoạt động kinh tế	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	Chi bảo đảm xã hội	Các khoản chi khác theo quy định của pháp luật	Chi đầu tư khác	So sánh (%)
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17= 2/1
90	Chi cục thuế KV Đồng Hới - Quảng Ninh	376,71	376,71													376,71		100,0
91	Chi cục thi hành án dân sự	103,13	103,13													103,13		100,0
92	Hạt kiểm lâm Đồng Hới	169,93	169,93													169,93		100,0
93	Bệnh viện đa khoa TP	714,89	714,89													714,89		100,0
94	Toà án thành phố	190,00	190,00													190,00		100,0
95	Viện kiểm sát thành phố	90,00	90,00													90,00		100,0
96	Chi cục thống kê	282,78	282,78													282,78		100,0
97	Ngân hàng chính sách	2.334,83	2.334,83													2.334,83		100,0
98	Liên đoàn lao động TP	70,88	70,88													70,88		100,0
99	BQLDA đầu tư và PTQĐ	5.545,52	3.945,22										3.945,22					71,1
100	UBND phường Bắc Lý - Hoàn tạm ứng bằng LC	590,63	590,63										590,63					100,0
101	UBND phường Bắc Nghĩa - Hoàn tạm ứng bằng LC	282,36	282,36										282,36					100,0
102	UBND phường Đồng Phú - Hoàn tạm ứng bằng LC	431,63	431,63										431,63					100,0
103	UBND phường Đồng Sơn - Hoàn tạm ứng bằng LC	73,96	73,96										73,96					100,0
104	UBND phường Đức Ninh Đông - Hoàn tạm ứng bằng LC	129,04	129,04										129,04					100,0
105	UBND phường Hải Thành - Hoàn tạm ứng bằng LC	30,00	30,00										30,00					100,0
106	UBND phường Nam Lý - Hoàn tạm ứng bằng LC	126,54	126,54										126,54					100,0
107	UBND phường Phú Hải - Hoàn tạm ứng bằng LC	316,12	316,12										316,12					100,0
108	UBND xã Bảo Ninh - Hoàn tạm ứng bằng LCT	325,73	325,73										325,73					100,0
109	UBND xã Đức Ninh - Hoàn tạm ứng bằng LCT	209,49	209,49										209,49					100,0
110	UBND xã Lộc Ninh - Hoàn tạm ứng bằng LCT	119,08	119,08										119,08					100,0
111	UBND xã Nghĩa Ninh - Hoàn tạm ứng bằng LCT	142,42	142,42										142,42					100,0
112	UBND xã Quang Phú - Hoàn tạm ứng bằng LCT	52,31	52,31										52,31					100,0

STT	Tên đơn vị	Dự toán	Quyết toán	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	Chi khoa học và công nghệ	Chi quốc phòng	Chi an nhinh và trật tự an toàn xã hội	Chi y tế, dân số và gia đình	Chi văn hóa thông tin	Chi phát thanh, truyền hình, thông tín	Chi thể dục thể thao	Chi bảo vệ môi trườn g	Chi các hoạt động kinh tế	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	Chi bảo đảm xã hội	Các khoản chi khác theo quy định của pháp luật	Chi đầu tư khác	So sánh (%)
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17= 2/1
113	UBND xã Thuận Đức - Hoàn tạm ứng bằng LCT	144,69	144,69										144,69					100,0
114	Trung tâm học tập cộng đồng 15 xã, phường	450,00	450,00													450,00		100,0
115	Hội cựu chiến binh tỉnh QB	15,00	15,00													15,00		100,0
116	Phòng TCKH (Hỗ trợ khai thác hải sản trên các vùng biển xa)	34.540,62	34.540,62										34.540,62					100,0
117	Hội sinh vật cảnh thành phố Đồng Hới	41,58	41,58													41,58		100,0
118	Hỗ trợ tiền điện hộ nghèo	96,20	96,20												96,20			100,0
119	Hội làm vườn	147,46	147,46													147,46		100,0
120	BCH phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn	300,00	300,00													300,00		100,0

## TỔNG HỢP QUYẾT TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN NGÂN SÁCH CẤP THÀNH PHỐ CỦA TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC THEO NGUỒN VỐN NĂM 2022

(Phụ lục kèm theo Nghị quyết số: 14/NQ-HĐND ngày 25 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân thành phố Đồng Hới)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Dự toán được cấp	Bao gồm				Kinh phí thực hiện trong năm	Nguồn còn lại	Trong đó	
			CN 2021 qua 2022	Dự toán đầu năm	Bổ sung trong năm	Giảm trừ trong năm			Chuyển nguồn năm sau	Hủy bỏ
A	B	1=2+3+4-5	2	3	4	5	6=1-7	7	8	9
	<b>TỔNG SỐ</b>	<b>575.628,75</b>	<b>3.340,49</b>	<b>319.956,73</b>	<b>257.370,17</b>	<b>5.038,63</b>	<b>558.302,37</b>	<b>17.326,38</b>	<b>16.009,91</b>	<b>1.316,47</b>
1	Ban chỉ huy quân sự	10.574,04		6.060,31	4.513,73		10.574,04	0,00		
2	Đồn biên phòng nhật lệ	371,65		100,00	271,65		371,65	0,00		
3	Công an TP	1.590,18		980,00	610,18		1.590,18	0,00		
4	Trung tâm giáo dục nghề nghiệp giáo dục thường xuyên TP	3.539,92		3.342,35	197,57		3.539,92	0,00		
5	Trường THCS số 2 Bắc Lý	2.922,08		2.781,32	140,76		2.922,08	0,00		
6	Trường THCS Lộc Ninh	4.146,81		4.111,63	143,69	108,51	4.146,81	0,00		
7	Trường TH-THCS Thuận Đức	4.402,59		4.331,14	71,45		4.402,59	0,00		
8	Trường THCS số 1 Đồng Sơn	6.168,30		5.284,91	910,52	27,13	6.166,31	1,99		1,99
9	Trường THCS Bắc Nghĩa	4.722,45		4.373,47	430,35	81,38	4.722,45	0,00		
10	Trường THCS Hải Đình	4.093,26		3.680,61	412,65		4.090,83	2,43		2,43
11	Trường THCS số 1 Bắc Lý	4.897,74		4.339,23	558,50		4.897,74	0,00		
12	Trường THCS Đồng Phú	5.681,63		5.173,13	508,50		5.681,63	0,00		
13	Trường THCS Hải Thành	3.161,54		2.597,05	564,49		3.161,54	0,00		
14	Trường THCS số 1 Nam Lý	6.753,86		6.467,46	367,78	81,38	6.753,86	0,00		
15	Trường THCS Quang Phú	2.725,88		2.368,04	384,97	27,13	2.725,88	0,00		
16	Trường THCS số 2 Nam Lý	4.152,35		3.750,51	401,84		4.152,35	0,00		
17	Trường THCS Đồng Mỹ	4.592,06		4.408,73	237,58	54,26	4.592,06	0,00		
18	Trường THCS Đức Ninh Đông	3.026,33		2.754,86	271,47		3.026,33	0,00		
19	Trường THCS Đức Ninh	3.844,12		3.680,32	218,06	54,26	3.842,11	2,01		2,01
20	Trường THCS Bảo Ninh	3.739,01		3.533,36	232,77	27,13	3.739,01	0,00		

STT	Tên đơn vị	Dự toán được cấp	Bao gồm				Kinh phí thực hiện trong năm	Nguồn còn lại	Trong đó	
			CN 2021 qua 2022	Dự toán đầu năm	Bổ sung trong năm	Giảm trừ trong năm			Chuyên nguồn năm sau	Hủy bỏ
21	Trường TH-THCS Phú Hải	3.738,38		3.238,89	499,48		3.738,38	0,00		
22	Tiểu học Đồng Phú	8.308,25		8.093,12	215,13		8.308,25	0,00		
23	Tiểu học Đồng Mỹ	4.636,93		3.984,87	652,06		4.636,93	0,00		
24	Tiểu học số 2 Bắc Lý	7.504,00		6.711,33	792,67		7.225,28	278,73	278,00	0,72
25	Tiểu học số 1 Nam Lý	6.358,59		5.802,11	556,48		6.358,59	0,00		
26	Tiểu học số 1 Đồng Sơn	5.795,18		5.700,10	122,20	27,13	5.795,18	0,00		
27	Tiểu học số 2 Đồng Sơn	3.811,09		3.794,85	16,24		3.811,09	0,00		
28	Tiểu học số 1 Bảo Ninh	3.507,70		3.518,41	70,67	81,38	3.507,70	0,00		
29	Tiểu học Lộc Ninh	6.619,48		6.479,07	140,41		6.619,37	0,10		0,10
30	Tiểu học Hải Đình	4.730,21	100,00	4.388,88	241,34		4.730,21	0,00		
31	Tiểu học Đức Ninh	4.858,19		4.830,79	108,78	81,38	4.858,19	0,00		
32	Tiểu học Đức Ninh Đông	4.089,96		3.886,75	230,34	27,13	4.089,96	0,00		
33	Tiểu học số 3 Nam Lý	5.362,47		5.264,14	98,32		5.362,47	0,00		
34	Tiểu học số 2 Nam Lý	4.168,39		3.680,38	488,01		4.168,39	0,00		
35	Tiểu học Bắc Nghĩa	4.435,55		3.601,62	833,93		4.434,21	1,33		1,33
36	Tiểu học Nghĩa Ninh	3.080,93		2.917,03	191,02	27,13	3.080,93	0,00		
37	Tiểu học Quang Phú	2.432,86		2.401,14	31,73		2.432,86	0,00		
38	Tiểu học số 1 Bắc Lý	3.803,85		3.586,87	216,98		3.803,85	0,00		
39	Tiểu học Hải Thành	3.869,34		3.148,77	720,58		3.867,28	2,06		2,06
40	Tiểu học số 2 Bảo ninh	3.011,65		2.890,18	121,47		3.011,65	0,00		
41	TT nuôi dạy trẻ khuyết tật	4.669,82		4.837,19	179,16	346,53	4.467,94	201,88	201,88	
42	Trường Mầm Non Bắc Lý	5.357,12		5.125,72	286,65	55,26	5.357,12	0,00		
43	Trường Mầm Non Hải Thành	3.166,08		3.038,61	127,47		3.166,08	0,00		
44	Trường Mầm Non Phú Hải	1.997,57		1.952,95	98,87	54,26	1.997,57	0,00		
45	Trường Mầm Non Đồng Mỹ	2.866,30		2.447,33	418,97		2.864,03	2,28		2,28
46	Trường Mầm Non Đồng Phú	4.095,23		3.602,70	492,54		4.095,23	0,00		
47	Trường Mầm Non Bắc Nghĩa	5.460,28		4.562,93	924,49	27,13	5.460,28	0,00		
48	Trường Mầm Non Lộc Ninh	4.625,95		4.193,47	513,86	81,38	4.625,94	0,01		0,01

STT	Tên đơn vị	Dự toán được cấp	Bao gồm				Kinh phí thực hiện trong năm	Nguồn còn lại	Trong đó	
			CN 2021 qua 2022	Dự toán đầu năm	Bổ sung trong năm	Giảm trừ trong năm			Chuyển nguồn năm sau	Hủy bỏ
49	Trường Mầm Non Quang Phú	2.237,35		1.956,35	281,00		2.237,35	0,00		
50	Trường Mầm Non Nam Lý	5.870,60		5.450,75	419,85		5.870,60	0,00		
51	Trường Mầm Non Đồng Sơn	3.278,86		3.159,19	146,80	27,13	3.278,86	0,00		
52	Trường Mầm Non Nghĩa Ninh	3.337,03		3.006,64	357,52	27,13	3.336,03	1,00		1,00
53	Trường Mầm Non Hoa Hồng	3.934,43		3.418,03	516,40		3.825,43	109,00	109,00	
54	Trường Mầm Non Bảo Ninh	4.528,06		4.468,63	140,81	81,38	4.528,06	0,00		
55	Trường Mầm Non Thuận Đức	2.764,29		2.624,83	139,46		2.764,29	0,00		
56	Trường Mầm Non Đức Ninh	3.617,35		3.591,53	107,20	81,38	3.617,35	0,00		
57	Trường Mầm Non Đức Ninh Đông	3.227,20		2.935,24	291,96		3.227,20	0,00		
58	Phòng y tế	2.543,61		1.494,71	1.048,90		2.543,61	0,00		
59	Hội đồng y	140,87		107,46	33,41		140,87	0,00		
60	Trung tâm y tế thành phố	792,05			792,05		792,05	0,00		
61	Trung tâm văn hoá thông tin và thể thao	496,44		1.398,90	392,50	1.294,96	496,44	0,00		
62	Đài phát thanh truyền hình	304,15		1.662,59	30,00	1.388,44	304,15	0,00		
63	Trung tâm văn hoá thể thao và truyền thông	7.458,77			7.458,77		7.173,68	285,09	285,09	
64	Bảo hiểm xã hội tỉnh	20.341,22			20.341,22		20.341,22	0,00		
65	Thành uỷ Đồng Hới	15.622,92		13.469,06	2.153,86		15.622,92	0,00		
66	Trung tâm dịch vụ nông nghiệp	1.414,58		1.011,84	402,75		1.414,58	0,00		
67	BQL rừng phòng hộ	1.319,18		926,88	392,30		1.010,88	308,31		308,31
68	Trung tâm công viên cây xanh	12.110,34			12.110,34		12.110,34	0,00		
69	Đội quy tắc và trật tự đô thị	4.061,70		3.453,17	608,54		4.061,70	0,00		
70	Phòng Quản lý đô thị	16.165,06	2.986,85	1.478,67	11.699,53		12.609,57	3.555,49	3.516,76	38,73
71	Phòng Tài nguyên môi trường	2.323,66		1.729,44	689,23	95,00	2.323,66	0,00		
72	BQL dịch vụ công ích	98.455,40	253,64	2.205,69	95.996,07		90.403,47	8.051,93	7.482,00	569,93
73	Phòng Giáo dục và đào tạo	5.910,69		3.339,16	2.571,53		4.692,64	1.218,05	988,46	229,59
74	Thanh tra thành phố	1.065,40		986,94	78,46		1.065,19	0,21		0,21
75	Phòng Nội vụ	2.805,87		1.741,08	1.139,80	75,00	2.805,87	0,00		
76	Phòng Tư pháp	1.171,82		1.011,28	160,54		1.171,82	0,00		
77	Phòng Tài chính - Kế hoạch	3.352,76		1.938,95	1.463,81	50,00	3.352,76	0,00		
78	Phòng Tài chính - Kế hoạch (Hoàn tạm ứng xe công nông)	949,80			949,80		949,80	0,00		
79	Phòng Kinh tế	3.713,12		1.027,12	2.686,00		2.180,68	1.532,43	1.532,00	0,43

STT	Tên đơn vị	Dự toán được cấp	Bao gồm				Kinh phí thực hiện trong năm	Nguồn còn lại	Trong đó	
			CN 2021 qua 2022	Dự toán đầu năm	Bổ sung trong năm	Giảm trừ trong năm			Chuyển nguồn năm sau	Hủy bỏ
80	Văn phòng HĐND-UBND TP	17.938,76		13.017,83	5.424,88	503,95	17.771,56	167,20	112,20	55,00
81	Phòng Lao động TB&XH TP	47.734,24		31.710,20	16.024,03		47.729,68	4,55	4,51	0,04
82	Phòng Văn hoá và thông tin	2.313,19		993,77	1.319,42		2.313,19	0,00		
83	Trung tâm bồi dưỡng chính trị	2.414,59		2.300,10	248,90	134,41	2.414,59	0,00		
84	Ủy ban mặt trận TQVN	8.307,79		5.857,55	2.460,24	10,00	8.307,79	0,00		
85	Hội người mù	369,40		265,99	103,41		369,40	0,00		
86	Hội chữ thập đỏ	625,08		323,61	301,47		625,08	0,00		
87	Hội nạn nhân chất độc da cam	138,72		107,46	31,26		138,72	0,00		
88	Hội khuyến học	461,77		332,07	129,71		461,77	0,00		
89	Quản lý thị trường	100,00			100,00		100,00	0,00		
90	Chi cục thuế KV ĐH- Quảng Ninh	376,71		170,00	206,71		376,71	0,00		
91	Chi cục thi hành án dân sự	103,13		100,00	3,13		103,13	0,00		
92	Hạt kiểm lâm Đồng Hới	169,93		10,00	159,93		169,93	0,00		
93	Bệnh viện đa khoa TP	714,89		460,00	254,89		714,89	0,00		
94	Toà án thành phố	190,00		90,00	100,00		190,00	0,00		
95	Viện kiểm sát thành phố	90,00		90,00			90,00	0,00		
96	Chi cục thống kê	282,78		56,98	225,80		282,78	0,00		
97	Ngân hàng chính sách	2.334,83		2.000,00	334,83		2.334,83	0,00		
98	Liên đoàn lao động TP	70,88		57,47	13,41		70,88	0,00		
99	BQLDA đầu tư và PTQĐ	5.545,52		200,00	5.345,52		3.945,22	1.600,30	1.500,00	100,30
100	UBND phường Bắc Lý - Hoàn tạm ứng bằng LCT	590,63			590,63		590,63	0,00		
101	UBND phường Bắc Nghĩa - Hoàn tạm ứng bằng LCT	282,36			282,36		282,36	0,00		
102	UBND phường Đồng Phú - Hoàn tạm ứng bằng LCT	431,63			431,63		431,63	0,00		
103	UBND phường Đồng Sơn - Hoàn tạm ứng bằng LCT	73,96			73,96		73,96	0,00		
104	UBND phường Đức Ninh Đông - Hoàn tạm ứng bằng LCT	129,04			129,04		129,04	0,00		
105	UBND phường Hải Thành - Hoàn tạm ứng bằng LCT	30,00			30,00		30,00	0,00		
106	UBND phường Nam Lý - Hoàn tạm ứng bằng LCT	126,54			126,54		126,54	0,00		
107	UBND phường Phú Hải - Hoàn tạm ứng bằng LCT	316,12			316,12		316,12	0,00		

STT	Tên đơn vị	Dự toán được cấp	Bao gồm				Kinh phí thực hiện trong năm	Nguồn còn lại	Trong đó	
			CN 2021 qua 2022	Dự toán đầu năm	Bổ sung trong năm	Giảm trừ trong năm			Chuyển nguồn năm sau	Hủy bỏ
108	UBND xã Bảo Ninh - Hoàn tạm ứng bằng LCT	325,73			325,73		325,73	0,00		
109	UBND xã Đức Ninh - Hoàn tạm ứng bằng LCT	209,49			209,49		209,49	0,00		
110	UBND xã Lộc Ninh - Hoàn tạm ứng bằng LCT	119,08			119,08		119,08	0,00		
111	UBND xã Nghĩa Ninh - Hoàn tạm ứng bằng LCT	142,42			142,42		142,42	0,00		
112	UBND xã Quang Phú - Hoàn tạm ứng bằng LCT	52,31			52,31		52,31	0,00		
113	UBND xã Thuận Đức - Hoàn tạm ứng bằng LCT	144,69			144,69		144,69	0,00		
114	Trung tâm học tập cộng đồng 15 xã, phường	450,00			450,00		450,00	0,00		
115	Hội cựu chiến binh tỉnh QB	15,00			15,00		15,00	0,00		
116	Phòng TCKH (Hỗ trợ khai thác hải sản trên các vùng biển xa)	34.540,62			34.540,62		34.540,62	0,00		
117	Hội sinh vật cảnh thành phố Đồng Hới	41,58		18,00	23,58		41,58	0,00		
118	Hỗ trợ tiền điện hộ nghèo	96,20			96,20		96,20	0,00		
119	Hội làm vườn	147,46		102,96	44,50		147,46	0,00		
120	BCH phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn	300,00		300,00			300,00	0,00		

**QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG TỪNG XÃ, PHƯỜNG NĂM 2022**

(Phụ lục kèm theo Nghị quyết số: 14/NQ-HĐND ngày 25 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân thành phố Đồng Hới)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Dự toán					Quyết toán										So sánh %		
		Tổng số	Chi đầu tư phát triển		Chi thường xuyên	Chi dự phòng	Tổng số	Chi đầu tư phát triển		Chi thường xuyên		Chi CTMTQG		Chi chuyển nguồn năm sau	Chi chuyển giao ngân sách (nộp ns cấp trên)	Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên	
			Tổng số	Trong đó				Tổng số	Trong đó	Tổng số	Trong đó	Tổng số	Trong đó						
																			Chi GDDT - Dạy nghề
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16=6/1	17=7/2	18=9/3
	<b>TỔNG SỐ</b>	<b>257.101</b>	<b>160.665</b>	<b>32.133</b>	<b>95.196</b>	<b>1.240</b>	<b>421.120</b>	<b>188.195</b>	<b>37.130</b>	<b>99.641</b>	<b>4.499</b>	<b>120</b>	<b>0</b>	<b>120</b>	<b>129.872</b>	<b>3.293</b>	<b>164%</b>	<b>117%</b>	<b>105%</b>
1	UBND phường Nam Lý	12.186,2	5.300,0	1.060,0	6.789,3	96,9	12.556,4	4.321,2	921,3	6.864,0	2,3	0,0			1.371,2		103%		101%
2	UBND phường Bắc Lý	18.498,8	10.300,0	2.060,0	8.096,0	102,8	25.213,3	14.736,5	3.942,8	8.161,5	3,0	0,0			2.315,3		136%	143%	101%
3	UBND phường Đồng Sơn	8.966,0	1.430,0	286,0	7.445,4	90,6	13.376,3	1.004,3	557,2	10.151,2	456,0	0,0			1.120,8	1.100	149%	70%	136%
4	UBND phường Đồng Phú	21.063,4	13.500,0	2.700,0	7.478,1	85,3	31.987,7	23.218,1	10.918,6	8.749,4	15,0	0,0			20,2		152%	172%	117%
5	UBND phường Hải Thành	9.779,6	4.600,0	920,0	5.105,2	74,4	7.535,9	1.571,3	397,9	5.032,9	459,6	0,0			931,7		77%	34%	99%
6	UBND phường Phú Hải	12.237,3	7.000,0	1.400,0	5.171,0	66,3	22.195,5	6.682,2	799,7	5.484,7	10,5	0,0			10.028,7		181%	95%	106%
7	UBND phường Đồng Hải	9.187,8	2.000,0	400,0	7.091,7	96,2	18.642,3	4.222,3	81,1	7.008,7	20,8	0,0			7.411,3		203%	211%	99%
8	UBND xã Đức Ninh	48.954,4	42.000,0	8.400,0	6.868,7	85,6	73.437,6	50.786,0	5.359,8	6.777,9	614,8	20,0		20,0	15.429,1	424,6	150%	121%	99%
9	UBND xã Nghĩa Ninh	8.736,9	3.000,0	600,0	5.661,8	75,1	14.882,4	6.962,9	1.225,7	5.702,6	14,0	20,0		20,0	1.846,9	350	170%	232%	101%
10	UBND xã Lộc Ninh	24.095,4	16.800,0	3.360,0	7.202,8	92,5	17.709,8	9.965,2	1.445,0	6.966,5	0,0	20,0		20,0	408,1	350	73%	59%	97%
11	UBND xã Thuận Đức	7.540,4	2.700,0	540,0	4.771,5	68,9	13.788,6	3.140,4	804,1	4.728,7	167,5	20,0		20,0	5.549,5	350	183%	116%	99%
12	UBND xã Bảo Ninh	15.741,2	8.835,0	1.767,0	6.826,8	79,3	125.051,8	37.884,1	9.166,3	7.325,1	34,5	20,0		20,0	79.822,6		794%	429%	107%
13	UBND xã Quang Phú	21.233,2	16.500,0	3.300,0	4.667,6	65,6	10.678,2	4.930,2	309,4	4.656,7	595,3	20,0		20,0	405,6	665,7	50%	30%	100%
14	UBND phường Bắc Nghĩa	17.810,8	11.000,0	2.200,0	6.725,6	85,2	16.577,0	8.605,9	6,8	6.725,9	2.104,2	0,0			1.212,2	32,9	93%	78%	100%
15	UBND phường Đức Ninh Đông	21.069,8	15.700,0	3.140,0	5.294,4	75,4	17.487,7	10.164,1	1.194,1	5.304,6	1,3	0,0			2.019,0		83%	65%	100%

## QUYẾT TOÁN CHI BỔ SUNG TỪ NGÂN SÁCH CẤP THÀNH PHỐ CHO NGÂN SÁCH TỪNG XÃ, PHƯỜNG NĂM 2022

(Phụ lục kèm theo Nghị quyết số: 14/NQ-HĐND ngày 25 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân thành phố Đồng Hới)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Tên đơn vị (1)	Dự toán								Quyết toán								So sánh (%)							
		Tổng số	Bổ sung cân đối ngân sách	Bổ sung có mục tiêu						Tổng số	Bổ sung cân đối ngân sách	Bổ sung có mục tiêu						Tổng số	Bổ sung cân đối ngân sách	Bổ sung có mục tiêu					
				Tổng số	Gồm		Vốn đầu tư để thực hiện các CTMT, nhiệm vụ	Vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ, chính sách	Vốn thực hiện các CTMT quốc gia			Tổng số	Gồm		Vốn đầu tư để thực hiện các CTMT, nhiệm vụ	Vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ, chính sách	Vốn thực hiện các CTMT quốc gia			Tổng số	Gồm		Vốn đầu tư để thực hiện các CTMT, nhiệm vụ	Vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ, chính sách	Vốn thực hiện các CTMT quốc gia
					Vốn ngoài nước	Vốn trong nước							Vốn ngoài nước	Vốn trong nước							Vốn ngoài nước	Vốn trong nước			
A	B	1	2	3=4+5	4	5	6	7	8	9	10	11=12+13	12	13	14	15	16	17=9/1	18=10/2	19=11/3	20=12/4	21=13/5	22=14/6	23=15/7	24=16/8
	<b>TỔNG SỐ</b>	64.883,9	36.864,0	28.020,0		27.900			120	64.773,0	36.864,0	27.909,0		27.789,0	14	0,0	120	100%	100%	100%					
1	UBND phường Nam Lý	2.830,7	1.188,1	1.642,5		1.642,5				2.830,7	1.188,1	1.642,5		1.642,5				100%	100%	100%					
2	UBND phường Bắc Lý	5.564,9	2.903,0	2.661,9		2.661,9				5.564,9	2.903,0	2.661,9		2.661,9				100%	100%	100%					
3	UBND phường Đồng Sơn	6.873,5	5.305,9	1.567,6		1.567,6				6.873,5	5.305,9	1.567,6		1.567,6				100%	100%	100%					
4	UBND phường Đồng Phú	4.373,4	1.577,0	2.796,4		2.796,4				4.373,4	1.577,0	2.796,4		2.796,4				100%	100%	100%					
5	UBND phường Hải Thành	4.443,7	3.266,7	1.177,0		1.177,0				4.443,7	3.266,7	1.177,0		1.177,0				100%	100%	100%					
6	UBND phường Phú Hải	3.705,1	2.063,0	1.642,0		1.642,0				3.705,1	2.063,0	1.642,0		1.642,0				100%	100%	100%					
7	UBND phường Đồng Hải	3.965,8	1.973,9	1.991,9		1.991,9				3.965,8	1.973,9	1.991,9		1.991,9				100%	100%	100%					
8	UBND xã Đức Ninh	4.954,5	2.624,6	2.330,0		2.310,0			20	4.954,5	2.624,6	2.330,0		2.310,0			20	100%	100%	100%					
9	UBND xã Nghĩa Ninh	5.334,8	3.636,8	1.698,0		1.678,0			20	5.335,5	3.636,8	1.698,6		1.678,6			20	100%	100%	100%					
10	UBND xã Lộc Ninh	5.491,0	3.162,0	2.329,0		2.309,0			20	5.407,2	3.162,0	2.245,3		2.225,3			20	98%	100%	96%					
11	UBND xã Thuận Đức	3.946,3	2.829,3	1.117,0		1.097,0			20	3.947,2	2.829,3	1.117,8		1.097,8			20	100%	100%	100%					
12	UBND xã Bảo Ninh	2.326,9		2.326,9		2.306,9			20	2.326,9	0,0	2.326,9		2.306,9			20								
13	UBND xã Quang Phú	1.197,5		1.197,5		1.177,5			20	1.168,8	0,0	1.168,8		1.148,8			20								
14	UBND phường Bắc Nghĩa	5.605,3	3.384,5	2.220,8		2.220,8				5.605,3	3.384,5	2.220,8		2.220,8				100%	100%	100%					
15	UBND phường Đức Ninh Đông	4.270,6	2.949,0	1.321,5		1.321,5				4.270,6	2.949,0	1.321,5		1.321,5				100%	100%	100%					

(Biểu số 60- ND 31)

Phụ lục số 14

### QUYẾT TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2022

(Phụ lục kèm theo Nghị quyết số: 14/NQ-HĐND ngày 25 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân thành phố Đồng Hới)

DVT: Triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Tổng thu NSDP	Trong đó					Thu kết dư từ năm trước
			Thu NSDP hưởng theo phân cấp	Số bổ sung cân đối từ ngân sách cấp trên	Số bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên	Trong đó: Số bổ sung thực hiện cải cách tiền lương	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	
A	B	1	2	3	4	5	6	7
	<b>TỔNG SỐ</b>	<b>427.384,4</b>	<b>188.070,3</b>	<b>36.864,0</b>	<b>27.909,0</b>	<b>0,0</b>	<b>172.472,3</b>	<b>2.068,8</b>
1	UBND phường Nam Lý	12.556,4	6.507,9	1.188,1	1.642,5		3.181,7	36,1
2	UBND phường Bắc Lý	25.213,3	19.510,7	2.903,0	2.661,9		123,7	14,0
3	UBND phường Đồng Sơn	13.781,2	1.834,5	5.305,9	1.567,6		5.073,3	
4	UBND phường Đồng Phú	32.363,5	11.460,7	1.577,0	2.796,4		16.422,5	106,9
5	UBND phường Hải Thành	7.651,6	1.645,9	3.266,7	1.177,0		1.436,3	125,8
6	UBND phường Phú Hải	22.406,8	3.690,8	2.063,0	1.642,0		15.010,9	
7	UBND phường Đồng Hải	18.642,3	14.260,7	1.973,9	1.991,9			415,7
8	UBND xã Đức Ninh	73.437,6	12.347,6	2.624,6	2.330,0		56.135,5	
9	UBND xã Nghĩa Ninh	17.084,4	7.986,6	3.636,8	1.698,6		3.762,4	
10	UBND xã Lộc Ninh	17.735,7	11.346,6	3.162,0	2.245,3		870,9	110,9
11	UBND xã Thuận Đức	14.067,2	4.300,1	2.829,3	1.117,8		5.418,3	401,6
12	UBND xã Bảo Ninh	127.322,6	76.248,0	0,0	2.326,9		48.689,6	58,2
13	UBND xã Quang Phú	10.678,2	1.959,7	0,0	1.168,8		7.545,1	4,5
14	UBND phường Bắc Nghĩa	16.579,7	6.951,4	3.384,5	2.220,8		4.022,1	1,0
15	UBND phường Đức Ninh Đông	17.863,9	8.019,3	2.949,0	1.321,5		4.780,0	793,9

78

## QUYẾT TOÁN CHI CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA NĂM 2022

(Phụ lục kèm theo Nghị quyết số: 14/NQ-HĐND ngày 25 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân thành phố Đồng Hới)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Nội dung	Dự toán			Quyết toán									
		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Chương trình mục tiêu quốc gia						
			Đầu tư phát triển	Kinh phí sự nghiệp		Tổng số	Đầu tư phát triển	Kinh phí sự nghiệp	Chi đầu tư phát triển		Kinh phí sự nghiệp			
									Tổng số	Chia ra		Tổng số	Chia ra	
	Vốn trong nước	Vốn ngoài nước		Vốn trong nước	Vốn ngoài nước									
	<b>Tổng số</b>	<b>9.708</b>	<b>7.126</b>	<b>2.582</b>	<b>3.044</b>	<b>1.654</b>	<b>1.390</b>	<b>2.969</b>	<b>1.654</b>	<b>1.654</b>	<b>0</b>	<b>1.390</b>	<b>1.390</b>	<b>0</b>
A	Vốn đầu tư phát triển	7.126	7.126	0	1.654	1.654	0	1.654	1.654	1.654	0	0		
I	Phát triển hạ tầng kinh tế xã hội	7.126	7.126		1.654	1.654		1.654	1.654	1.654		0		
B	Vốn sự nghiệp	2.582	0	2.582	1.390	0	1.390	1.315	0	0	0	1.390	1.390	0
I	<i>Chương trình MTQG - Xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 (00490)</i>	640	0	640	300	0	300	225	0	0	0	300	300	0
1	<i>Tiếp tục thực hiện có hiệu quả cơ cấu lại ngành nông nghiệp, phát triển kinh tế nông thôn (00493)</i>	415		415	75	0	75	0	0	0	0	75	75	0
	<i>Phòng Kinh tế</i>	415		415	75		75		0			75	75	
2	<i>Giữ vững quốc phòng, an ninh và trật tự xã hội nông thôn (00501)</i>	120	0	120	120	0	120	120	0	0	0	120	120	0
	<i>Các xã</i>	120		120	120		120	120				120	120	
3	<i>Tăng cường công tác giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình nông thôn mới (00502)</i>	105	0	105	105	0	105	105	0	0	0	105	105	0

*HS*

TT	Nội dung	Dự toán			Quyết toán									
		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Chương trình mục tiêu quốc gia						
			Đầu tư phát triển	Kinh phí sự nghiệp		Đầu tư phát triển	Kinh phí sự nghiệp	Tổng số	Chi đầu tư phát triển		Kinh phí sự nghiệp			
									Tổng số	Chia ra	Tổng số	Chia ra		
						Vốn trong nước	Vốn ngoài nước		Vốn trong nước	Vốn ngoài nước				
	Phòng Kinh tế	105		105	105		105	105				105	105	
II	<b>Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 (00470)</b>	<b>1.942</b>	<b>0</b>	<b>1.942</b>	<b>1.090</b>	<b>0</b>	<b>1.090</b>	<b>1.090</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>1.090</b>	<b>1.090</b>	<b>0</b>
1	<b>Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo (00472)</b>	<b>565</b>		<b>565</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
	Phòng Kinh tế	565		565										
2	<b>Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng (00473)</b>	<b>282</b>		<b>282</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
	Phòng Kinh tế	282		282										
3	<b>Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững (00474)</b>	<b>772</b>	<b>0</b>	<b>772</b>	<b>767</b>	<b>0</b>	<b>767</b>	<b>767</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>767</b>	<b>767</b>	<b>0</b>
	Phòng Lao động TB & XH	772		772	767		767	767				767	767	
4	<b>Truyền thông và giảm nghèo thông tin (00476)</b>	<b>106</b>	<b>0</b>	<b>106</b>	<b>106</b>	<b>0</b>	<b>106</b>	<b>106</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>106</b>	<b>106</b>	<b>0</b>
	Phòng Văn hóa thông tin	106		106	106		106	106				106	106	
5	<b>Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá chương trình (00477)</b>	<b>217</b>	<b>0</b>	<b>217</b>	<b>217</b>	<b>0</b>	<b>217</b>	<b>217</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>217</b>	<b>217</b>	<b>0</b>
	Phòng Lao động TB & XH	217		217	217		217	217				217	217	

**BÁO CÁO****QUYẾT TOÁN VỐN ĐẦU TƯ NĂM 2022**

(Phụ lục kèm theo Nghị quyết số: 14/NQ-HĐND ngày 25 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân thành phố Đồng Hới)

ĐVT: Đồng

TT	Mã dự án	Tên dự án	Chủ đầu tư	Dự toán			Quyết toán			So sánh (%)	
				Tổng số	Chia theo nguồn vốn		Tổng số	Chia theo nguồn vốn		NS tỉnh	NS TP
					NS tỉnh	NS thành phố		NS tỉnh	NS thành phố		
		<b>TỔNG CỘNG (A+B+C)</b>		<b>570.463.831.925</b>	<b>5.310.000.000</b>	<b>565.153.831.925</b>	<b>535.580.685.087</b>	<b>1.654.480.000</b>	<b>533.926.205.087</b>		
<b>A</b>		<b>NGUỒN GIAO ĐẦU NĂM</b>	<b>a</b>	<b>570.463.831.925</b>	<b>5.310.000.000</b>	<b>565.153.831.925</b>	<b>535.580.685.087</b>	<b>1.654.480.000</b>	<b>533.926.205.087</b>		
<b>1</b>		<b>Quyết định số 7935/QĐ-UBND ngày 29/12/2021</b>		<b>4.200.000.000</b>		<b>4.200.000.000</b>	<b>150.000.000</b>		<b>2.817.392.000</b>		
	7964933	Nâng cấp chính trang đô thị đoạn tuyến QL1 thành phố Đồng Hới	UBND thành phố Đồng Hới	150.000.000		150.000.000	150.000.000				0,00
	7985768	Nâng cấp đường Nguyễn Văn Cừ	UBND thành phố Đồng Hới	150.000.000		150.000.000			150.000.000		1,00
	103512706	Nâng cấp đường Cao Thắng, xã Lộc Ninh	UBND thành phố Đồng Hới	150.000.000		150.000.000					0,00
	8003505	Nâng cấp, sửa chữa đường và vỉa hè đường Hoàng Sâm, Nguyễn Hữu Dật, Trần Quang Diệu, Tôn Thất Tùng	UBND thành phố Đồng Hới	100.000.000		100.000.000			100.000.000		1,00
	8009716	Trang trí đèn LED khu vực dọc Hồ Thành, thành phố Đồng Hới	UBND thành phố Đồng Hới	100.000.000		100.000.000			100.000.000		1,00
	103512708	Nâng cấp cải tạo công viên trung tâm phường Đồng Sơn	UBND thành phố Đồng Hới	150.000.000		150.000.000			0		0,00
	103512708	Xây dựng Trung tâm văn hóa thể thao thành phố Đồng Hới	UBND thành phố Đồng Hới	200.000.000		200.000.000			0		0,00
	7988576	Cải tạo, nâng cấp Chợ cá Đồng Hới	UBND thành phố Đồng Hới	100.000.000		100.000.000			100.000.000		1,00
	7992518	Nâng cấp đường Phan Đình Giót, Trần Nguyên Hãn và Đại Phong phường Đồng Phú	UBND thành phố Đồng Hới	100.000.000		100.000.000			100.000.000		1,00
	7961810	Điện chiếu sáng bằng đèn Led cụm TTCN Thuận Đức	UBND thành phố Đồng Hới	100.000.000		100.000.000			100.000.000		1,00
	7958501	Mương thoát chống ngập ứng đồng Đức Ninh	UBND thành phố Đồng Hới	100.000.000		100.000.000			100.000.000		1,00
	7962658	Nạo vét xây kè chống xói lở hệ thống kênh thoát lũ từ cầu Mẹ Sói qua cầu Rẫy Cau	UBND thành phố Đồng Hới	100.000.000		100.000.000			100.000.000		1,00

TT	Mã dự án	Tên dự án	Chủ đầu tư	Tổng số	Chia theo nguồn vốn		Tổng số	Chia theo nguồn vốn		So sánh (%)	
					NS tỉnh	NS thành phố		NS tỉnh	NS thành phố	NS tỉnh	NS TP
		<b>TỔNG CỘNG (A+B+C)</b>		<b>570.463.831.925</b>	<b>5.310.000.000</b>	<b>565.153.831.925</b>	<b>535.580.685.087</b>	<b>1.654.480.000</b>	<b>533.926.205.087</b>		
<b>A</b>		<b>NGUỒN GIAO ĐẦU NĂM</b>	<b>a</b>	<b>570.463.831.925</b>	<b>5.310.000.000</b>	<b>565.153.831.925</b>	<b>535.580.685.087</b>	<b>1.654.480.000</b>	<b>533.926.205.087</b>		
	7960416	Hệ thống thoát nước thôn Thuận Hà xã Thuận Đức và TDP 11 phường Đồng Sơn thành phố Đồng Hới	UBND thành phố Đồng Hới	100.000.000		100.000.000			100.000.000		1,00
	103512712	Trang trí đèn led Bùng bình Điện Lực, Bùng bình Bưu Điện, bùng bình Trần Hưng Đạo - Võ Nguyên Giáp và tháp nước Đồng Mỹ	UBND thành phố Đồng Hới	100.000.000		100.000.000			0		0,00
	7967320	Nâng cấp đường Võ Thị Sáu, phường Nam Lý	UBND thành phố Đồng Hới	100.000.000		100.000.000			100.000.000		1,00
	7960414	Nâng cấp đường nối đường Hữu Nghị với đường Nguyễn Văn Linh và đường KDC phía nam thư viện tỉnh	UBND thành phố Đồng Hới	100.000.000		100.000.000			100.000.000		1,00
	7964936	Trồng cây xanh đường 36m ( đoạn từ đường tránh thành phố đến đường Hồ Chí Minh	UBND thành phố Đồng Hới	100.000.000		100.000.000			100.000.000		1,00
	7970840	Đầu tư xây dựng đường nối từ đường Hồ Chí Minh vào làng nghề Thuận Đức	UBND thành phố Đồng Hới	70.000.000		70.000.000			70.000.000		1,00
	7960410	Đầu tư xây dựng Điện chiếu sáng bằng đèn Led đường Hồ Chí Minh nhánh Đông (đoạn nút giao đường 36m đến nút giao đến đường Lý Thái Tổ)	UBND thành phố Đồng Hới	70.000.000		70.000.000			70.000.000		1,00
	7988575	Đầu tư xây dựng Đường và vỉa hè xung quanh trụ sở UBND phường Bắc Lý	UBND thành phố Đồng Hới	70.000.000		70.000.000			70.000.000		1,00
	7989297	Nâng cấp đường và cầu đường Phan Đăng Lưu, phường Đồng Sơn	UBND thành phố Đồng Hới	70.000.000		70.000.000			70.000.000		1,00
	7964935	Cải tạo nâng cấp kênh và hồ Bầu Dưới, xã Quang Phú	UBND thành phố Đồng Hới	70.000.000		70.000.000			70.000.000		1,00
	7967318	Xây dựng vỉa hè, bãi đỗ xe đường Lý Nam Đế và đường Nguyễn Trường Tộ phường Đồng Phú	UBND thành phố Đồng Hới	70.000.000		70.000.000			70.000.000		1,00
	7958502	Xây dựng hệ thống thoát nước khu dân cư Phú Xá - Hữu Cung xã Lộc Ninh	UBND thành phố Đồng Hới	60.000.000		60.000.000			60.000.000		1,00
	7964934	Xây dựng dãy nhà 2 tầng, sân hoạt động ngoài trời, nhà xe và hàng rào trường TH&THCS Thuận Đức- (điểm trường TH)	UBND thành phố Đồng Hới	50.000.000		50.000.000			50.000.000		1,00
	7967321	Nâng cấp tuyến điện chiếu sáng bằng đèn Led đường Nguyễn Thị Định ( đoạn từ Thôn Mỹ Cảnh đến cầu Nhật lệ 2) và khu HTKT Mỹ Cảnh	UBND thành phố Đồng Hới	50.000.000		50.000.000			50.000.000		1,00
	7962653	Điện chiếu sáng đường Nam Lý - Trung Trương	UBND thành phố Đồng Hới	50.000.000		50.000.000			50.000.000		1,00
	8009717	Trang trí đèn led công viên khu vực Quảng Bình Quan	UBND thành phố Đồng Hới	50.000.000		50.000.000			50.000.000		1,00
	7960409	Điện chiếu sáng bằng đèn Led đường Lê Văn Tri, đường sắt trường tiểu học số 2 Bắc Lý, đường Nguyễn Dụng, Hàn Thuyên, Tô Vinh Điện phường Bắc Lý	UBND thành phố Đồng Hới	50.000.000		50.000.000			50.000.000		1,00

TT	Mã dự án	Tên dự án	Chủ đầu tư	Tổng số	Chia theo nguồn vốn		Tổng số	Chia theo nguồn vốn		So sánh (%)	
					NS tỉnh	NS thành phố		NS tỉnh	NS thành phố	NS tỉnh	NS TP
		<b>TỔNG CỘNG (A+B+C)</b>		<b>570.463.831.925</b>	<b>5.310.000.000</b>	<b>565.153.831.925</b>	<b>535.580.685.087</b>	<b>1.654.480.000</b>	<b>533.926.205.087</b>		
<b>A</b>		<b>NGUỒN GIAO ĐẦU NĂM</b>	<b>a</b>	<b>570.463.831.925</b>	<b>5.310.000.000</b>	<b>565.153.831.925</b>	<b>535.580.685.087</b>	<b>1.654.480.000</b>	<b>533.926.205.087</b>		
7980739		Điện chiếu sáng bằng đèn Led đường dạo dọc sông Cầu Rào (đoạn từ đường 23/8 đến đường Trần Hưng Đạo)	UBND thành phố Đồng Hới	50.000.000		50.000.000			50.000.000		1,00
7960415		Nâng cấp điện chiếu sáng bằng đèn Led đường Nguyễn Văn Cừ	UBND thành phố Đồng Hới	50.000.000		50.000.000			50.000.000		1,00
7970839		Cải tạo, nâng cấp và mua sắm trang thiết bị dây phòng học 03 tầng Trung tâm nuôi dạy trẻ khuyết tật thành phố Đồng Hới	UBND thành phố Đồng Hới	50.000.000		50.000.000			50.000.000		1,00
7970838		Mua sắm trang thiết bị dạy và học ở dây phòng học 4 tầng 12 phòng và 01 phòng thư viện trường THCS số 1 Nam lý	UBND thành phố Đồng Hới	50.000.000		50.000.000			27.392.000		0,55
7962654		Xây dựng 01 phòng học, 02 phòng chức năng và thiết bị trường mầm non Nam Lý (điểm Nam Trần Hưng Đạo)	UBND thành phố Đồng Hới	50.000.000		50.000.000			50.000.000		1,00
7988574		Nâng cấp sửa chữa đường Trịnh Hoài Đức, đường Thái Phiên Phường Nam Lý	UBND thành phố Đồng Hới	50.000.000		50.000.000			50.000.000		1,00
7958500		Tuyến đường nối Phan đình Phùng đi khu vực Trường MN khu CN Tây Bắc, phường Bắc Lý	UBND thành phố Đồng Hới	50.000.000		50.000.000			50.000.000		1,00
7960412		Điện chiếu sáng bằng đèn Led và cấp nước khu HTKT thôn Sa Động	UBND thành phố Đồng Hới	20.000.000		20.000.000			20.000.000		1,00
7962170		Điện chiếu sáng bằng đèn Led đường Linh Giang và Nâng cấp điện chiếu sáng bằng đèn Led đường Bàu Tró, phường Hải Thành	UBND thành phố Đồng Hới	20.000.000		20.000.000			20.000.000		1,00
7980738		Pano LED tuyên truyền chính trị đường Văn Cao phường Đồng Phú	UBND thành phố Đồng Hới	50.000.000		50.000.000			50.000.000		1,00
7980740		Xây dựng bãi đỗ xe, vỉa hè, hàng rào và hệ thống thoát nước khu vực chợ Nam Lý	UBND thành phố Đồng Hới	50.000.000		50.000.000			50.000.000		1,00
7954654		Cải tạo các phòng học Trung tâm giáo dục dạy nghề thành phố	UBND thành phố Đồng Hới	20.000.000		20.000.000			20.000.000		1,00
7960413		Nâng cấp điện chiếu sáng đường Xuân Thủy, Đống Đa phường Bắc Lý	UBND thành phố Đồng Hới	20.000.000		20.000.000			20.000.000		1,00
7960411		Nâng cấp điện chiếu sáng bằng đèn Led đường Phan Chu Trinh, Bùi Thị Xuân, Huyện Trần Công Chứa, Nguyễn Khuyến, Cao Bá Quát	UBND thành phố Đồng Hới	20.000.000		20.000.000			20.000.000		1,00
7004686		Nhà trực Ban chỉ huy quân sự xã Quang Phú	Ban Chỉ huy Quân sự Thành phố	20.000.000		20.000.000			0		0,00
7004686		Hội trường huấn luyện dân quân tự vệ	Ban Chỉ huy Quân sự Thành phố	50.000.000		50.000.000			50.000.000		1,00
7004686		Sửa chữa khu nhà làm việc, nhà ở của đại đội pháo 37mm	Ban Chỉ huy Quân sự Thành phố	50.000.000		50.000.000			0		0,00
7004692		Xây dựng trụ sở Công an xã Bảo Ninh	Công an TP Đồng Hới	50.000.000		50.000.000			0		0,00

TT	Mã dự án	Tên dự án	Chủ đầu tư	Tổng số	Chia theo nguồn vốn		Tổng số	Chia theo nguồn vốn		So sánh (%)	
					NS tỉnh	NS thành phố		NS tỉnh	NS thành phố	NS tỉnh	NS TP
		<b>TỔNG CỘNG (A+B+C)</b>		<b>570.463.831.925</b>	<b>5.310.000.000</b>	<b>565.153.831.925</b>	<b>535.580.685.087</b>	<b>1.654.480.000</b>	<b>533.926.205.087</b>		
<b>A</b>		<b>NGUỒN GIAO ĐẦU NĂM</b>	<b>a</b>	<b>570.463.831.925</b>	<b>5.310.000.000</b>	<b>565.153.831.925</b>	<b>535.580.685.087</b>	<b>1.654.480.000</b>	<b>533.926.205.087</b>		
	7004692	Nhà kho trụ sở Công an thành phố	Công an TP Đồng Hới	20.000.000		20.000.000			0		0,00
	7004692	Xây dựng trụ sở công an xã Lộc Ninh	Công an TP Đồng Hới	50.000.000		50.000.000			0		0,00
	7996406	Chòi cứu hộ Bãi biển Nhật lệ 2, phường Hải Thành	Đội quy tắc và trật tự đô thị	20.000.000		20.000.000			0		0,00
	7991441	Cắm biển tên đường	Phòng QLĐT thành phố	20.000.000		20.000.000			0		0,00
		Quy hoạch chi tiết các xã Lộc Ninh, Nghĩa Ninh, Thuận Đức, Quang Phú, phường Đức Ninh Đông và phường Bắc Nghĩa	Phòng QLĐT thành phố	100.000.000		100.000.000					0,00
	7965801	Cắm mốc giới điều chỉnh quy hoạch chi tiết phường Hải Thành tỷ lệ 1/500	Phòng QLĐT thành phố	50.000.000		50.000.000					0,00
	7964920	Sửa chữa duy tu các tuyến đường, công thành phố quản lý	Phòng QLĐT thành phố	20.000.000		20.000.000			20.000.000		1,00
	7960001	Sửa chữa khắc phục ngập đọng trên địa bàn phường Nam Lý	Phòng QLĐT thành phố	20.000.000		20.000.000			20.000.000		1,00
	7960239	Hệ thống thoát nước khu dân cư thôn Thuận Phong, xã Thuận Đức	Phòng QLĐT thành phố	50.000.000		50.000.000			0		0,00
	Chưa mở	Xây dựng cơ sở dữ liệu hạ tầng kỹ thuật dịch vụ công ích thành phố	Ban quản lý dịch vụ công ích thành phố	50.000.000		50.000.000			0		0,00
	7948940	Nâng cấp sửa chữa nhà điều hành, hệ thống tắm tráng nước ngọt tại quảng trường biển Bảo Ninh	Ban quản lý dịch vụ công ích thành phố	50.000.000		50.000.000			0		0,00
	7954186	Trồng cây xanh đường phố Đồng Hới năm 2022.	Trung tâm công viên cây xanh Đồng Hới	50.000.000		50.000.000			50.000.000		1,00
	7955685	Nâng cấp, cải tạo cây xanh, thảm hoa Quảng Bình Quan, đường QL 1A, đường vào sân bay Đồng Hới và công viên phía nam cầu Cổng Mươi	Trung tâm công viên cây xanh Đồng Hới	50.000.000		50.000.000			50.000.000		1,00
	7955686	Công viên khu dân cư phía tây đường Hữu Nghị và nâng cấp cải tạo công viên quanh hồ Nam Lý, công viên cận chùa Đại Giác	Trung tâm công viên cây xanh Đồng Hới	50.000.000		50.000.000			50.000.000		1,00
	7949823	Nâng cấp đá nền trong khuôn viên và sơn tường rào Nghĩa trang liệt sỹ Đồng Sơn	Phòng Lao động TBXH Thành phố Đồng Hới	20.000.000		20.000.000			0		0,00
	7948954	Sửa chữa kênh mương cống Rẫy Họ đi Rào Dừa, xã Nghĩa Ninh	Phòng kinh tế thành phố	50.000.000		50.000.000			50.000.000		1,00
	7948955	Đường giao thông nội đồng Con Thèo phường Bắc Nghĩa	Phòng kinh tế thành phố	20.000.000		20.000.000			20.000.000		1,00
	7989288	Xây dựng kho vật chứng Chi cục thi hành án dân sự	Chi cục thi hành án dân sự TP Đồng Hới	20.000.000		20.000.000	0		0		0,00

TT	Mã dự án	Tên dự án	Chủ đầu tư	Tổng số	Chia theo nguồn vốn		Tổng số	Chia theo nguồn vốn		So sánh (%)	
					NS tỉnh	NS thành phố		NS tỉnh	NS thành phố	NS tỉnh	NS TP
		<b>TỔNG CỘNG (A+B+C)</b>		<b>570.463.831.925</b>	<b>5.310.000.000</b>	<b>565.153.831.925</b>	<b>535.580.685.087</b>	<b>1.654.480.000</b>	<b>533.926.205.087</b>		
<b>A</b>		<b>NGUỒN GIAO ĐẦU NĂM</b>	<b>a</b>	<b>570.463.831.925</b>	<b>5.310.000.000</b>	<b>565.153.831.925</b>	<b>535.580.685.087</b>	<b>1.654.480.000</b>	<b>533.926.205.087</b>		
	7957035	Xây dựng kho vật tư hóa chất phục vụ công tác phòng chống dịch bệnh tại Trung tâm y tế Thành phố	Trung tâm Y tế thành phố	20.000.000		20.000.000					0,00
	7954652	Xây dựng nhà xe, sân hàng rào khuôn viên nhà làm việc TT dịch vụ nông nghiệp thành phố	TT dịch vụ nông nghiệp thành phố	20.000.000		20.000.000			0		0,00
<b>2</b>		<b>Quyết định số 7810/QĐ-UBND ngày 23/12/2021</b>	<b>a</b>	<b>164.021.908.000</b>		<b>164.021.908.000</b>	<b>10.048.961.124</b>		<b>136.788.507.440</b>		
	7851819	Đường nối đường Lê Lợi với đường khu dân cư Tây Cầu Rào, Phường Đức Ninh Đông	UBND thành phố Đông Hới	5.000.000.000		5.000.000.000			4.492.691.000		0,90
	7880780	Nhà hiệu bộ và các phòng chức năng Trung tâm Nuôi dạy trẻ khuyết tật thành phố	UBND thành phố Đông Hới	1.500.000.000		1.500.000.000			1.445.008.000		0,96
	7879423	Công viên, vỉa hè đường phía Đông dọc sông cầu rào (đoạn từ đường 23/8 đến đường quy hoạch 27m)	UBND thành phố Đông Hới	2.900.000.000		2.900.000.000	3.610.000		2.465.406.000		0,85
	7892118	Đường vào cụm tiểu thủ công nghiệp Quang Phú	UBND thành phố Đông Hới	2.677.000.000		2.677.000.000			2.548.706.000		0,95
	7880775	Nhà đa năng và sân bóng đá, đường chạy thể dục Trường Tiểu học số 1 Đông Sơn	UBND thành phố Đông Hới	2.500.000.000		2.500.000.000			1.301.756.000		0,52
	7906681	Nâng cấp đường Nguyễn Đỗ Cung, Nguyễn Đóa, Ngô Thế Lân xã Nghĩa Ninh	UBND thành phố Đông Hới	6.000.000.000		6.000.000.000			4.047.226.000		0,67
	7892117	Đường Phan Huy Chú (đoạn qua chi cục đo lường)	UBND thành phố Đông Hới	2.000.000.000		2.000.000.000			0		0,00
		- <i>Vốn đã giao theo QĐ:</i>		5.000.000.000		5.000.000.000					0,00
		- <i>Giảm vốn tại QĐ 6351/QĐ-UBND ngày 26/12/202</i>		-3.000.000.000		-3.000.000.000					0,00
	7880779	Nhà đa năng Trường Tiểu học - THCS Thuận Đức (điểm trường THCS)	UBND thành phố Đông Hới	1.000.000.000		1.000.000.000			1.000.000.000		1,00
	7875203	Mở rộng khuôn viên tại Bệnh viện Đa khoa Đông Hới	Bệnh viện đa khoa thành phố	896.000.000		896.000.000			411.077.720		0,46
	7886728	Nhà đa năng Trường THCS số 1 Đông Sơn	UBND thành phố Đông Hới	2.000.000.000		2.000.000.000			1.288.823.000		0,64
	7886729	Nhà lớp học 2 tầng 6 phòng trường Mầm non Bắc Nghĩa (cơ sở 2)	UBND thành phố Đông Hới	2.500.000.000		2.500.000.000			2.275.551.720		0,91
	7880778	Nhà đa năng, bếp công hàng rào, sân, nhà vệ sinh trường tiểu học số 2 Đông Sơn	UBND thành phố Đông Hới	3.500.000.000		3.500.000.000	106.835.000		3.027.699.000		0,87
	7876819	Đường giao thông trong cụm công nghiệp Thuận Đức	UBND thành phố Đông Hới	5.000.000.000		5.000.000.000			5.000.000.000		1,00
	7880776	Hệ thống thoát nước trong cụm TTCN xã Nghĩa Ninh	UBND thành phố Đông Hới	1.000.000.000		1.000.000.000			551.981.000		0,55
	7879427	Trồng cây xanh đường Võ Nguyên Giáp (giai đoạn 1)	UBND thành phố Đông Hới	3.900.000.000		3.900.000.000			3.634.656.000		0,93

TT	Mã dự án	Tên dự án	Chủ đầu tư	Tổng số	Chia theo nguồn vốn		Tổng số	Chia theo nguồn vốn		So sánh (%)	
					NS tỉnh	NS thành phố		NS tỉnh	NS thành phố	NS tỉnh	NS TP
		<b>TỔNG CỘNG (A+B+C)</b>		<b>570.463.831.925</b>	<b>5.310.000.000</b>	<b>565.153.831.925</b>	<b>535.580.685.087</b>	<b>1.654.480.000</b>	<b>533.926.205.087</b>		
<b>A</b>		<b>NGUỒN GIAO ĐẦU NĂM</b>	<b>a</b>	<b>570.463.831.925</b>	<b>5.310.000.000</b>	<b>565.153.831.925</b>	<b>535.580.685.087</b>	<b>1.654.480.000</b>	<b>533.926.205.087</b>		
	7807240	Khu vui chơi thể thao phường Phú Hải	UBND phường Phú Hải	3.000.000.000		3.000.000.000			3.000.000.000		1,00
	7898052	Bãi tắm Bảo Ninh 2 (giai đoạn 4)	UBND thành phố Đồng Hới	234.233.000		234.233.000	234.233.000				0,00
		- Vốn đã giao theo QĐ:		4.900.000.000		4.900.000.000					0,00
		- Giám vốn tại QĐ 7810/QĐ-UBND		-4.665.767.000		-4.665.767.000					0,00
	7872429	Nhà lớp học 2 tầng 4 phòng, nhà đa năng và sân, hàng rào, nhà bảo vệ, sân bóng đá mini trường Tiểu học số 1 Bắc Lý	UBND thành phố Đồng Hới	4.500.000.000		4.500.000.000			4.410.509.000		0,98
	7872427	Xây dựng 4 phòng chức năng, nhà đa năng, hàng rào trường THCS số 2 Nam Lý	UBND thành phố Đồng Hới	4.500.000.000		4.500.000.000			4.048.872.000		0,90
	7907229	Đường từ nhà máy ceramic đến bãi rác thải xây dựng	UBND thành phố Đồng Hới	800.000.000		800.000.000			800.000.000		1,00
	7906683	Đường phục vụ sản xuất, phát triển kinh tế phía tây Nam xã Nghĩa Ninh thành phố Đồng hới	UBND thành phố Đồng Hới	0		0			0		
		- Vốn đã giao theo QĐ:		1.200.000.000		1.200.000.000					0,00
		- Giám vốn tại QĐ 7810/QĐ-UBND		-1.200.000.000		-1.200.000.000					0,00
	7893942	Điện chiếu sáng đường tránh thành phố (Đoạn từ đường Hà Huy Tập đến đường Phan Đình Phùng) thành phố Đồng Hới	UBND thành phố Đồng Hới	784.000.000		784.000.000			17.619.000		0,02
	7899279	Nâng cấp đường Nguyễn Duy Thiệu	UBND thành phố Đồng Hới	490.000.000		490.000.000			490.000.000		1,00
	r	Đường nối từ bệnh viện YHCT tỉnh đến đường Phong Nha	UBND thành phố Đồng Hới	0		0			0		
		- Vốn đã giao theo QĐ:		784.000.000		784.000.000					0,00
		- Giám vốn tại QĐ 7810/QĐ-UBND		-784.000.000		-784.000.000					0,00
	7906687	Đường từ cầu Phú Vinh đến TTCN phường Bắc Nghĩa (TDP 3 Phú Vinh)	UBND thành phố Đồng Hới	600.000.000		600.000.000			596.498.000		0,99
	7902988	Đường nối đường Tôn Đức Thắng với Tạ Quang Bửu đến đường Nguyễn Đăng Tuấn	UBND thành phố Đồng Hới	78.675.000		78.675.000			78.675.000		1,00
		- Vốn đã giao theo QĐ:		1.800.000.000		1.800.000.000					0,00
		- Giám vốn tại QĐ 7810/QĐ-UBND		-1.721.325.000		-1.721.325.000					0,00
	7907228	Đường từ khu công nghiệp Lộc Ninh đến đường tránh thành phố Đồng Hới	UBND thành phố Đồng Hới	1.960.000.000		1.960.000.000			1.925.991.000		0,98
	7902996	Xây dựng phòng học và phòng đa chức năng Trường THCS số 2 Bắc Lý	UBND thành phố Đồng Hới	800.000.000		800.000.000			800.000.000		1,00
	7902990	Xây dựng nhà lớp học 2 tầng 4 phòng, bếp, sân và nhà vệ sinh Trường TH số 2 Bắc Lý	UBND thành phố Đồng Hới	1.498.000.000		1.498.000.000			1.498.000.000		1,00
	7899149	Cải tạo, nâng cấp Trường mầm non Hải Thành	UBND thành phố Đồng Hới	600.000.000		600.000.000			600.000.000		1,00
	7902995	Xây dựng khối nhà hiệu bộ, hội trường, bếp, nhà bảo vệ và nhà vệ sinh Trường TH số 3 Nam lý	UBND thành phố Đồng Hới	1.489.000.000		1.489.000.000	30.888.000		1.458.112.000		0,98

TT	Mã dự án	Tên dự án	Chủ đầu tư	Tổng số	Chia theo nguồn vốn		Tổng số	Chia theo nguồn vốn		So sánh (%)	
					NS tỉnh	NS thành phố		NS tỉnh	NS thành phố	NS tỉnh	NS TP
		<b>TỔNG CỘNG (A+B+C)</b>		<b>570.463.831.925</b>	<b>5.310.000.000</b>	<b>565.153.831.925</b>	<b>535.580.685.087</b>	<b>1.654.480.000</b>	<b>533.926.205.087</b>		
<b>A</b>		<b>NGUỒN GIAO ĐẦU NĂM</b>	<b>a</b>	<b>570.463.831.925</b>	<b>5.310.000.000</b>	<b>565.153.831.925</b>	<b>535.580.685.087</b>	<b>1.654.480.000</b>	<b>533.926.205.087</b>		
	7911937	Thiết bị nhà lớp học 2 tầng 6 phòng và 02 phòng học chức năng trường THCS Hải Đình	UBND thành phố Đồng Hới	517.000.000		517.000.000			517.000.000		1,00
	7902994	Nhà hiệu bộ trường tiểu học Bắc Nghĩa	UBND thành phố Đồng Hới	1.000.000.000		1.000.000.000			1.000.000.000		1,00
	7906690	Xây dựng 4 phòng học bộ môn, hàng rào trường THCS số 1 Đồng Sơn	UBND thành phố Đồng Hới	800.000.000		800.000.000			800.000.000		1,00
	7906691	Xây dựng nhà đa năng, sân trường TH Lộc Ninh	UBND thành phố Đồng Hới	1.700.000.000		1.700.000.000			8.418.000		0,00
	7906692	Nhà lớp học 2 tầng 6 phòng, công, hàng rào Trường THCS Bắc Nghĩa	UBND thành phố Đồng Hới	1.300.000.000		1.300.000.000	322.456.000		793.305.000		0,61
	7906696	Xây dựng 2 phòng chức năng trường TH số 1 Nam Lý	UBND thành phố Đồng Hới	600.000.000		600.000.000	400.000.000		200.000.000		0,33
	7907227	Đường nối đường Trương Phúc Phần đến KCN Tây Bắc Đồng Hới	UBND thành phố Đồng Hới	968.000.000		968.000.000			915.850.000		0,95
	7906693	Đường sắt trung tâm chăm sóc và phục hồi chức năng cho người tâm thần tỉnh Quảng Bình	UBND thành phố Đồng Hới	1.255.000.000		1.255.000.000			1.040.086.000		0,83
	7906689	Đường Đinh Tiên Hoàng đến đường Lý Nam Đế và đường phía sau Công an Thành phố	UBND thành phố Đồng Hới	0		0			0		
		- <i>Vốn đã giao theo QĐ:</i>		1.200.000.000		1.200.000.000					0,00
		- <i>Giảm vốn tại QĐ 7810/QĐ-UBND</i>		-1.200.000.000		-1.200.000.000					0,00
	7906688	Nâng cấp đường và hệ thống thoát nước 2 bên cầu vượt (phía tây đường sắt)	UBND thành phố Đồng Hới	700.000.000		700.000.000			686.850.000		0,98
	7893946	Đường trong cụm tiểu thủ công nghiệp xã Lộc Ninh	UBND thành phố Đồng Hới	978.000.000		978.000.000	247.314.000		730.686.000		0,75
	7902987	Nhà lớp học 3 tầng 12 phòng, hàng rào Trường THCS Đức Ninh Đông	UBND thành phố Đồng Hới	2.500.000.000		2.500.000.000	657.503.000		1.842.497.000		0,74
	7942126	Trồng cây xanh, vỉa hè đường Võ Nguyên Giáp	UBND thành phố Đồng Hới	5.000.000.000		5.000.000.000	2.971.042.000		2.028.958.000		0,41
	7902993	Xây dựng nhà lớp học 2 tầng 8 phòng, nhà bếp trường TH Nghĩa Ninh	UBND thành phố Đồng Hới	1.900.000.000		1.900.000.000			1.900.000.000		1,00
	7893942	Nâng cấp điện chiếu sáng bằng đèn Led đường Hà Huy Tập và đường Lê Hồng Phong	UBND thành phố Đồng Hới	550.000.000		550.000.000			550.000.000		1,00
	7900459	Sửa chữa, nâng cấp Hồ chứa nước Bầu Luồng - Bầu Vèng xã Lộc Ninh	UBND thành phố Đồng Hới	1.700.000.000		1.700.000.000			1.700.000.000		1,00
	7906680	Xây dựng dãy phòng học 4 tầng 12 và 01 phòng thư viện trường THCS số 1 Nam lý	UBND thành phố Đồng Hới	2.600.000.000		2.600.000.000			2.600.000.000		1,00
	7894319	Mua xe ô tô chuyên dùng phục vụ sản xuất (xe tải cầu, xe tải ben, xe thùng, xe bồn tưới nước)	Trung tâm công viên cây xanh Đồng Hới	950.000.000		950.000.000			950.000.000		1,00
		- <i>Vốn đã giao theo QĐ:</i>		1.000.000.000		1.000.000.000					0,00
		- <i>Giảm vốn tại QĐ 7810/QĐ-UBND</i>		-50.000.000		-50.000.000					0,00
	7892162	Trồng cây xanh đường phố Đồng Hới năm 2021.	Trung tâm công viên cây xanh Đồng Hới	800.000.000		800.000.000			800.000.000		1,00

TT	Mã dự án	Tên dự án	Chủ đầu tư	Tổng số	Chia theo nguồn vốn		Tổng số	Chia theo nguồn vốn		So sánh (%)	
					NS tỉnh	NS thành phố		NS tỉnh	NS thành phố	NS tỉnh	NS TP
		<b>TỔNG CỘNG (A+B+C)</b>		<b>570.463.831.925</b>	<b>5.310.000.000</b>	<b>565.153.831.925</b>	<b>535.580.685.087</b>	<b>1.654.480.000</b>	<b>533.926.205.087</b>		
<b>A</b>		<b>NGUỒN GIAO ĐẦU NĂM</b>	<b>a</b>	<b>570.463.831.925</b>	<b>5.310.000.000</b>	<b>565.153.831.925</b>	<b>535.580.685.087</b>	<b>1.654.480.000</b>	<b>533.926.205.087</b>		
	7004692	Xây dựng công trình huấn luyện công an thành phố	Công an TP Đồng Hới	900.000.000		900.000.000			900.000.000		1,00
	7004692	Xây dựng ga ra để xe ô tô , xe máy trụ sở Công an Thành phố	Công an TP Đồng Hới	750.000.000		750.000.000			0		0,00
	7909712	Trạm bơm chống úng 1000m3/h,	Phòng kinh tế thành phố	400.000.000		400.000.000			400.000.000		1,00
	7887346	Cải tạo, nâng cấp hệ thống sân trường, nền nhà dây phòng học trường TH Nghĩa Ninh	UBND xã Nghĩa Ninh	1.050.000.000		1.050.000.000			1.050.000.000		1,00
	7892854	Hệ thống kênh mương nội đồng xã Lộc Ninh	UBND xã Lộc Ninh	500.000.000		500.000.000			500.000.000		1,00
	7884104	Tuyến đường nội đồng Hậu thôn 5 và tuyến đường Hồ Bàu Ninh xã lộc ninh	UBND xã Lộc Ninh	500.000.000		500.000.000			500.000.000		1,00
	7885567	Nâng cấp hệ thống đường nội bộ thôn Đồng Dương và Sa Động xã Bảo Ninh	UBND xã Bảo Ninh	1.400.000.000		1.400.000.000			1.400.000.000		1,00
	7883497	Cải tạo nâng cấp Trụ sở UBND xã Thuận Đức	UBND xã Thuận Đức	1.200.000.000		1.200.000.000			1.173.653.000		0,98
	7886331	Hạ tầng nghĩa trang liệt sỹ xã Đức Ninh	UBND xã Đức Ninh	1.200.000.000		1.200.000.000	1.200.000.000		0		0,00
	7886455	Xây dựng tuyến đường khu vực Bàu Tró phường Hải thành	UBND phường Hải Thành	988.000.000		988.000.000			987.767.000		1,00
	7890520	Sửa chữa các phòng học và xây kè chắn cát, hàng rào trường THCS Hải Thành	UBND Phường Hải Thành	750.000.000		750.000.000			749.960.000		1,00
	7910107	Cải tạo, nâng cấp, sửa chữa trụ sở Ban quản lý dự án ĐTXD thành phố (trụ sở cũ tại địa chỉ 68 Ngô Quyền, phường Đồng Phú)	Ban quản lý dịch vụ công ích thành phố	1.622.000.000		1.622.000.000			1.622.000.000		1,00
	7921136	Đường giao thông, hạ tầng khu dân cư ngoài hàng rào khu công nghiệp Tây Bắc Đồng Hới phường Bắc Lý	UBND thành phố Đồng Hới	4.200.000.000		4.200.000.000			4.200.000.000		1,00
	7932480	Nâng cấp đường Lý Nhân Tông, phường Bắc Nghĩa, thành phố Đồng Hới	UBND thành phố Đồng Hới	4.470.000.000		4.470.000.000			4.470.000.000		1,00
	7925783	Xây dựng nhà hiệu bộ và thư viện trường THCS Đồng Mỹ	UBND thành phố Đồng Hới	2.400.000.000		2.400.000.000	423.603.000		1.976.397.000		0,82
	7925781	Xây dựng nhà 3 tầng 3 phòng bộ môn và cải tạo dây nhà lớp học trường THCS số 1 Bắc Lý	UBND thành phố Đồng Hới	2.250.000.000		2.250.000.000			2.250.000.000		1,00
	7919860	Nâng cấp tuyến đường Nguyễn Đình Tân xã Nghĩa Ninh	UBND thành phố Đồng Hới	750.000.000		750.000.000			750.000.000		1,00
	7921135	Xây dựng nhà đa năng trường THCS số 2 Bắc Lý	UBND thành phố Đồng Hới	2.100.000.000		2.100.000.000			2.100.000.000		1,00
	7928478	Cải tạo khối nhà lớp học bộ môn 2 tầng 4 phòng, hàng rào, sân, nhà vệ sinh trường THCS Hải Đình	UBND thành phố Đồng Hới	1.200.000.000		1.200.000.000			1.200.000.000		1,00
	7925779	Nhà lớp học 3 tầng 17 phòng học và 01 phòng đọc giáo viên Trường TH Hải Đình	UBND thành phố Đồng Hới	4.470.000.000		4.470.000.000			4.470.000.000		1,00

TT	Mã dự án	Tên dự án	Chủ đầu tư	Tổng số	Chia theo nguồn vốn		Tổng số	Chia theo nguồn vốn		So sánh (%)	
					NS tỉnh	NS thành phố		NS tỉnh	NS thành phố	NS tỉnh	NS TP
		<b>TỔNG CỘNG (A+B+C)</b>		<b>570.463.831.925</b>	<b>5.310.000.000</b>	<b>565.153.831.925</b>	<b>535.580.685.087</b>	<b>1.654.480.000</b>	<b>533.926.205.087</b>		
<b>A</b>		<b>NGUỒN GIAO ĐẦU NĂM</b>	<b>a</b>	<b>570.463.831.925</b>	<b>5.310.000.000</b>	<b>565.153.831.925</b>	<b>535.580.685.087</b>	<b>1.654.480.000</b>	<b>533.926.205.087</b>		
7928477		Pano LED tuyên truyền chính trị, xã hội hóa, kết hợp quảng cáo đường Phạm Văn Đồng TP Đồng Hới	UBND thành phố Đồng Hới	645.000.000		645.000.000			645.000.000		1,00
7931224		Xây dựng nhà đa năng và cải tạo nhà 2 tầng 8 phòng học, dãy nhà ODA Trường THCS Lộc Ninh	UBND thành phố Đồng Hới	3.600.000.000		3.600.000.000	2.035.003.000		1.564.997.000		0,43
7919864		Xây dựng hệ thống mương thoát lũ khu dân cư tổ dân phố 6, phường Bắc Lý	UBND thành phố Đồng Hới	1.500.000.000		1.500.000.000			1.500.000.000		1,00
7921138		Nâng cấp điện chiếu sáng bằng đèn Led đường Lê Lợi, Lý Thái Tổ (đoạn từ đường Quảng Bình Quan đến đường vào UBND xã Nghĩa Ninh)	UBND thành phố Đồng Hới	1.400.000.000		1.400.000.000			1.399.588.000		1,00
7933562		Trồng cây xanh, điện chiếu sáng khu dân cư hạ tầng tổ dân phố 10 Bắc Lý	UBND thành phố Đồng Hới	1.500.000.000		1.500.000.000			1.500.000.000		1,00
7928479		Đầu tư, nâng cấp điện chiếu sáng bằng đèn Led đường Cao Thắng	UBND thành phố Đồng Hới	780.000.000		780.000.000			778.305.000		1,00
7931226		Sửa chữa dãy nhà 3 tầng 9 phòng trường TH số 1 Nam Lý	UBND thành phố Đồng Hới	300.000.000		300.000.000			241.664.000		0,81
		Cải tạo nhà hiệu bộ, hàng rào và mua sắm thiết bị Trường THCS số 1 Đồng Sơn	UBND thành phố Đồng Hới	300.000.000		300.000.000			241.664.000		0,81
7919859		Đường nối đường Nam Lý Trùng Trương đi khu vực Tiểu thủ công nghiệp Bắc Nghĩa	UBND thành phố Đồng Hới	1.950.000.000		1.950.000.000			1.860.314.000		0,95
7931222		Bãi đỗ xe số 4 phố đi bộ	UBND thành phố Đồng Hới	400.000.000		400.000.000			400.000.000		1,00
7946931		Cải tạo chỉnh trang khu vực tượng đài Mẹ Suốt	UBND thành phố Đồng Hới	900.000.000		900.000.000			900.000.000		1,00
7928480		Cải tạo chợ Đồng Mỹ, phường Đồng Hải	UBND thành phố Đồng Hới	450.000.000		450.000.000			363.965.000		0,81
7933563		Xây dựng, cải tạo hệ thống thoát nước chống ngập úng một số tuyến đường trên địa bàn phường Bắc Lý, Nam Lý	UBND thành phố Đồng Hới	2.250.000.000		2.250.000.000	604.761.000		1.645.239.000		0,73
7921545		Nâng cấp, cải tạo Công viên phía Tây Quảng trường biển Bảo Ninh	Trung tâm công viên cây xanh Đồng Hới	1.500.000.000		1.500.000.000			1.457.834.000		0,97
7919855		Trồng bổ sung hệ thống cây xanh, thảm hoa trước Trụ sở Thành ủy, HĐND UBND thành phố Đồng Hới	Trung tâm công viên cây xanh Đồng Hới	700.000.000		700.000.000			688.257.000		0,98
7921677		Trồng cây xanh bóng mát, thảm hoa khu vực phía sau nhà Bảo tàng tỉnh và xung quanh Hồ Thành	Trung tâm công viên cây xanh Đồng Hới	1.050.000.000		1.050.000.000			1.050.000.000		1,00
7921547		Cải tạo, nâng cấp nhà làm việc vườn ươm và đường vào vườn ươm Bắc Nghĩa	Trung tâm công viên cây xanh Đồng Hới	200.000.000		200.000.000			200.000.000		1,00

TT	Mã dự án	Tên dự án	Chủ đầu tư	Tổng số	Chia theo nguồn vốn		Tổng số	Chia theo nguồn vốn		So sánh (%)	
					NS tỉnh	NS thành phố		NS tỉnh	NS thành phố	NS tỉnh	NS TP
		<b>TỔNG CỘNG (A+B+C)</b>		<b>570.463.831.925</b>	<b>5.310.000.000</b>	<b>565.153.831.925</b>	<b>535.580.685.087</b>	<b>1.654.480.000</b>	<b>533.926.205.087</b>		
<b>A</b>		<b>NGUỒN GIAO ĐẦU NĂM</b>	<b>a</b>	<b>570.463.831.925</b>	<b>5.310.000.000</b>	<b>565.153.831.925</b>	<b>535.580.685.087</b>	<b>1.654.480.000</b>	<b>533.926.205.087</b>		
7980739		Trồng bổ sung, thay thế cây xanh bóng mát công viên phía Nam đường Trần Hưng Đạo và đường Phạm Văn Đồng 23/8, Trần Hưng Đạo và Nguyễn Hữu Cảnh	Trung tâm công viên cây xanh Đồng Hới	1.000.000.000		1.000.000.000			964.940.000		0,96
7920608		Nâng cấp sân và xây dựng hàng rào chợ Công đoàn phường Bắc Lý	Ban QL chợ Đồng Hới	200.000.000		200.000.000			122.901.000		0,61
7918019		Sửa chữa, xây dựng cầu ngang đường Trương Phúc Phần xã Lộc Ninh	Phòng QLĐT thành phố	750.000.000		750.000.000			750.000.000		1,00
7971791		Nâng cấp sửa chữa đường Hàn Thuyên phường Bắc Lý	Phòng QLĐT thành phố	1.050.000.000		1.050.000.000			1.050.000.000		1,00
7918018		Nâng cấp sửa chữa đường Tô Vĩnh Diện phường Bắc Lý	Phòng QLĐT thành phố	960.000.000		960.000.000			960.000.000		1,00
7918022		Nâng cấp sửa chữa đường Nguyễn Dựng phường Bắc Lý	Phòng QLĐT thành phố	780.000.000		780.000.000			780.000.000		1,00
7925153		Sửa chữa, nâng cấp các tuyến đường, ngõ trên địa bàn các phường Nam Lý, Bắc Lý và Đồng Phú	Phòng QLĐT thành phố	584.000.000		584.000.000			562.506.000		0,96
7925152		Sửa chữa, nâng cấp công thoát nước qua kênh tưới tiêu trên phường Bắc Nghĩa và các tuyến đường Đoàn Chí Tuân, Phan Đăng Lưu, Nguyễn Kim Chi	Phòng QLĐT thành phố	600.000.000		600.000.000			31.937.000		0,05
7926655		Quy hoạch phân khu phường Bắc Lý, TP Đồng Hới tỷ lệ 1/2000	Phòng QLĐT thành phố	716.000.000		716.000.000			716.000.000		1,00
7926657		Quy hoạch phân khu phường Đồng Sơn, TP Đồng Hới tỷ lệ 1/2000	Phòng QLĐT thành phố	978.000.000		978.000.000			978.000.000		1,00
7926658		Quy hoạch phân khu khu vực phát triển xã Đức Ninh, TP Đồng Hới tỷ lệ 1/2000	Phòng QLĐT thành phố	506.000.000		506.000.000			506.000.000		1,00
7924983		Xây dựng cầu máng và sửa chữa kênh mương Bàu Sại phường Bắc Nghĩa	Phòng kinh tế thành phố	1.050.000.000		1.050.000.000			1.027.315.000		0,98
7921261		Sửa chữa sạt lở mái thượng lưu đập và công lấy nước hồ chứa nước Đồng Sơn	Phòng kinh tế thành phố	425.000.000		425.000.000			394.509.000		0,93
7930250		Gia cố sạt lở mái đập, hồ chứa bàu Trám Lộc Ninh	Phòng kinh tế thành phố	393.000.000		393.000.000			336.876.000		0,86
7004686		Sửa chữa nhà ăn, nhà bếp và hàng rào phía đông đại đội nữ dân quân thường trực pháo phòng không 37mm xã Quang Phú	Ban Chỉ huy Quân sự Thành phố	700.000.000		700.000.000			681.562.000		0,97
7924647		Nâng cấp khuôn viên hàng rào, sân, hệ thống điện chiếu sáng nghĩa trang Phường phú Hải	Phòng Lao động TBXH Thành phố Đồng Hới	500.000.000		500.000.000			499.909.000		1,00
7943454		Nhà điều trị Nội trú liên chuyên khoa Bệnh viện Đa khoa	Bệnh viện đa khoa thành phố	1.500.000.000		1.500.000.000			0		0,00
7957311		Khắc phục sửa chữa nâng cấp Trần, đê xã Nghĩa Ninh - Vĩnh Ninh (Lệ Kỳ)	UBND xã Nghĩa Ninh	2.000.000.000		2.000.000.000	111.713.124		510.020.000		0,26

TT	Mã dự án	Tên dự án	Chủ đầu tư	Tổng số	Chia theo nguồn vốn		Tổng số	Chia theo nguồn vốn		So sánh (%)	
					NS tỉnh	NS thành phố		NS tỉnh	NS thành phố	NS tỉnh	NS TP
		<b>TỔNG CỘNG (A+B+C)</b>		<b>570.463.831.925</b>	<b>5.310.000.000</b>	<b>565.153.831.925</b>	<b>535.580.685.087</b>	<b>1.654.480.000</b>	<b>533.926.205.087</b>		
<b>A</b>		<b>NGUỒN GIAO ĐẦU NĂM</b>	<b>a</b>	<b>570.463.831.925</b>	<b>5.310.000.000</b>	<b>565.153.831.925</b>	<b>535.580.685.087</b>	<b>1.654.480.000</b>	<b>533.926.205.087</b>		
	7924358	Cải tạo, sửa chữa dẫy nhà 2 tầng Trụ sở UBND xã Thuận Đức	UBND xã Thuận Đức	700.000.000		700.000.000			700.000.000		1,00
	7925368	Xây dựng hệ thống thoát nước và mở rộng tuyến đường thuộc thôn Nam Phú xã Quang Phú	UBND xã Quang Phú	700.000.000		700.000.000	300.000.000		400.000.000		0,57
	7926933	Xây dựng tuyến đường ra nghĩa trang nhân dân xã Lộc Ninh	UBND xã Lộc Ninh	800.000.000		800.000.000			800.000.000		1,00
	7929304	Khắc phục sửa chữa chống thấm cụm hồ chứa Bầu Nín - Bầu Vèng xã Lộc Ninh	UBND xã Lộc Ninh	2.000.000.000		2.000.000.000			2.000.000.000		1,00
	7934384	Nâng cấp đường, hệ thống thoát nước các tuyến đường Nguyễn Duy và Nguyễn Duy Trinh phường Đức Ninh Đông	UBND phường Đức Ninh Đông	400.000.000		400.000.000			400.000.000		1,00
	7936490	Thoát nước tổ dân phố Bình Phúc phường Đức Ninh Đông	UBND phường Đức Ninh Đông	400.000.000		400.000.000			400.000.000		1,00
	7936489	Thoát nước tổ dân phố Đức Trường phường Đức Ninh Đông	UBND phường Đức Ninh Đông	400.000.000		400.000.000			400.000.000		1,00
		Cổng, sân, hàng rào Trường TH Hải thành	UBND phường Hải Thành	380.000.000		380.000.000			300.921.000		0,79
	7931486	Nâng cấp, sửa chữa đập, công lấy nước và hệ thống kè Hồ Bầu Củi phường Bắc Lý	UBND phường Bắc Lý	1.500.000.000		1.500.000.000	400.000.000		1.100.000.000		0,73
<b>3</b>		<b>QĐ SỐ 10/QĐ-UBND NGÀY 05/01/2022</b>		<b>900.000.000</b>		<b>900.000.000</b>	<b>296.712.780</b>		<b>603.287.220</b>		
	7959759	Quy hoạch phân khu các xã Lộc Ninh, Nghĩa Ninh, Thuận Đức, Quang Phú, phường Đức Ninh Đông và phường Bắc Nghĩa (THUẬN ĐỨC)	Phòng QLĐT thành phố	500.000.000		500.000.000			500.000.000		1,00
	7959759	Quy hoạch phân khu các xã Lộc Ninh, Nghĩa Ninh, Thuận Đức, Quang Phú, phường Đức Ninh Đông và phường Bắc Nghĩa (ĐỨC NINH ĐÔNG)	Phòng QLĐT thành phố	400.000.000		400.000.000	296.712.780		103.287.220		0,26
<b>4</b>		<b>QĐ SỐ 185/QĐ-UBND NGÀY 17/1/2022</b>		<b>700.000.000</b>		<b>700.000.000</b>	<b>0</b>		<b>700.000.000</b>		<b>1,00</b>
		Quy hoạch phân khu các xã Lộc Ninh, Nghĩa Ninh, Thuận Đức, Quang Phú, phường Đức Ninh Đông và phường Bắc Nghĩa (Nghĩa Ninh)	Phòng QLĐT thành phố	700.000.000		700.000.000			700.000.000		1,00
<b>5</b>		<b>QĐ SỐ 240/QĐ-UBND NGÀY 20/1/2022</b>		<b>500.000.000</b>		<b>500.000.000</b>	<b>0</b>		<b>0</b>		<b>0,00</b>
		Quy hoạch phân khu các xã Lộc Ninh, Nghĩa Ninh, Thuận Đức, Quang Phú, phường Đức Ninh Đông và phường Bắc Nghĩa	Phòng QLĐT thành phố	500.000.000		500.000.000			0		0,00
<b>6</b>		<b>QĐ SỐ 451/QĐ-UBND NGÀY 218/02/2022</b>		<b>2.100.000.000</b>		<b>2.100.000.000</b>	<b>805.639.000</b>		<b>1.244.361.000</b>		<b>0,59</b>
	7004686	Hội trường huấn luyện dân quân tự vệ	Ban Chỉ huy Quân sự Thành phố	1.000.000.000		1.000.000.000	805.639.000		144.361.000		0,14
	7004686	Sửa chữa khu nhà làm việc, nhà ở của đại đội pháo 37mm	Ban Chỉ huy Quân sự Thành phố	800.000.000		800.000.000			800.000.000		1,00

TT	Mã dự án	Tên dự án	Chủ đầu tư	Tổng số	Chia theo nguồn vốn		Tổng số	Chia theo nguồn vốn		So sánh (%)	
					NS tỉnh	NS thành phố		NS tỉnh	NS thành phố	NS tỉnh	NS TP
		<b>TỔNG CỘNG (A+B+C)</b>		<b>570.463.831.925</b>	<b>5.310.000.000</b>	<b>565.153.831.925</b>	<b>535.580.685.087</b>	<b>1.654.480.000</b>	<b>533.926.205.087</b>		
<b>A</b>		<b>NGUỒN GIAO ĐẦU NĂM</b>	<b>a</b>	<b>570.463.831.925</b>	<b>5.310.000.000</b>	<b>565.153.831.925</b>	<b>535.580.685.087</b>	<b>1.654.480.000</b>	<b>533.926.205.087</b>		
	7957035	Xây dựng kho vật tư hóa chất phục vụ công tác phòng chống dịch bệnh tại Trung tâm y tế Thành phố	Trung tâm Y tế thành phố	300.000.000		300.000.000			300.000.000		1,00
<b>7</b>		<b>QĐ SỐ 698/QĐ-UBND NGÀY 11/03/2022</b>		<b>400.000.000</b>		<b>400.000.000</b>	<b>0</b>		<b>400.000.000</b>		1,00
	7945468	Nâng cấp, cải tạo nhà lớp học bộ môn Trường THCS số 2 Bắc Lý	UBND phường Bắc Lý	400.000.000		400.000.000			400.000.000		1,00
<b>8</b>		<b>QĐ SỐ 707/QĐ-UBND NGÀY 11/03/2022</b>		<b>1.350.000.000</b>		<b>1.350.000.000</b>	<b>0</b>		<b>1.332.470.000</b>		
	7946931	Cải tạo chỉnh trang khu vực tượng đài Mẹ Suốt	UBND thành phố Đồng Hới	0		0			0		
		<i>Đã bố trí tại QĐ 707</i>		<i>900.000.000</i>		<i>900.000.000</i>					0,00
		<i>Điều chỉnh giảm tại QĐ</i>		<i>-900.000.000</i>		<i>-900.000.000</i>					0,00
	7948954	Nâng cấp sửa chữa nhà điều hành, hệ thống tắm tráng nước ngọt tại quảng trường biển Bảo Ninh	Ban quản lý dịch vụ công ích thành phố	600.000.000		600.000.000			600.000.000		1,00
	7948955	Mua xe bán tải phục vụ công việc chuyên môn	Ban quản lý dịch vụ công ích thành phố	750.000.000		750.000.000			732.470.000		0,98
<b>9</b>		<b>QĐ SỐ 769/QĐ-UBND NGÀY 16/03/2022</b>		<b>2.000.000.000</b>		<b>2.000.000.000</b>	<b>586.328.000</b>		<b>1.227.493.000</b>		
		Sửa chữa kênh mương cống Rẫy Họ đi Rào Dừa, xã Nghĩa Ninh	Phòng kinh tế thành phố	1.500.000.000		1.500.000.000	328.328.000		1.171.672.000		0,78
	7954651	Đường giao thông nội đồng Cơn Théo phường Bắc Nghĩa	Phòng kinh tế thành phố	500.000.000		500.000.000	258.000.000		55.821.000		0,11
<b>10</b>		<b>QĐ SỐ 776/QĐ-UBND NGÀY 17/03/2022</b>		<b>600.000.000</b>		<b>600.000.000</b>	<b>0</b>		<b>600.000.000</b>		
	7949817	Nâng cấp hệ thống điện chiếu sáng bằng đèn Led các tuyến đường có mặt cắt dưới 10,5m phường Đức Ninh Đông	UBND phường Đức Ninh Đông	600.000.000		600.000.000			600.000.000		1,00
<b>11</b>		<b>QĐ SỐ 995/QĐ-UBND NGÀY 01/4/2022</b>		<b>2.600.000.000</b>		<b>2.600.000.000</b>	<b>357.000.000</b>		<b>2.243.000.000</b>		
	7950914	Hệ thống đài truyền thanh ứng dụng CNTT - Viễn thông phường Đức Ninh Đông	UBND phường Đức Ninh Đông	200.000.000		200.000.000			200.000.000		1,00
	7949819	Đầu tư xây dựng đường giao thông nội đồng từ đê Đức Môn đi cống Hoàng Ngưỡng và Côn Ngôi, xã Đức Ninh	UBND xã Đức Ninh	900.000.000		900.000.000	357.000.000		543.000.000		0,60
	7949822	Hệ thống đài truyền thanh ứng dụng CNTT - Viễn thông xã Đức Ninh	UBND xã Đức Ninh	200.000.000		200.000.000			200.000.000		1,00
	7949820	Hệ thống đài truyền thanh ứng dụng CNTT - Viễn thông xã Thuận Đức	UBND xã Thuận Đức	200.000.000		200.000.000			200.000.000		1,00
	7949818	Hệ thống đài truyền thanh ứng dụng CNTT - Viễn thông phường Nam Lý	UBND phường Nam Lý	200.000.000		200.000.000			200.000.000		1,00
	7949821	Hệ thống đài truyền thanh ứng dụng CNTT - Viễn thông phường Đồng Hải	UBND phường Đồng Hải	200.000.000		200.000.000			200.000.000		1,00
	7949823	Hệ thống đài truyền thanh ứng dụng CNTT - Viễn thông phường Đồng Sơn	UBND phường Đồng Sơn	200.000.000		200.000.000			200.000.000		1,00

TT	Mã dự án	Tên dự án	Chủ đầu tư	Tổng số	Chia theo nguồn vốn		Tổng số	Chia theo nguồn vốn		So sánh (%)	
					NS tỉnh	NS thành phố		NS tỉnh	NS thành phố	NS tỉnh	NS TP
		<b>TỔNG CỘNG (A+B+C)</b>		<b>570.463.831.925</b>	<b>5.310.000.000</b>	<b>565.153.831.925</b>	<b>535.580.685.087</b>	<b>1.654.480.000</b>	<b>533.926.205.087</b>		
<b>A</b>		<b>NGUỒN GIAO ĐẦU NĂM</b>	<b>a</b>	<b>570.463.831.925</b>	<b>5.310.000.000</b>	<b>565.153.831.925</b>	<b>535.580.685.087</b>	<b>1.654.480.000</b>	<b>533.926.205.087</b>		
	7950913	Nâng cấp đá nền trong khuôn viên và sơn tường rào Nghĩa trang liệt sỹ Đồng Sơn	Phòng Lao động TBXH Thành phố Đồng Hới	500.000.000		500.000.000			500.000.000		1,00
<b>12</b>		<b>QĐ SỐ 1255/QĐ-UBND NGÀY 19/4/2022</b>		<b>2.150.000.000</b>		<b>2.150.000.000</b>	<b>296.825.000</b>		<b>1.837.059.000</b>		
	7950912	Đường giao thông nội đồng Hới Thủ Đức Giang - Đức Thị và tuyến từ đê Mỹ Cương về Nương Lo, xã Đức Ninh	UBND xã Đức Ninh	300.000.000		300.000.000			300.000.000		1,00
	7950911	Tuyến đường giao thông nội đồng Hới Thủ Đức Hoa, Mang Thà và tuyến Hoang Thọ Đức Thị xã Đức Ninh	UBND xã Đức Ninh	400.000.000		400.000.000	296.825.000		87.059.000		0,22
	7950517	Đầu tư xây dựng tuyến kênh mương giữa Đức Thị, Đức Giang, xã Đức Ninh	UBND xã Đức Ninh	300.000.000		300.000.000			300.000.000		1,00
	7954186	Cải tạo, sửa chữa dây phòng học chức năng Trường THCS Bắc Nghĩa	UBND phường Bắc Nghĩa	250.000.000		250.000.000			250.000.000		1,00
		Trồng cây xanh đường phố Đồng Hới năm 2022.	Trung tâm công viên cây xanh Đồng Hới	900.000.000		900.000.000			900.000.000		1,00
<b>13</b>		<b>QĐ SỐ 1542/QĐ-UBND NGÀY 04/05/2022</b>		<b>1.300.000.000</b>		<b>1.300.000.000</b>	<b>649.800.000</b>		<b>471.063.000</b>		
<b>33</b>	7954202	Đầu tư xây dựng đường GTNT tuyến Lò Vôi di Lùm Cây xã Nghĩa Ninh	UBND xã Nghĩa Ninh	800.000.000		800.000.000	490.000.000		130.863.000		0,16
	7954652	Xây dựng nhà xe, sân hàng rào khuôn viên nhà làm việc TT dịch vụ nông nghiệp thành phố	TT dịch vụ nông nghiệp thành phố	500.000.000		500.000.000	159.800.000		340.200.000		0,68
<b>14</b>		<b>QĐ SỐ 1732/QĐ-UBND NGÀY 10/05/2022</b>		<b>1.767.000.000</b>		<b>1.767.000.000</b>	<b>0</b>		<b>1.690.673.700</b>		
	7962249	Xây dựng phòng hiệu bộ và phòng chức năng Trường Mầm non Bắc Lý (cơ sở 2)	UBND phường Bắc Lý	400.000.000		400.000.000			400.000.000		1,00
	7955193	Cải tạo dây nhà lớp học 2 tầng 6 phòng và hàng rào Trường MN Thuận Đức cơ sở 1	UBND xã Thuận Đức	250.000.000		250.000.000			173.942.700		0,70
	7953468	Via hè, cây xanh đường Lê Lợi (đoạn từ cổng 10 đến đường Đoàn Hữu Trưng), phường Đức Ninh Đông	UBND phường Đức Ninh Đông	517.000.000		517.000.000			517.000.000		1,00
	7954654	Cải tạo các phòng học Trung tâm giáo dục dạy nghề thành phố	UBND thành phố Đồng Hới	600.000.000		600.000.000			599.731.000		1,00
<b>15</b>		<b>QĐ SỐ 1864/QĐ-UBND NGÀY 16/05/2022</b>		<b>4.318.000.000</b>		<b>4.318.000.000</b>	<b>300.000.000</b>		<b>4.018.000.000</b>		
	7960239	Hệ thống thoát nước khu dân cư thôn Thuận Phong, xã Thuận Đức	Phòng QLĐT thành phố	800.000.000		800.000.000			800.000.000		1,00
	7004692	Nhà kho trụ sở Công an thành phố	Công an TP Đồng Hới	500.000.000		500.000.000	300.000.000		200.000.000		0,40
	7955685	Nâng cấp, cải tạo cây xanh, thảm hoa Quảng Bình Quan, đường QL 1A, đường vào sân bay Đồng Hới và công viên phía nam cầu Cổng Mười	Trung tâm công viên cây xanh Đồng Hới	1.600.000.000		1.600.000.000			1.600.000.000		1,00
	7955686	Công viên khu dân cư phía tây đường Hữu Nghị và nâng cấp cải tạo công viên quanh hồ Nam Lý, công viên cận chùa Đại Giác	Trung tâm công viên cây xanh Đồng Hới	1.418.000.000		1.418.000.000			1.418.000.000		1,00

TT	Mã dự án	Tên dự án	Chủ đầu tư	Tổng số	Chia theo nguồn vốn		Tổng số	Chia theo nguồn vốn		So sánh (%)	
					NS tỉnh	NS thành phố		NS tỉnh	NS thành phố	NS tỉnh	NS TP
		<b>TỔNG CỘNG (A+B+C)</b>		<b>570.463.831.925</b>	<b>5.310.000.000</b>	<b>565.153.831.925</b>	<b>535.580.685.087</b>	<b>1.654.480.000</b>	<b>533.926.205.087</b>		
<b>A</b>		<b>NGUỒN GIAO ĐẦU NĂM</b>	<b>a</b>	<b>570.463.831.925</b>	<b>5.310.000.000</b>	<b>565.153.831.925</b>	<b>535.580.685.087</b>	<b>1.654.480.000</b>	<b>533.926.205.087</b>		
<b>16</b>		<b>QĐ SỐ 1965/QĐ-UBND NGÀY 20/05/2022</b>		<b>1.900.000.000</b>		<b>1.900.000.000</b>	<b>0</b>		<b>1.900.000.000</b>		
	7956601	Sửa chữa cải tạo trạm y tế xã Đức Ninh	UBND xã Đức Ninh	400.000.000		400.000.000			400.000.000		1,00
	7958502	Xây dựng hệ thống thoát nước khu dân cư Phú Xá - Hữu Cung xã Lộc Ninh	UBND thành phố Đồng Hới	1.500.000.000		1.500.000.000			1.500.000.000		1,00
<b>17</b>		<b>QĐ SỐ 2049/QĐ-UBND NGÀY 25/05/2022</b>		<b>4.750.000.000</b>		<b>4.750.000.000</b>	<b>1.824.335.000</b>		<b>2.916.523.000</b>		
	7958843	Mua sắm trang thiết bị dạy nhà hiệu bộ trường tiểu học số 1 Đồng Sơn	UBND phường Đồng Sơn	350.000.000		350.000.000			350.000.000		1,00
	7957317	Xây dựng vỉa hè, trồng cây xanh, điện chiếu sáng tuyến đường Nguyễn Hoàng xã Quang Phú	UBND xã Quang Phú	1.200.000.000		1.200.000.000	639.000.000		561.000.000		0,47
	7958500	Tuyến đường nối Phan đình Phùng đi khu vực Trường MN khu CN Tây Bắc, phường Bắc Lý	UBND thành phố Đồng Hới	700.000.000		700.000.000	503.284.000		196.716.000		0,28
	7957587	Nâng cấp đường giao thông và hệ thống thoát nước thôn Hà Thôn xã Bảo Ninh	UBND xã Bảo Ninh	700.000.000		700.000.000	427.708.000		263.150.000		0,38
	7957586	Nâng cấp đường giao thông và kê chống sạt lở thôn Trung Bình, xã Bảo Ninh	UBND xã Bảo Ninh	400.000.000		400.000.000	254.343.000		145.657.000		0,36
	7957585	Xây dựng hệ thống rãnh thoát nước khu vực Phú Xá, xã Lộc Ninh	UBND xã Lộc Ninh	400.000.000		400.000.000			400.000.000		1,00
	7957311	Đầu tư xây dựng công xã lũ và mặt đường trên đê sông Lệ Kỳ từ đường Điện Biên Phủ đi nhà máy xử lý nước thải xã Đức Ninh	UBND xã Đức Ninh	1.000.000.000		1.000.000.000			1.000.000.000		1,00
<b>18</b>		<b>QĐ SỐ 2602/QĐ-UBND NGÀY 17/6/2022</b>		<b>10.855.000.000</b>		<b>10.855.000.000</b>	<b>3.875.744.000</b>		<b>6.873.823.691</b>		
	7960415	Nâng cấp điện chiếu sáng bằng đèn Led đường Nguyễn Văn Cừ	UBND thành phố Đồng Hới	600.000.000		600.000.000			600.000.000		1,00
	7960412	Điện chiếu sáng bằng đèn Led và cấp nước khu HITKT thôn Sa Động	UBND thành phố Đồng Hới	455.000.000		455.000.000			455.000.000		1,00
	7960411	Nâng cấp điện chiếu sáng bằng đèn Led đường Phan Chu Trinh, Bùi Thị Xuân, Huyện Trần Công Chúa, Nguyễn Khuyến, Cao Bá Quát	UBND thành phố Đồng Hới	700.000.000		700.000.000			700.000.000		1,00
	7960410	Đầu tư xây dựng Điện chiếu sáng bằng đèn Led đường Hồ Chí Minh nhánh Đông (đoạn nút giao đường 36m đến nút giao đến đường Lý Thái Tô)	UBND thành phố Đồng Hới	1.800.000.000		1.800.000.000	870.809.000		929.191.000		0,52
	7960409	Điện chiếu sáng bằng đèn Led đường Lê Văn Tri, đường sạt trường tiểu học số 2 Bắc Lý, đường Nguyễn Dũng, Hàn Thuyên, Tô Vĩnh Diện phường Bắc Lý	UBND thành phố Đồng Hới	800.000.000		800.000.000			800.000.000		1,00
	7961810	Điện chiếu sáng bằng đèn Led cụm TTCN Thuận Đức	UBND thành phố Đồng Hới	2.400.000.000		2.400.000.000	2.168.635.000		222.425.000		0,09
	7960416	Hệ thống thoát nước thôn Thuận Hà xã Thuận Đức và TDP 11 phường Đồng Sơn thành phố Đồng Hới	UBND thành phố Đồng Hới	2.800.000.000		2.800.000.000	836.300.000		1.963.700.000		0,70
	7960001	Sửa chữa khắc phục ngập đọng trên địa bàn phường Nam Lý	Phòng QLĐT thành phố	500.000.000		500.000.000			403.507.691		0,81

TT	Mã dự án	Tên dự án	Chủ đầu tư	Tổng số	Chia theo nguồn vốn		Tổng số	Chia theo nguồn vốn		So sánh (%)	
					NS tỉnh	NS thành phố		NS tỉnh	NS thành phố	NS tỉnh	NS TP
		<b>TỔNG CỘNG (A+B+C)</b>		<b>570.463.831.925</b>	<b>5.310.000.000</b>	<b>565.153.831.925</b>	<b>535.580.685.087</b>	<b>1.654.480.000</b>	<b>533.926.205.087</b>		
<b>A</b>		<b>NGUỒN GIAO ĐẦU NĂM</b>	<b>a</b>	<b>570.463.831.925</b>	<b>5.310.000.000</b>	<b>565.153.831.925</b>	<b>535.580.685.087</b>	<b>1.654.480.000</b>	<b>533.926.205.087</b>		
	7961797	Hệ thống đài truyền thanh ứng dụng CNTT - Viện thông thường Đồng Phú	UBND phường Đồng Phú	200.000.000		200.000.000			200.000.000		1,00
	7961796	Hệ thống đài truyền thanh ứng dụng CNTT - Viện thông thường Phú Hải	UBND phường Phú Hải	200.000.000		200.000.000			200.000.000		1,00
	7961799	Hệ thống đài truyền thanh ứng dụng CNTT - Viện thông thường Bắc Lý	UBND phường Bắc Lý	200.000.000		200.000.000			200.000.000		1,00
	7961798	Hệ thống đài truyền thanh ứng dụng CNTT - Viện thông thường Bắc Nghĩa	UBND phường Bắc Nghĩa	200.000.000		200.000.000			200.000.000		1,00
<b>19</b>		<b>QĐ SỐ 2603/QĐ-UBND NGÀY 17/6/2022</b>		<b>2.000.000.000</b>		<b>2.000.000.000</b>	<b>1.768.797.000</b>		<b>231.203.000</b>		
	7004686	Xây dựng công trình Sở chỉ huy diễn tập khu vực phòng thủ	Ban Chỉ huy Quân sự Thành phố	2.000.000.000		2.000.000.000	1.768.797.000		231.203.000		0,12
<b>20</b>		<b>QĐ SỐ 2546/QĐ-UBND NGÀY 14/6/2022</b>		<b>94.215.886.925</b>		<b>94.215.886.925</b>	<b>3.399.568.000</b>		<b>74.079.745.266</b>		
	7880780	Nhà hiệu bộ và các phòng chức năng Trung tâm nuôi dạy trẻ khuyết tật TP	UBND thành phố Đồng Hới	228.642.000		228.642.000			228.642.000		1,00
	7879423	Công viên, vỉa hè đường phía Đông dọc sông cầu Rào ( đoạn từ đường 23/8 đến đường quy hoạch 27m)	UBND thành phố Đồng Hới	233.170.000		233.170.000			233.170.000		1,00
	7880775	Nhà đa năng và sân bóng đá, đường chạy thể dục Trường TH số 1 Đồng Sơn	UBND thành phố Đồng Hới	1.198.399.000		1.198.399.000	397.406.000		800.993.000		0,67
	7880779	Nhà đa năng Trường tiểu học - THCS Thuận Đức (điểm trường THCS )	UBND thành phố Đồng Hới	2.182.780.000		2.182.780.000			2.182.557.000		1,00
	7880778	Nhà đa năng, bếp công hàng rào, sân, nhà vệ sinh trường TH số 2 Đồng Sơn	UBND thành phố Đồng Hới	418.993.000		418.993.000	388.535.000		30.458.000		0,07
	7876819	Đường giao thông trong cụm công nghiệp Thuận Đức	UBND thành phố Đồng Hới	1.000.000.000		1.000.000.000			1.000.000.000		1,00
	7872429	Nhà lớp học 2 tầng 4 phòng, nhà đa năng và sân, hàng rào, nhà bảo vệ, sân bóng đá mi ni trường tiểu học số 1 Bắc Lý	UBND thành phố Đồng Hới	1.000.000.000		1.000.000.000			1.000.000.000		1,00
	#####	Xây dựng 4 phòng chức năng, nhà đa năng hàng rào trường THCS số 2 Nam Lý	UBND thành phố Đồng Hới	409.693.000		409.693.000			409.693.000		1,00
	7886728	Nhà đa năng Trường THCS số 1 Đồng Sơn	UBND thành phố Đồng Hới	1.424.653.000		1.424.653.000			1.424.653.000		1,00
	7892117	Đường Phan Huy Chú ( đoạn qua chi cục đo lường )	UBND thành phố Đồng Hới	810.215.000		810.215.000			810.215.000		1,00
	7893943	Điện chiếu sáng bằng đèn LED đường Lý Nhân Tông phường Bắc Nghĩa ( đoạn từ UBND phường Bắc Nghĩa đến đường Triệu Quang Phục )	UBND thành phố Đồng Hới	49.721.000		49.721.000			0		0,00
	7893944	Điện chiếu sáng bằng đèn LED đường Nguyễn Văn Siêu và Tô Hiến Thành phường Bắc Nghĩa	UBND thành phố Đồng Hới	29.588.000		29.588.000			0		0,00
	7893945	Nâng cấp điện chiếu sáng bằng đèn LED đường Phùng Hưng phường Đồng Phú	UBND thành phố Đồng Hới	26.340.000		26.340.000			0		0,00

TT	Mã dự án	Tên dự án	Chủ đầu tư	Tổng số	Chia theo nguồn vốn		Tổng số	Chia theo nguồn vốn		So sánh (%)	
					NS tỉnh	NS thành phố		NS tỉnh	NS thành phố	NS tỉnh	NS TP
		<b>TỔNG CỘNG (A+B+C)</b>		<b>570.463.831.925</b>	<b>5.310.000.000</b>	<b>565.153.831.925</b>	<b>535.580.685.087</b>	<b>1.654.480.000</b>	<b>533.926.205.087</b>		
<b>A</b>		<b>NGUỒN GIAO ĐẦU NĂM</b>	<b>a</b>	<b>570.463.831.925</b>	<b>5.310.000.000</b>	<b>565.153.831.925</b>	<b>535.580.685.087</b>	<b>1.654.480.000</b>	<b>533.926.205.087</b>		
7895749		Nâng cấp điện chiếu sáng bằng đèn LED đường Ngô Quyền, Hàn Mặc Tử, Trần Nhân Tông	UBND thành phố Đồng Hới	71.229.000		71.229.000			0		0,00
7895751		Nâng cấp điện chiếu sáng bằng đèn LED đường Đinh Tiên Hoàng, Bà Huyện Thanh Quan	UBND thành phố Đồng Hới	550.562.000		550.562.000			0		0,00
7899279		Nâng cấp đường Nguyễn Duy Thiệu	UBND thành phố Đồng Hới	1.118.477.000		1.118.477.000			1.118.477.000		1,00
7899149		Cải tạo, nâng cấp Trường mầm non Hải Thành	UBND thành phố Đồng Hới	9.416.000		9.416.000			9.416.000		1,00
7902988		Đường nối đường Tôn Đức Thắng Tạ Quang Bửu đến đường Nguyễn Đăng Tuấn	UBND thành phố Đồng Hới	745.346.000		745.346.000			745.346.000		1,00
7906683		Đường phục vụ sản xuất, phát triển kinh tế phía Tây Nam xã Nghĩa Ninh TP Đồng Hới	UBND thành phố Đồng Hới	2.000.322.000		2.000.322.000			2.000.322.000		1,00
		- <i>Vốn đã giao theo QĐ:</i>		2.013.322.000		2.013.322.000					0,00
		- <i>Giảm vốn tại QĐ 6351/QĐ-UBND ngày 26/12/202</i>		-13.000.000		-13.000.000					0,00
7902990		XD nhà lớp học 2 tầng 4 phòng, bếp, sân và nhà vệ sinh Trường TH số 2 Bắc Lý	UBND thành phố Đồng Hới	138.062.000		138.062.000			138.062.000		1,00
7902995		XD khối nhà hiệu bộ, hội trường, bếp, nhà bảo vệ và nhà vệ sinh Trường TH số 3 Nam Lý	UBND thành phố Đồng Hới	955.726.000		955.726.000			955.726.000		1,00
7902987		Nhà lớp học 3 tầng 12 phòng, hàng rào Trường THCS Đức Ninh Đông	UBND thành phố Đồng Hới	1.156.977.000		1.156.977.000			1.156.977.000		1,00
7902993		XD nhà lớp học 2 tầng 8 phòng nhà bếp trường TH Nghĩa Ninh	UBND thành phố Đồng Hới	368.896.000		368.896.000			368.896.000		1,00
7906692		Nhà lớp học 2 tầng 6 phòng, hàng rào Trường THCS Bắc Nghĩa	UBND thành phố Đồng Hới	283.564.000		283.564.000			283.564.000		1,00
7906696		XD 2 phòng chức năng trường TH số 1 Nam Lý	UBND thành phố Đồng Hới	1.430.818.000		1.430.818.000	137.805.000		1.293.013.000		0,90
7906681		Nâng cấp đường Nguyễn Đỗ Cung, Nguyễn Đóa, Ngô Thế Lân xã Nghĩa Ninh	UBND thành phố Đồng Hới	3.333.513.000		3.333.513.000	849.009.000		2.484.504.000		0,75
7906689		Đường Đinh Tiên Hoàng đến đường Lý Nam Đế và đường phía sau công an TP	UBND thành phố Đồng Hới	0		0			0		#DIV/0!
		- <i>Vốn đã giao theo QĐ:</i>		759.276.000		759.276.000					0,00
		- <i>Giảm vốn tại QĐ 2546/QĐ-UBND</i>		-759.276.000		-759.276.000					0,00
7906691		XD nhà đa năng, sân trường TH Lộc Ninh	UBND thành phố Đồng Hới	2.086.639.000		2.086.639.000			2.086.639.000		1,00
r		Đường nối từ bệnh viện y học cổ truyền tỉnh đến đường Phong Nha	UBND thành phố Đồng Hới	0		0					#DIV/0!
		- <i>Vốn đã giao theo QĐ:</i>		1.467.386.000		1.467.386.000					0,00
		- <i>Giảm vốn tại QĐ 2546/QĐ-UBND</i>		-1.467.386.000		-1.467.386.000					0,00
7906693		Đường sát trung tâm chăm sóc và phục hồi chức năng cho người tâm thần tỉnh Quảng Bình	UBND thành phố Đồng Hới	159.503.000		159.503.000			159.503.000		1,00

TT	Mã dự án	Tên dự án	Chủ đầu tư	Tổng số	Chia theo nguồn vốn		Tổng số	Chia theo nguồn vốn		So sánh (%)	
					NS tỉnh	NS thành phố		NS tỉnh	NS thành phố	NS tỉnh	NS TP
		<b>TỔNG CỘNG (A+B+C)</b>		<b>570.463.831.925</b>	<b>5.310.000.000</b>	<b>565.153.831.925</b>	<b>535.580.685.087</b>	<b>1.654.480.000</b>	<b>533.926.205.087</b>		
<b>A</b>		<b>NGUỒN GIAO ĐẦU NĂM</b>	<b>a</b>	<b>570.463.831.925</b>	<b>5.310.000.000</b>	<b>565.153.831.925</b>	<b>535.580.685.087</b>	<b>1.654.480.000</b>	<b>533.926.205.087</b>		
	7662632	HTKT cụm tiểu thủ công nghiệp xã Lộc Ninh	UBND thành phố Đồng Hới	77.272.059		77.272.059			0		0,00
	7734574	Đường nội vùng cụm TTCN xã Nghĩa Ninh	UBND thành phố Đồng Hới	34.931.000		34.931.000			0		0,00
	7741119	Nhà 2 tầng 4 phòng chức năng và bếp ăn trường tiểu học Đồng Mỹ	UBND thành phố Đồng Hới	470.559.000		470.559.000			0		0,00
	7731308	Đường thôn Diêm Sơn xã Đức Ninh, thành phố Đồng Hới	UBND thành phố Đồng Hới	474.244.000		474.244.000			474.244.000		1,00
	7731303	Đường vào thôn Diêm Sơn ( sát đường tránh thành phố Đồng Hới )	UBND thành phố Đồng Hới	0		0			0		#DIV/0!
		- Vốn đã giao theo QĐ:		2.966.000.000		2.966.000.000					0,00
		- Giám vốn tại QĐ 2546/QĐ-UBND		-2.966.000.000		-2.966.000.000					0,00
	7731301	Bãi tắm số 2 Bảo Ninh ( giai đoạn 3 )	UBND thành phố Đồng Hới	2.767.000.000		2.767.000.000			2.767.000.000		1,00
	7740228	Đường Trần Ninh, xã Đức Ninh, thành phố Đồng Hới	UBND thành phố Đồng Hới	2.457.574.000		2.457.574.000			2.457.574.000		1,00
		Đường từ đường quy hoạch 36m vào TDP Nam Hồng	UBND thành phố Đồng Hới	0		0			0		#DIV/0!
		- Vốn đã giao theo QĐ:		59.000.000		59.000.000					0,00
		- Giám vốn tại QĐ 2546/QĐ-UBND		-59.000.000		-59.000.000					0,00
		8 phòng học Trường THCS Hải Đình	UBND thành phố Đồng Hới	78.000.000		78.000.000			0		0,00
	7802541	Đường thôn Bắc Phú, thôn Đông Phú xã Quang Phú	UBND thành phố Đồng Hới	347.000.000		347.000.000			0		0,00
		Nhà hội trường, bếp ăn trường MN Hoa Hồng	UBND thành phố Đồng Hới	120.430.000		120.430.000			0		0,00
	7892118	Nhà thi đấu đa năng trường THCS Đức Ninh	UBND thành phố Đồng Hới	75.438.000		75.438.000			0		0,00
	7906681	Đường vào cụm tiểu thủ công nghiệp Quang Phú	UBND thành phố Đồng Hới	45.973.000		45.973.000			45.973.000		1,00
	7892117	Nâng cấp đường Nguyễn Đỗ Cung, Nguyễn Đóa, Ngô Thế Lân xã Nghĩa Ninh	UBND thành phố Đồng Hới	42.417.000		42.417.000			42.417.000		1,00
		Đường Phan Huy Chú ( đoạn qua chi cục đo lường chất lượng )	UBND thành phố Đồng Hới	1.754.998.000		1.754.998.000			1.754.998.000		1,00
		- Vốn đã giao theo QĐ:		1.758.417.000		1.758.417.000					0,00
		- Giám vốn tại QĐ 7810/QĐ-UBND ngày 26/12/202		-3.419.000		-3.419.000					0,00
	7886729	Nhà lớp học 2 tầng 6 phòng Trường mầm non Bắc Nghĩa ( cơ sở 2 )	UBND thành phố Đồng Hới	641.533.000		641.533.000			641.533.000		1,00
	7898052	Bãi tắm Bảo Ninh 2 ( giai đoạn 4 ) TP Đồng Hới	UBND thành phố Đồng Hới	2.765.767.000		2.765.767.000	65.767.000		2.700.000.000		0,98

TT	Mã dự án	Tên dự án	Chủ đầu tư	Tổng số	Chia theo nguồn vốn		Tổng số	Chia theo nguồn vốn		So sánh (%)	
					NS tỉnh	NS thành phố		NS tỉnh	NS thành phố	NS tỉnh	NS TP
		<b>TỔNG CỘNG (A+B+C)</b>		<b>570.463.831.925</b>	<b>5.310.000.000</b>	<b>565.153.831.925</b>	<b>535.580.685.087</b>	<b>1.654.480.000</b>	<b>533.926.205.087</b>		
<b>A</b>		<b><u>NGUỒN GIAO ĐẦU NĂM</u></b>	<b>a</b>	<b>570.463.831.925</b>	<b>5.310.000.000</b>	<b>565.153.831.925</b>	<b>535.580.685.087</b>	<b>1.654.480.000</b>	<b>533.926.205.087</b>		
	7908592	Điện chiếu sáng đường tránh TP ( đoạn từ đường Hà Huy Tập đến đường Phan Đình Phùng ) TP Đồng Hới	UBND thành phố Đồng Hới	1.335.858.000		1.335.858.000			1.335.858.000		1,00
	103512778	Cầu nối từ KDC Nam Trần Hưng Đạo sang khu trung tâm hành chính	UBND thành phố Đồng Hới	8.000.000.000		8.000.000.000			0		0,00
	7919862	Nâng cấp điện chiếu sáng bằng đèn LED đường nội đường Phan Đình Phùng đến đường tránh TP	UBND thành phố Đồng Hới	76.326.000		76.326.000			22.890.000		0,30
	7921136	Đường giao thông, hạ tầng KDC ngoài hàng rào KCN Tây Bắc Đồng Hới phường Bắc Lý	UBND thành phố Đồng Hới	39.454.000		39.454.000			39.454.000		1,00
	7920353	Cải tạo 2 dây nhà lớp học Trường TH số 3 Nam Lý	UBND thành phố Đồng Hới	30.356.000		30.356.000			0		0,00
	7921135	Xây dựng nhà đa năng trường THCS số 2 Bắc Lý	UBND thành phố Đồng Hới	114.670.000		114.670.000			114.670.000		1,00
	7911937	Thiết bị nhà lớp học 2 tầng 6 phòng và 02 phòng học chức năng trường THCS Hải Đình	UBND thành phố Đồng Hới	800.000.000		800.000.000			398.002.000		0,50
	7942126	Trồng cây xanh, vỉa hè đường Võ Nguyên Giáp	UBND thành phố Đồng Hới	7.628.696.000		7.628.696.000			7.265.565.000		0,95
	7931226	Sửa chữa dây nhà 3 tầng 9 phòng trường TH số 1 Nam Lý	UBND thành phố Đồng Hới	817.683.000		817.683.000			817.683.000		1,00
	7928480	Cải tạo chợ Đồng Mỹ, phường Đồng Hải	UBND thành phố Đồng Hới	206.719.000		206.719.000			206.719.000		1,00
	7925782	XD bãi đỗ xe và vỉa hè phía Đông ( đoạn từ trụ sở UBND phường Nam Lý đến đường Tố Hữu ) đường Võ Thị Sáu	UBND thành phố Đồng Hới	329.433.000		329.433.000			222.141.000		0,67
	7925783	XD nhà hiệu bộ và thư viện trường THCS Đồng Mỹ	UBND thành phố Đồng Hới	37.969.000		37.969.000			37.969.000		1,00
	7925780	XD Cổng, hàng rào và nhà bảo vệ Trung tâm khuyết tật TP Đồng Hới	UBND thành phố Đồng Hới	1.117.428.000		1.117.428.000	61.046.000		986.959.000		0,88
	7925781	Xây dựng nhà 3 tầng 3 phòng bộ môn và cải tạo dây nhà lớp học trường THCS số 1 Bắc Lý	UBND thành phố Đồng Hới	1.239.821.000		1.239.821.000			1.239.821.000		1,00
	7932480	Nâng cấp đường Lý Nhân Tông, phường Bắc Nghĩa, TP Đồng Hới	UBND thành phố Đồng Hới	2.400.086.000		2.400.086.000			2.400.086.000		1,00
	7928478	Cải tạo khối nhà lớp học bộ môn 2 tầng 4 phòng, hàng rào, sân , nhà vệ sinh trường THCS Hải Đình	UBND thành phố Đồng Hới	778.900.000		778.900.000			778.900.000		1,00

TT	Mã dự án	Tên dự án	Chủ đầu tư	Tổng số	Chia theo nguồn vốn		Tổng số	Chia theo nguồn vốn		So sánh (%)	
					NS tỉnh	NS thành phố		NS tỉnh	NS thành phố	NS tỉnh	NS TP
		<b>TỔNG CỘNG (A+B+C)</b>		<b>570.463.831.925</b>	<b>5.310.000.000</b>	<b>565.153.831.925</b>	<b>535.580.685.087</b>	<b>1.654.480.000</b>	<b>533.926.205.087</b>		
<b>A</b>		<b>NGUỒN GIAO ĐẦU NĂM</b>	<b>a</b>	<b>570.463.831.925</b>	<b>5.310.000.000</b>	<b>565.153.831.925</b>	<b>535.580.685.087</b>	<b>1.654.480.000</b>	<b>533.926.205.087</b>		
7935909		Pano LED tuyên truyền chính trị, xã hội hóa, kết hợp quảng cáo đường Phạm Văn Đồng TP Đồng Hới	UBND thành phố Đồng Hới	882.069.000		882.069.000			882.069.000		1,00
7928481		Mua sắm trang thiết bị phục vụ cho nhà hội trường, bếp ăn trường MN Hoa Hồng	UBND thành phố Đồng Hới	700.000.000		700.000.000			696.434.000		0,99
7931222		Mua sắm trang thiết bị trường TH Hải Thành	UBND thành phố Đồng Hới	46.405.000		46.405.000			0		0,00
7931224		Bãi đỗ xe số 4 phố đi bộ	UBND thành phố Đồng Hới	232.132.000		232.132.000			108.180.000		0,47
7933562		XD nhà đa năng và cải tạo nhà 2 tầng 8 phòng học, dãy nhà ODA Trường THCS Lộc Ninh	UBND thành phố Đồng Hới	1.093.155.000		1.093.155.000			1.093.155.000		1,00
7933563		Trồng cây xanh, điện chiếu sáng KDC hạ tầng TDP 10	UBND thành phố Đồng Hới	788.757.000		788.757.000			788.757.000		1,00
7909454		XD, cải tạo hệ thống thoát nước chống ngập úng một số	UBND thành phố Đồng Hới	1.156.059.000		1.156.059.000			1.156.059.000		1,00
7809625		Sân Trường tiểu học Đồng Phú	UBND phường Đồng Phú	292.065.000		292.065.000			292.065.000		1,00
7636371		Via hè đường Trần Quang Khải, phường Đồng Phú	UBND phường Đồng Phú	1.110.000.000		1.110.000.000			0		0,00
7893374		Via hè đường Nguyễn Hữu Cảnh, phường Đồng Phú, TP Đồng Hới	UBND phường Đồng Phú	1.469.921.866		1.469.921.866			0		0,00
7906381		Sửa chữa 14 phòng học ODA trường tiểu học số 1 Đồng Sơn (NSTP)	UBND phường Đồng Sơn	23.397.000		23.397.000			23.397.000		1,00
7934816		Cầu nối hoàng Quốc Việt với đường Lý Thái Tổ phường Đồng Sơn	UBND phường Đồng Sơn	20.000.000		20.000.000			0		0,00
7927633		Mua sắm thiết bị làm việc trụ sở phường (NSTP)	UBND phường Đồng Sơn	42.834.000		42.834.000			31.714.000		0,74
7927634		Sửa chữa nâng cấp các tuyến đường Tổ dân phố Diêm Thượng, Diêm Hạ, Diêm Trung	UBND phường Đức Ninh Đông	121.868.000		121.868.000			121.868.000		1,00
7932787		Sửa chữa nâng cấp các tuyến đường Tổ dân phố Đức Trường, Bình Phúc, Diêm Nam	UBND phường Đức Ninh Đông	131.620.000		131.620.000			131.620.000		1,00
7936489		Sân bê tông, khu vui chơi công cộng phường Đức Ninh Đông	UBND phường Đức Ninh Đông	208.394.000		208.394.000			208.322.000		1,00
7892854		Thoát nước Tổ dân phố Đức Trường	UBND phường Đức Ninh Đông	27.479.000		27.479.000			27.479.000		1,00
7902399		Hệ thống kênh mương nội đồng xã Lộc Ninh	UBND xã Lộc Ninh	1.377.000		1.377.000			1.377.000		1,00
7899538		Cải tạo dãy nhà 2 tầng 8 phòng học trường Tiểu học Lộc Ninh	UBND xã Lộc Ninh	60.000.000		60.000.000			60.000.000		1,00
7893230		Đường nội đồng vùng ông Thộp xã Lộc Ninh	UBND xã Lộc Ninh	206.012.000		206.012.000			206.012.000		1,00

TT	Mã dự án	Tên dự án	Chủ đầu tư	Tổng số	Chia theo nguồn vốn		Tổng số	Chia theo nguồn vốn		So sánh (%)	
					NS tỉnh	NS thành phố		NS tỉnh	NS thành phố	NS tỉnh	NS TP
		<b>TỔNG CỘNG (A+B+C)</b>		<b>570.463.831.925</b>	<b>5.310.000.000</b>	<b>565.153.831.925</b>	<b>535.580.685.087</b>	<b>1.654.480.000</b>	<b>533.926.205.087</b>		
<b>A</b>		<b>NGUỒN GIAO ĐẦU NĂM</b>	<b>a</b>	<b>570.463.831.925</b>	<b>5.310.000.000</b>	<b>565.153.831.925</b>	<b>535.580.685.087</b>	<b>1.654.480.000</b>	<b>533.926.205.087</b>		
7884104		Công Chim mương N4 Lộc Đại - Hữu Cung xã Lộc Ninh	UBND xã Lộc Ninh	213.507.000		213.507.000			71.403.000		0,33
7931489		Tuyến đường nội đồng Hàu thôn 5 và tuyến đường hồ Bàu Ninh xã Lộc Ninh	UBND xã Lộc Ninh	3.013.000		3.013.000			3.013.000		1,00
7931490		Hệ thống kênh mương tưới đồng ruộng Mung HTX dịch vụ nông nghiệp Lộc Đại	UBND xã Lộc Ninh	125.576.000		125.576.000			125.576.000		1,00
7926933		Sửa chữa nhà vệ sinh, thay mới hệ thống cửa dây phòng học trường Mầm non Lộc Ninh	UBND xã Lộc Ninh	229.513.000		229.513.000			229.513.000		1,00
7934387		Xây dựng tuyến đường ra nghĩa trang nhân dân xã Lộc Ninh	UBND xã Lộc Ninh	25.000.000		25.000.000			25.000.000		1,00
7898050		Nâng cấp đường giao thông nội đồng đội 1- 2 HTX dịch vụ nông nghiệp Lộc Đại	UBND xã Lộc Ninh	720.000.000		720.000.000			720.000.000		1,00
7898046		Dự án: Hệ thống trang âm trung tâm văn hóa phường Nam Lý	UBND phường Nam Lý	130.159.000		130.159.000			130.159.000		1,00
7902003		Dự án: Xây mới, cải tạo nhà vệ sinh, sân diêm trung tâm Trường Mầm non Nam Lý	UBND phường Nam Lý	26.000.000		26.000.000			26.000.000		1,00
7896377		Dự án: Sửa chữa nâng cấp đường Huỳnh Thúc Kháng đoạn từ đường Lê Sỹ đến Lê Thị Hồng Gấm, đoạn Nguyễn Công Trứ đi TDP13, phường Nam Lý	UBND phường Nam Lý	12.447.000		12.447.000			0		0,00
7896378		Dự án: Sửa chữa nâng cấp ngõ 45 Hoàng Diệu (TDP5) và Ngõ 48 Hoàng Diệu (TDP4) phường Nam Lý	UBND phường Nam Lý	75.000.000		75.000.000			75.000.000		1,00
7902489		Dự án: Sửa chữa các tuyến đường từ Mạc Thị Bưởi đi ngõ 96 Nguyễn Văn Cừ (TDP12); ngõ 25 và 41 Trịnh Hoài Đức (TDP15) phường Nam Lý	UBND phường Nam Lý	63.552.000		63.552.000			63.552.000		1,00
7902488		Nâng cấp, sửa chữa tuyến đường Ngõ Thế Lân (Đoạn từ nhà ông Quang thôn TN 3 đến đoạn đường giáp đường từ Rừa lên dốc Vòm)	UBND xã Nghĩa Ninh	973.108.000		973.108.000			973.108.000		1,00
7928112		Tuyến đường trước trụ sở UBND xã Nghĩa Ninh	UBND xã Nghĩa Ninh	328.351.000		328.351.000			0		0,00
7909717		Khắc phục sửa chữa nâng cấp Trần, Đê xã Nghĩa Ninh- Vĩnh Ninh (Lệ Kỳ)	UBND xã Nghĩa Ninh	138.904.000		138.904.000			138.904.000		1,00
7892161		Bê tông hoa kênh mương Cây Đa - Bàu Tý	UBND xã Nghĩa Ninh	52.393.000		52.393.000			0		0,00
7905463		Bê tông hóa kênh mương Côn Giữa ra Rừa HTX Trung Nghĩa	UBND xã Nghĩa Ninh	7.566.000		7.566.000			4.448.000		0,59
		Sửa chữa Công Đồng Hới, Thùng, Đường Quan HTX Trung Nghĩa xã Nghĩa Ninh	UBND xã Nghĩa Ninh	98.303.000		98.303.000			98.303.000		1,00
7902492		XD hệ thống thoát nước và mở rộng tuyến đường thuộc thôn Nam Phú xã Quang phú	UBND xã Quang Phú	671.972.000		671.972.000			671.972.000		1,00
7898618		Xây dựng hệ thống thoát nước và rải thảm đường Nguyễn Hoàng	UBND xã Quang Phú	12.600.000		12.600.000			0		0,00

TT	Mã dự án	Tên dự án	Chủ đầu tư	Tổng số	Chia theo nguồn vốn		Tổng số	Chia theo nguồn vốn		So sánh (%)	
					NS tỉnh	NS thành phố		NS tỉnh	NS thành phố	NS tỉnh	NS TP
		<b>TỔNG CỘNG (A+B+C)</b>		<b>570.463.831.925</b>	<b>5.310.000.000</b>	<b>565.153.831.925</b>	<b>535.580.685.087</b>	<b>1.654.480.000</b>	<b>533.926.205.087</b>		
<b>A</b>		<b>NGUỒN GIAO ĐẦU NĂM</b>	<b>a</b>	<b>570.463.831.925</b>	<b>5.310.000.000</b>	<b>565.153.831.925</b>	<b>535.580.685.087</b>	<b>1.654.480.000</b>	<b>533.926.205.087</b>		
	7933138	Đường nội vùng nghĩa trang nhân dân phường Bắc Nghĩa	UBND phường Bắc Nghĩa	58.757.000		58.757.000			58.757.000		1,00
	7945078	Nâng cấp tuyến đường nội đồng khu vực Đông Tùng, phường Bắc Nghĩa	UBND phường Bắc Nghĩa	148.990.000		148.990.000			148.990.000		1,00
	7898613	Sân vận động phường bắc Nghĩa	UBND phường Bắc Nghĩa	5.500.000.000		5.500.000.000	1.500.000.000		4.000.000.000		0,73
	7930249	Sửa chữa, cải tạo phòng học dãy 2 tầng 6 phòng trường Mầm non Bắc Nghĩa	UBND phường Bắc Nghĩa	70.683.000		70.683.000			70.683.000		1,00
	7931488	Cải tạo, tu sửa cơ sở vật chất Trường mầm non Bắc Nghĩa (cụm trung tâm)	UBND phường Bắc Nghĩa	7.021.000		7.021.000			5.835.000		0,83
	7906872	Cải tạo dãy nhà ODA Trường tiểu học Bắc Nghĩa	UBND phường Bắc Nghĩa	725.333.000		725.333.000			725.333.000		1,00
	7924982	Sửa chữa kênh mương nội đồng phường Bắc Nghĩa, thành phố Đông Hới	UBND phường Bắc Nghĩa	8.120.000		8.120.000			3.067.000		0,38
	7919835	Sửa chữa cải tạo các dãy phòng học và nhà hiệu bộ Trường THCS Hải Thành	UBND phường Hải T	50.000.000		50.000.000			50.000.000		1,00
	7919834	Tuyến đường từ Trục giữa Châu Hoa-Đức Phong đi đường tránh thành phố	UBND xã Đức Ninh	189.206.000		189.206.000			189.206.000		1,00
	7918989	Đường GTND tuyến Bàu Chùa đi Bàu Huyện và tuyến Cồn Mả	UBND xã Đức Ninh	237.752.000		237.752.000			237.752.000		1,00
	7919836	Đường GTND từ Cầu Bông đi Đông Đầu	UBND xã Đức Ninh	178.853.000		178.853.000			178.853.000		1,00
	7924358	Đường GTND từ Vĩnh Nương đi Hoang Từ	UBND xã Đức Ninh	189.325.000		189.325.000			189.325.000		1,00
	7924648	Cải tạo, sửa chữa dãy nhà 2 tầng UBND xã Thuận Đức	UBND xã Thuận Đức	678.828.000		678.828.000			678.828.000		1,00
	7898615	Sửa chữa dãy nhà, phòng học bộ môn trường THCS Bảo Ninh	UBND xã Bảo Ninh	320.725.000		320.725.000			320.725.000		1,00
	7898616	Sửa chữa các tuyến đường TDP 8, 13 phường Bắc Lý	UBND Phường Bắc L	28.738.000		28.738.000			0		0,00
	7926840	Xây dựng đường nội vùng nghĩa trang nhân dân khu vực I phường Bắc Lý	UBND Phường Bắc L	21.113.000		21.113.000			0		0,00
	7935903	Xây dựng đường nội vùng nghĩa trang nhân dân khu vực II phường Bắc Lý	UBND Phường Bắc L	139.851.000		139.851.000			116.702.000		0,83
	7931486	Nâng cấp sửa chữa tuyến đường ngõ 84 Tôn Thất Tùng, đường Đặng Thái Thân TDP 10, đường Bùi Viện TDP 11 phường Bắc Lý	UBND Phường Bắc L	36.000.000		36.000.000			0		0,00
	V	Nâng cấp, sửa chữa đập, cống lấy nước và hệ thống kê Hồ Bàu Cúi phường Bắc Lý	UBND Phường Bắc L	1.039.181.000		1.039.181.000			1.039.181.000		1,00
		Công hàng rào, sân bê tông và khu vui chơi trẻ em trường MN Bắc Lý (Điểm trường khu công nghiệp Tây Bắc TP Đông Hới)	UBND Phường Bắc L	800.000.000		800.000.000			796.919.000		1,00

TT	Mã dự án	Tên dự án	Chủ đầu tư	Tổng số	Chia theo nguồn vốn		Tổng số	Chia theo nguồn vốn		So sánh (%)	
					NS tỉnh	NS thành phố		NS tỉnh	NS thành phố	NS tỉnh	NS TP
		<b>TỔNG CỘNG (A+B+C)</b>		<b>570.463.831.925</b>	<b>5.310.000.000</b>	<b>565.153.831.925</b>	<b>535.580.685.087</b>	<b>1.654.480.000</b>	<b>533.926.205.087</b>		
<b>A</b>		<b>NGUỒN GIAO ĐẦU NĂM</b>	<b>a</b>	<b>570.463.831.925</b>	<b>5.310.000.000</b>	<b>565.153.831.925</b>	<b>535.580.685.087</b>	<b>1.654.480.000</b>	<b>533.926.205.087</b>		
7923854		Cải tạo, nâng cấp, sửa chữa Trụ sở Ban Quản lý dự án BTXD thành phố (Trụ sở cũ tại địa chỉ 68 Ngô Quyền, Phường Đồng Phú)	Ban quản lý dịch vụ công ích thành phố	123.671.000		123.671.000			73.671.000		0,60
7900968		Dự án Hệ thống điện chiếu sáng bãi tắm Nhật Lệ 1 (Đoạn trước khách sạn Whynot đến khách sạn Moonlight)	Ban quản lý dịch vụ công ích thành phố	43.257.000		43.257.000			10.614.000		0,25
7900969		Dự án Sửa chữa, khắc phục hư hỏng hệ thống đường giao thông do thành phố quản lý	Phòng QLĐT thành phố	58.855.000		58.855.000			7.957.000		0,14
7900970		Dự án Cắm mới, duy tu sửa chữa hệ thống biển báo hiệu đường bộ, biển tên đường, tên ngõ trên địa bàn thành phố	Phòng QLĐT thành phố	58.690.000		58.690.000			4.041.000		0,07
7918018		Dự án Nâng cấp, cải tạo, sửa chữa cầu ngang đường Vũ Ngọc Nha xã Thuận Đức	Phòng QLĐT thành phố	104.953.000		104.953.000			10.725.000		0,10
7918019		Dự án Nâng cấp, sửa chữa đường Tô Vĩnh Diện phường Bắc Lý	Phòng QLĐT thành phố	93.264.000		93.264.000			89.911.000		0,96
7918021		Dự án Sửa chữa, xây dựng cầu ngang đường Trương Phúc Phần xã Lộc Ninh	Phòng QLĐT thành phố	70.540.000		70.540.000			70.464.000		1,00
7918022		Dự án Nâng cấp, sửa chữa đường Hàn Thuyên phường Bắc Lý	Phòng QLĐT thành phố	87.014.000		87.014.000			82.799.000		0,95
7925152		Dự án Nâng cấp, sửa chữa đường Nguyễn Dung phường Bắc Lý	Phòng QLĐT thành phố	63.698.000		63.698.000			63.698.000		1,00
7925153		Dự án Sửa chữa, nâng cấp cống thoát nước qua kênh tưới tiêu trên phường Bắc Nghĩa và các tuyến đường Đoàn Chí Tuấn, Phan Đăng Lưu, Nguyễn Kim Chi	Phòng QLĐT thành phố	148.504.000		148.504.000			64.897.000		0,44
7926655		Dự án Sửa chữa, nâng cấp các tuyến đường, ngõ trên địa bàn các phường Nam Lý, Bắc Lý và Đồng Phú	Phòng QLĐT thành phố	107.048.000		107.048.000			962.000		0,01
7926657		Dự án Quy hoạch phân khu phường Bắc Lý, thành phố Đồng Hới, tỷ lệ 1/2000	Phòng QLĐT thành phố	363.614.000		363.614.000			363.614.000		1,00
7926658		Dự án Quy hoạch phân khu phường Đồng Sơn, thành phố Đồng Hới, tỷ lệ 1/2000	Phòng QLĐT thành phố	326.030.000		326.030.000			326.029.000		1,00
7930492		Dự án Quy hoạch phân khu khu vực phát triển xã Đức Ninh, thành phố Đồng Hới	Phòng QLĐT thành phố	384.678.000		384.678.000			384.677.816		1,00
7928734		Xây dựng hạ tầng và triển khai một số hệ thống thông tin, dịch vụ đô thị thông minh TP Đồng Hới năm 2021	Văn phòng HĐND-UBND thành phố	3.379.632.000		3.379.632.000			3.198.168.000		0,95
7892163		Cải tạo khuôn viên, nhà để xe, lắp dựng vách kính chắn mưa hành lang từ trụ sở UBND và thành Ủy sang Hội trường	Văn phòng HĐND-UBND thành phố	117.180.000		117.180.000			106.018.000		0,90

TT	Mã dự án	Tên dự án	Chủ đầu tư	Tổng số	Chia theo nguồn vốn		Tổng số	Chia theo nguồn vốn		So sánh (%)	
					NS tỉnh	NS thành phố		NS tỉnh	NS thành phố	NS tỉnh	NS TP
		<b>TỔNG CỘNG (A+B+C)</b>		<b>570.463.831.925</b>	<b>5.310.000.000</b>	<b>565.153.831.925</b>	<b>535.580.685.087</b>	<b>1.654.480.000</b>	<b>533.926.205.087</b>		
<b>A</b>		<b>NGUỒN GIAO ĐẦU NĂM</b>	<b>a</b>	<b>570.463.831.925</b>	<b>5.310.000.000</b>	<b>565.153.831.925</b>	<b>535.580.685.087</b>	<b>1.654.480.000</b>	<b>533.926.205.087</b>		
7919855		Trồng hoa giấy DPC đường Trần Hưng Đạo, Nguyễn Hữu Cảnh, Hữu Nghị	Trung tâm Công viên Cây xanh Đồng Hới	61.379.000		61.379.000			11.034.000		0,18
7919266		Trồng bổ sung hệ thống cây xanh, thảm hoa trước trụ sở Thành ủy, HĐND UBND thành phố Đồng Hới	Trung tâm Công viên Cây xanh Đồng Hới	1.459.000		1.459.000			0		0,00
7004686		Sửa chữa trụ sở và mua sắm trang thiết bị Trung tâm chính trị thành phố Đồng Hới	Trung tâm BDCT thành phố	28.728.000		28.728.000			6.270.000		0,22
7919267		Xây dựng phòng trực và mua sắm công cụ hỗ trợ cho lực lượng dân quân cơ động xã Bảo Ninh	Ban Chỉ huy Quân sự Thành phố	1.209.755.000		1.209.755.000			0		0,00
7909712		Hệ thống thoát nước thải chợ Cộn, phường Bắc Nghĩa	Ban QL chợ Đồng Hới	149.834.000		149.834.000			129.713.450		0,87
7930250		Dự án: Trạm bơm chống úng 1000m3/h	Phòng kinh tế thành phố	7.262.000		7.262.000			0		0,00
7924983		Dự án: Gia cố sạt lở mái đập hồ chứa bầu Trầm xã Lộc Ninh	Phòng kinh tế thành phố	255.511.000		255.511.000			255.511.000		1,00
7921261		Xây dựng cầu máng và sửa chữa kênh mương Bầu Sại phường Bắc Nghĩa	Phòng kinh tế thành phố	2.048.000		2.048.000			0		0,00
7926470		Sửa chữa sạt lở mái thượng lưu đập và cống lấy nước hồ chứa nước Đồng Sơn	Phòng kinh tế thành phố	262.547.000		262.547.000			0		0,00
7004692		Sửa chữa cải tạo khuôn viên trụ sở Trung tâm Văn hóa và thể thao số 58 thanh niên	Trung tâm VH TT và TT thành phố	410.000.000		410.000.000			408.341.000		1,00
7004692		Xây dựng công trình nhà huấn luyện công an thành phố	Công an TP Đồng Hới	34.562.000		34.562.000			34.562.000		1,00
		Xây dựng gara để xe ô tô , xe máy trụ sở Công an Thành phố	Công an TP Đồng Hới	0		0			0		
		- Vốn đã giao theo QĐ:		50.000.000		50.000.000					0,00
		- Giữ vốn tại QĐ 246/QĐ-UBND		-50.000.000		-50.000.000					0,00
7004692		Xây dựng các công trình thể thao Công an thành phố	Công an TP Đồng Hới	897.982.000		897.982.000			837.088.000		0,93
7004692		Sửa chữa kho vật chứng, đổ bê tông nâng sân xung quanh kho vật chứng và một số trang thiết bị bảo quản vật chứng	Công an TP Đồng Hới	6.221.000		6.221.000			0		0,00
7004692		Đổ bê tông lát sân và gara để xe Công an phường Đồng Sơn	Công an TP Đồng Hới	8.124.000		8.124.000			0		0,00
7875203		Mở rộng khuôn viên tại Bệnh viện đa khoa TP Đồng Hới	Bệnh viện đa khoa thành phố	1.873.083.000		1.873.083.000			1.873.083.000		1,00
		<b>QĐ SỐ 2852/QĐ-UBND NGÀY 29/6/2022</b>		<b>4.866.000.000</b>		<b>4.866.000.000</b>	<b>827.591.000</b>		<b>3.802.006.000</b>		
7962162		Kế hoạch sử dụng đất trên địa bàn thành phố năm 2022	Phòng TNMT thành phố	1.408.000.000		1.408.000.000			1.352.187.000		0,96
7979544		Mua sắm thiết bị văn phòng Trụ sở Ban quản lý dịch vụ công ích thành phố	Ban quản lý dịch vụ công ích thành phố	700.000.000		700.000.000			683.603.000		0,98

TT	Mã dự án	Tên dự án	Chủ đầu tư	Tổng số	Chia theo nguồn vốn		Tổng số	Chia theo nguồn vốn		So sánh (%)	
					NS tỉnh	NS thành phố		NS tỉnh	NS thành phố	NS tỉnh	NS TP
		<b>TỔNG CỘNG (A+B+C)</b>		<b>570.463.831.925</b>	<b>5.310.000.000</b>	<b>565.153.831.925</b>	<b>535.580.685.087</b>	<b>1.654.480.000</b>	<b>533.926.205.087</b>		
<b>A</b>		<b>NGUỒN GIAO ĐẦU NĂM</b>	<b>a</b>	<b>570.463.831.925</b>	<b>5.310.000.000</b>	<b>565.153.831.925</b>	<b>535.580.685.087</b>	<b>1.654.480.000</b>	<b>533.926.205.087</b>		
	7960732	Nâng cấp tuyến đường Tân Phú, Nam Phú xã Quang Phú	UBND xã Quang Phú	500.000.000		500.000.000			335.807.000		0,67
	7959773	Xây dựng dây phòng học chức năng và phòng bộ môn Trường TH Quang Phú	UBND xã Quang Phú	600.000.000		600.000.000			600.000.000		1,00
	7961807	Kênh mương nội đồng HTX Lộc Đại xã Lộc Ninh	UBND xã Lộc Ninh	1.100.000.000		1.100.000.000	588.000.000		512.000.000		0,47
	7960876	Kênh mương Cây Dừa Cồn đi Thùng Thân xã Nghĩa Ninh	UBND xã Nghĩa Ninh	283.000.000		283.000.000	101.662.000		181.338.000		0,64
	7960877	Xây dựng Tuyến đường Đồng Thùng Thân, Đồng Đeng xã Nghĩa Ninh	UBND xã Nghĩa Ninh	275.000.000		275.000.000	137.929.000		137.071.000		0,50
<b>22</b>		<b>QĐ SỐ 2438/QĐ-UBND NGÀY 8/6/2022</b>		<b>7.520.000.000</b>		<b>7.520.000.000</b>	<b>2.695.196.000</b>		<b>4.634.794.000</b>		
	7962170	Điện chiếu sáng bằng đèn Led đường Linh Giang và Nâng cấp điện chiếu sáng bằng đèn Led đường Bàu Tró, phường Hải Thành	UBND thành phố Đồng Hới	650.000.000		650.000.000			649.990.000		1,00
	7960413	Nâng cấp điện chiếu sáng đường Xuân Thủy, Đông Đa phường Bắc Lý	UBND thành phố Đồng Hới	600.000.000		600.000.000			600.000.000		1,00
	7960414	Nâng cấp đường nối đường Hữu Nghị với đường Nguyễn Văn Linh và đường KDC phía nam thư viện tỉnh	UBND thành phố Đồng Hới	2.400.000.000		2.400.000.000	786.073.000		1.613.927.000		0,67
	7958501	Mương thoát chống ngập úng đồng Đức Ninh	UBND thành phố Đồng Hới	2.980.000.000		2.980.000.000	1.909.123.000		1.070.877.000		0,36
	7959765	Đường giao thông từ đường Nguyễn Hữu Thuyền đến Vực Quảnh	UBND phường Đồng Sơn	240.000.000		240.000.000			50.000.000		0,21
	7959766	Các tuyến đường giao thông thuộc TDP 7 phường Đồng sơn	UBND phường Đồng Sơn	250.000.000		250.000.000			250.000.000		1,00
	7959767	Xây dựng hệ thống thoát nước và nâng cấp các tuyến đường giao thông thôn Giao Tế, Tân Sơn, Đức Sơn, Đức Điền xã Đức Ninh	UBND xã Đức Ninh	400.000.000		400.000.000			400.000.000		1,00
<b>23</b>		<b>QĐ SỐ 3029/QĐ-UBND NGÀY 6/7/2022</b>		<b>1.850.000.000</b>		<b>1.850.000.000</b>	<b>1.160.209.000</b>		<b>689.790.840</b>		
	7970839	Cải tạo, nâng cấp và mua sắm trang thiết bị dây phòng học 03 tầng Trung tâm nuôi dạy trẻ khuyết tật thành phố Đồng Hới	UBND thành phố Đồng Hới	600.000.000		600.000.000	474.642.000		125.358.000		0,21
	7962654	Xây dựng 01 phòng học, 02 phòng chức năng và thiết bị trường mầm non Nam Lý (điểm Nam Trần Hưng Đạo)	UBND thành phố Đồng Hới	900.000.000		900.000.000	685.567.000		214.432.840		0,24
	7962250	Xây dựng kè chắn cát, đường giao thông từ nhà văn hóa đến trạm y tế phường Hải Thành	UBND phường Hải Thành	350.000.000		350.000.000			350.000.000		
<b>24</b>		<b>QĐ SỐ 3310/QĐ-UBND NGÀY 21/7/2022</b>		<b>4.340.000.000</b>		<b>4.340.000.000</b>	<b>1.842.337.000</b>		<b>2.450.867.000</b>		
	7964936	Trồng cây xanh đường 36m ( đoạn từ đường tránh thành phố đến đường Hồ Chí Minh	UBND thành phố Đồng Hới	2.200.000.000		2.200.000.000	1.842.337.000		310.867.000		0,14
	7964935	Cải tạo nâng cấp kênh và hồ Bàu Dưới, xã Quang Phú	UBND thành phố Đồng Hới	1.600.000.000		1.600.000.000			1.600.000.000		1,00

TT	Mã dự án	Tên dự án	Chủ đầu tư	Tổng số	Chia theo nguồn vốn		Tổng số	Chia theo nguồn vốn		So sánh (%)	
					NS tỉnh	NS thành phố		NS tỉnh	NS thành phố	NS tỉnh	NS TP
		<b>TỔNG CỘNG (A+B+C)</b>		<b>570.463.831.925</b>	<b>5.310.000.000</b>	<b>565.153.831.925</b>	<b>535.580.685.087</b>	<b>1.654.480.000</b>	<b>533.926.205.087</b>		
<b>A</b>		<b>NGUỒN GIAO ĐẦU NĂM</b>	<b>a</b>	<b>570.463.831.925</b>	<b>5.310.000.000</b>	<b>565.153.831.925</b>	<b>535.580.685.087</b>	<b>1.654.480.000</b>	<b>533.926.205.087</b>		
	7965801	Cắm mốc giới điều chỉnh quy hoạch chi tiết phường Hải Thành tỷ lệ 1/500	Phòng QLĐT thành phố	540.000.000		540.000.000			540.000.000		1,00
<b>25</b>		<b>QĐ SỐ 3450/QĐ-UBND NGÀY 26/7/2022</b>		<b>240.000.000</b>		<b>240.000.000</b>	<b>0</b>		<b>240.000.000</b>		
	7967316	Xây dựng bãi đỗ xe số 6 và bãi đỗ xe số 7 tại ngã tư đường Lê Thành Đồng, Phan Huy Chú và đường Bàu Tró	UBND phường Hải Thành	240.000.000		240.000.000			240.000.000		1,00
<b>26</b>		<b>QĐ SỐ 3453/QĐ-UBND NGÀY 26/7/2022</b>		<b>600.000.000</b>		<b>600.000.000</b>	<b>0</b>		<b>596.335.000</b>		
	7964604	Xây dựng kè đê sông Phú Vinh đoạn qua thôn Đức Thị và thôn Đức Giang, Đức Môn xã Đức Ninh	UBND xã Hải Thành	600.000.000		600.000.000			596.335.000		0,99
<b>27</b>		<b>QĐ SỐ 3468/QĐ-UBND NGÀY 27/7/2022</b>		<b>1.226.144.000</b>		<b>1.226.144.000</b>	<b>996.165.000</b>		<b>229.979.000</b>		
	7967320	Nâng cấp đường Võ Thị Sáu, phường Nam Lý	UBND thành phố Đồng Hới	1.226.144.000		1.226.144.000	996.165.000		229.979.000		0,19
		- Vốn đã giao theo QĐ:		2.400.000.000		2.400.000.000					0,00
		- Giảm vốn tại QĐ 4930/QĐ-UBND		-1.173.856.000		-1.173.856.000					0,00
<b>28</b>		<b>QĐ SỐ 3722/QĐ-UBND NGÀY 15/8/2022</b>		<b>3.410.000.000</b>		<b>3.410.000.000</b>	<b>1.066.664.000</b>		<b>2.343.336.000</b>		
	7967318	Xây dựng vỉa hè, bãi đỗ xe đường Lý Nam Đế và đường Nguyễn Trường Tộ phường Đồng Phú	UBND thành phố Đồng Hới	1.640.000.000		1.640.000.000	547.685.000		1.092.315.000		0,67
	7967321	Nâng cấp tuyến điện chiếu sáng bằng đèn Led đường Nguyễn Thị Định ( đoạn từ Thôn Mỹ Cảnh đến cầu Nhật lệ 2) và khu HTKT Mỹ Cảnh	UBND thành phố Đồng Hới	1.000.000.000		1.000.000.000			1.000.000.000		1,00
	7969355	Đường giao thông và hệ thống thoát nước TDP 4 phường Hải Thành	UBND phường Hải Thành	350.000.000		350.000.000	222.669.000		127.331.000		0,36
	7968342	Nâng cấp sửa chữa tuyến đường và mương thoát nước TDP 7 phường Hải Thành	UBND phường Hải Thành	420.000.000		420.000.000	296.310.000		123.690.000		0,29
<b>29</b>		<b>QĐ SỐ 3750/QĐ-UBND NGÀY 15/8/2022</b>		<b>79.430.892.000</b>		<b>79.430.892.000</b>	<b>2.741.933.000</b>		<b>67.302.418.078</b>		
	7899297	Nâng cấp đường Nguyễn Duy Thiệu	UBND thành phố Đồng Hới	79.299.000		79.299.000			79.299.000		1,00
		Đường nối từ bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh đến đường Phong Nha	UBND thành phố Đồng Hới	0		0			0		
		- Vốn đã giao theo QĐ:		69.889.000		69.889.000					0,00
	7942126	- Giảm vốn tại QĐ 3750/QĐ-UBND		-69.889.000		-69.889.000					0,00
	7603340	Trồng cây xanh, vỉa hè đường Võ Nguyên Giáp	UBND thành phố Đồng Hới	500.000.000		500.000.000	420.577.000		79.423.000		0,16
	7876819	Công chào thành phố Đồng Hới	UBND thành phố Đồng Hới	3.814.850.000		3.814.850.000			2.294.077.000		0,60
	7880778	Đường giao thông trong cụm công nghiệp Thuận Đức	UBND thành phố Đồng Hới	4.355.963.000		4.355.963.000			4.141.316.000		0,95
	7880779	Nhà đa năng, bếp, công hàng rào, sân, nhà vệ sinh Trường TH số 2 Đồng Sơn	UBND thành phố Đồng Hới	722.518.000		722.518.000			613.450.000		0,85
	7880780	Nhà đa năng Trường TH-THCS Thuận Đức (điểm trường THCS)	UBND thành phố Đồng Hới	840.749.000		840.749.000	349.124.000		311.554.000		0,37

TT	Mã dự án	Tên dự án	Chủ đầu tư	Tổng số	Chia theo nguồn vốn		Tổng số	Chia theo nguồn vốn		So sánh (%)	
					NS tỉnh	NS thành phố		NS tỉnh	NS thành phố	NS tỉnh	NS TP
		<b>TỔNG CỘNG (A+B+C)</b>		<b>570.463.831.925</b>	<b>5.310.000.000</b>	<b>565.153.831.925</b>	<b>535.580.685.087</b>	<b>1.654.480.000</b>	<b>533.926.205.087</b>		
<b>A</b>		<b>NGUỒN GIAO ĐẦU NĂM</b>	<b>a</b>	<b>570.463.831.925</b>	<b>5.310.000.000</b>	<b>565.153.831.925</b>	<b>535.580.685.087</b>	<b>1.654.480.000</b>	<b>533.926.205.087</b>		
7880775		Nhà hiệu bộ và các phòng chức năng Trung tâm nuôi dạy trẻ khuyết tật thành phố	UBND thành phố Đồng Hới	198.577.000		198.577.000			198.577.000		1,00
7731308		Nhà đa năng và sân bóng đá, đường chạy thể dục Trường TH số 1 Đồng Sơn	UBND thành phố Đồng Hới	149.105.000		149.105.000			0		0,00
7731303		Đường thôn Diêm Sơn, xã Đức Ninh	UBND thành phố Đồng Hới	3.190.460.000		3.190.460.000			1.945.302.000		0,61
		Đường vào thôn Diêm Sơn (sát đường tránh TP) xã Đức Ninh	UBND thành phố Đồng Hới	0		0			0		
		- Vốn đã giao theo QĐ:		5.335.083.000		5.335.083.000					0,00
		- Giảm vốn tại QĐ 3750/QĐ-UBND		-5.335.083.000		-5.335.083.000					0,00
7731301		Bãi tắm Bảo Ninh 2 (giai đoạn 3)	UBND thành phố Đồng Hới	1.704.850.000		1.704.850.000	34.883.000		1.348.645.000		0,79
7740228		Đường Trần Ninh xã Đức Ninh	UBND thành phố Đồng Hới	2.332.816.000		2.332.816.000	229.141.000		1.320.344.000		0,57
7902994		Nâng cấp đê Rẫy Họ xã Nghĩa Ninh	UBND thành phố Đồng Hới	759.791.000		759.791.000			642.860.000		0,85
		- Vốn đã giao theo QĐ:		1.569.791.000		1.569.791.000					0,00
r		- Giảm vốn tại QĐ 3750/QĐ-UBND ngày 15/8/2022		-810.000.000		-810.000.000					0,00
		Đường từ đường Quy hoạch 36m vào TDP Nam Hồng	UBND thành phố Đồng Hới	0		0			0		
		- Vốn đã giao theo QĐ:		6.386.000.000		6.386.000.000					0,00
		- Giảm vốn tại QĐ 3750/QĐ-UBND		-6.386.000.000		-6.386.000.000					0,00
7790872		Nhà đa năng Trường THCS số 1 Nam Lý	UBND thành phố Đồng Hới	135.943.000		135.943.000			135.943.000		1,00
7810618		Đường thôn Bắc Phú, thôn Tân Phú, xã Quang Phú	UBND thành phố Đồng Hới	1.822.568.000		1.822.568.000			352.152.000		0,19
7731298		Mở rộng khuôn viên Trường Tiểu học Đồng Phú	UBND thành phố Đồng Hới	407.442.000		407.442.000			218.956.000		0,54
7543385		Đường vào nhà văn hóa TDP2 phường Hải Thành	UBND thành phố Đồng Hới	116.299.000		116.299.000			49.170.000		0,42
7906687		Đường từ Cầu Phú Vinh đến TTCN phường Bắc Nghĩa (TDP3 Phú Vinh)	UBND thành phố Đồng Hới	18.000.000		18.000.000			14.850.000		0,83
7735990		Nhà lớp học 2 tầng 6 phòng chức năng Trường Mầm non Nghĩa Ninh, điểm trường 2 (thôn 6 xã Nghĩa Ninh)	UBND thành phố Đồng Hới	55.000.000		55.000.000			0		0,00
7004686		Xây dựng phòng trực và mua sắm công cụ hỗ trợ cho lực lượng dân quân cơ động xã Lộc Ninh	Ban Chỉ huy Quân sự Thành phố	1.163.000.000		1.163.000.000			1.029.800.000		0,89
7751407		Hội trường Trung tâm bồi dưỡng chính trị thành phố Đồng Hới	Trung tâm chính trị TP	37.662.000		37.662.000			36.164.880		0,96
7970838		Xây dựng dãy phòng học 4 tầng 12 phòng và 1 phòng thư viện Trường THCS số 1 Nam Lý	UBND thành phố Đồng Hới	2.500.000.000		2.500.000.000			2.500.000.000		1,00

TT	Mã dự án	Tên dự án	Chủ đầu tư	Tổng số	Chia theo nguồn vốn		Tổng số	Chia theo nguồn vốn		So sánh (%)	
					NS tỉnh	NS thành phố		NS tỉnh	NS thành phố	NS tỉnh	NS TP
		<b>TỔNG CỘNG (A+B+C)</b>		<b>570.463.831.925</b>	<b>5.310.000.000</b>	<b>565.153.831.925</b>	<b>535.580.685.087</b>	<b>1.654.480.000</b>	<b>533.926.205.087</b>		
<b>A</b>		<b>NGUỒN GIAO ĐẦU NĂM</b>	<b>a</b>	<b>570.463.831.925</b>	<b>5.310.000.000</b>	<b>565.153.831.925</b>	<b>535.580.685.087</b>	<b>1.654.480.000</b>	<b>533.926.205.087</b>		
	7925779	Nhà lớp 3 tầng 17 phòng học và 1 phòng đọc giáo viên Trường Tiểu học Hải Đình	UBND thành phố Đồng Hới	2.500.000.000		2.500.000.000	233.000.000		2.267.000.000		0,91
	7928478	Cải tạo khối nhà lớp học bộ môn 2 tầng 4 phòng, hàng rào, sân, nhà vệ sinh Trường THCS Hải Đình	UBND thành phố Đồng Hới	900.000.000		900.000.000			900.000.000		1,00
	7906690	Xây dựng 4 phòng học bộ môn, hàng rào trường THCS số 1 Đồng Sơn	UBND thành phố Đồng Hới	1.000.000.000		1.000.000.000			1.000.000.000		1,00
	7899149	Cải tạo, nâng cấp trường Mầm non Hải Thành	UBND thành phố Đồng Hới	700.000.000		700.000.000			700.000.000		1,00
	7902987	Nhà lớp học 3 tầng 12 phòng, hàng rào Trường THCS Đức Ninh Đông	UBND thành phố Đồng Hới	1.500.000.000		1.500.000.000	436.276.000		45.745.000		0,03
	7925781	Xây dựng nhà lớp học 3 tầng 3 phòng bộ môn và cải tạo dây nhà lớp học Trường THCS số 1 Bắc Lý	UBND thành phố Đồng Hới	1.000.000.000		1.000.000.000			998.006.000		1,00
	7902990	Xây dựng nhà lớp học 2 tầng 4 phòng bếp, sân và nhà vệ sinh Trường Tiểu học số 2 Bắc Lý	UBND thành phố Đồng Hới	1.500.000.000		1.500.000.000			1.500.000.000		1,00
	7906692	Nhà lớp học 2 tầng 6 phòng, công, hàng rào Trường THCS Bắc Nghĩa	UBND thành phố Đồng Hới	1.300.000.000		1.300.000.000			1.300.000.000		1,00
	7925783	Xây dựng nhà hiệu bộ và thư viện Trường THCS Đồng Mỹ	UBND thành phố Đồng Hới	1.000.000.000		1.000.000.000			1.000.000.000		1,00
	7902993	Nhà lớp học 2 tầng 8 phòng, nhà bếp Trường Tiểu học Nghĩa Ninh	UBND thành phố Đồng Hới	1.700.000.000		1.700.000.000	479.768.000		1.190.695.000		0,70
	7921135	Xây dựng nhà đa năng Trường THCS số 2 Bắc Lý	UBND thành phố Đồng Hới	1.000.000.000		1.000.000.000			1.000.000.000		1,00
	7931224	Xây dựng nhà đa năng và cải tạo nhà 2 tầng 8 phòng học, dây nhà ODA trường THCS Lộc Ninh	UBND thành phố Đồng Hới	2.000.000.000		2.000.000.000			1.999.999.800		1,00
	7902996	Xây dựng phòng học và phòng đa chức năng Trường THCS số 2 Bắc Lý	UBND thành phố Đồng Hới	800.000.000		800.000.000			800.000.000		1,00
	7902994	Nhà hiệu bộ Trường Tiểu học Bắc Nghĩa	UBND thành phố Đồng Hới	800.000.000		800.000.000			800.000.000		1,00
	7893946	Đường trong cụm TTCN xã Lộc Ninh	UBND thành phố Đồng Hới	1.200.000.000		1.200.000.000			1.130.300.000		0,94
	7921136	Đường giao thông, hạ tầng khu dân cư ngoài hàng rào khu công nghiệp Tây Bắc Đồng Hới. Phường Bắc Lý	UBND thành phố Đồng Hới	2.000.000.000		2.000.000.000			2.000.000.000		1,00
	7919860	Đường sắt Trung tâm chăm sóc và phục hồi chức năng cho người tâm thần tỉnh Quảng Bình	UBND thành phố Đồng Hới	1.200.000.000		1.200.000.000			1.200.000.000		1,00
	7899297	Nâng cấp đường Nguyễn Đình Tân	UBND thành phố Đồng Hới	500.000.000		500.000.000			500.000.000		1,00
	7919859	Nâng cấp đường Nguyễn Duy Thiệu	UBND thành phố Đồng Hới	600.000.000		600.000.000			595.227.000		0,99

TT	Mã dự án	Tên dự án	Chủ đầu tư	Tổng số	Chia theo nguồn vốn		Tổng số	Chia theo nguồn vốn		So sánh (%)	
					NS tỉnh	NS thành phố		NS tỉnh	NS thành phố	NS tỉnh	NS TP
		<b>TỔNG CỘNG (A+B+C)</b>		<b>570.463.831.925</b>	<b>5.310.000.000</b>	<b>565.153.831.925</b>	<b>535.580.685.087</b>	<b>1.654.480.000</b>	<b>533.926.205.087</b>		
<b>A</b>		<b>NGUỒN GIAO ĐẦU NĂM</b>	<b>a</b>	<b>570.463.831.925</b>	<b>5.310.000.000</b>	<b>565.153.831.925</b>	<b>535.580.685.087</b>	<b>1.654.480.000</b>	<b>533.926.205.087</b>		
	7907229	Đường nối đường Nam Lý Trưng Trưng đi khu vực tiểu thủ công nghiệp Bắc Nghĩa	UBND thành phố Đồng Hới	900.000.000		900.000.000			900.000.000		1,00
	7906688	Đường từ nhà máy Ceramic đến bãi rác thải xây dựng	UBND thành phố Đồng Hới	900.000.000		900.000.000			310.047.000		0,34
	7946931	Nâng cấp đường và hệ thống thoát nước 2 bên cầu vượt (phía tây đường sắt)	UBND thành phố Đồng Hới	900.000.000		900.000.000			898.403.000		1,00
	7919864	Cải tạo chỉnh trang khu vực tượng đài Mẹ Suốt	UBND thành phố Đồng Hới	900.000.000		900.000.000			900.000.000		1,00
	7933563	Xây dựng hệ thống mương thoát lũ khu dân cư tổ dân phố 6 phường Bắc Lý	UBND thành phố Đồng Hới	1.200.000.000		1.200.000.000			1.200.000.000		1,00
	7900459	Xây dựng, cải tạo hệ thống thoát nước chống ngập úng một số tuyến đường trên địa bàn phường Bắc Lý, Nam Lý	UBND thành phố Đồng Hới	1.200.000.000		1.200.000.000			1.200.000.000		1,00
	7921138	Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước Bàu Luông-Bàu Vèng xã Lộc Ninh	UBND thành phố Đồng Hới	1.200.000.000		1.200.000.000			1.196.718.000		1,00
	7928479	Nâng cấp điện chiếu sáng bằng đèn Led đường Lê Lợi, Lý Thái tổ (đoạn từ Quảng Bình Quan đến đường vào UBND xã Nghĩa Ninh)	UBND thành phố Đồng Hới	600.000.000		600.000.000			531.502.000		0,89
		Đầu tư nâng cấp điện chiếu sáng bằng đèn Led đường Cao Thắng	UBND thành phố Đồng Hới	820.000.000		820.000.000			747.914.000		0,91
	7893942	Pano Led tuyên truyền chính trị, xã hội hóa, kết hợp quảng cáo đường Phạm Văn Đồng, thành phố Đồng Hới	UBND thành phố Đồng Hới	504.000.000		504.000.000	43.097.000		313.899.000		0,62
		Nâng cấp điện chiếu sáng bằng đèn Led đường Hà Huy Tập và đường Lê Hồng Phong	UBND thành phố Đồng Hới	651.000.000		651.000.000			577.967.000		0,89
		- Vốn đã giao theo QĐ:		701.000.000		701.000.000					0,00
	7918019	- Giám vốn tại QĐ 3750/QĐ-UBND		-50.000.000		-50.000.000					0,00
	7918021	Sửa chữa, xây dựng cầu ngang đường Trương Phúc Phần xã Lộc Ninh	Phòng QLĐT thành phố	1.000.000.000		1.000.000.000			1.000.000.000		1,00
	7918018	Nâng cấp, sửa chữa đường Hàn Thuyên, phường Bắc Lý	Phòng QLĐT thành phố	1.000.000.000		1.000.000.000			1.000.000.000		1,00
	7918022	Nâng cấp, sửa chữa đường Tô Vinh Diện phường Bắc Lý	Phòng QLĐT thành phố	1.000.000.000		1.000.000.000			1.000.000.000		1,00
	7909712	Nâng cấp, sửa chữa đường Nguyễn Dựng phường Bắc Lý	Phòng QLĐT thành phố	1.000.000.000		1.000.000.000			619.383.000		0,62
	7924983	Trạm bơm chống úng 1000m3/h	Phòng kinh tế thành phố	600.000.000		600.000.000			575.572.000		0,96
	7910107	Xây dựng cầu máng và sửa chữa kênh mương Bàu Sại phường Bắc Nghĩa	Phòng kinh tế thành phố	1.450.000.000		1.450.000.000			1.421.192.280		0,98
	7948940	Cải tạo nâng cấp, sửa chữa trụ sở Ban Quản lý dự án ĐTXD thành phố (Trụ sở cũ tại địa chỉ 68 Ngô Quyền, phường Đồng Phú)	Ban quản lý dịch vụ công ích thành phố	955.000.000		955.000.000			823.709.000		0,86

TT	Mã dự án	Tên dự án	Chủ đầu tư	Tổng số	Chia theo nguồn vốn		Tổng số	Chia theo nguồn vốn		So sánh (%)	
					NS tỉnh	NS thành phố		NS tỉnh	NS thành phố	NS tỉnh	NS TP
		<b>TỔNG CỘNG (A+B+C)</b>		<b>570.463.831.925</b>	<b>5.310.000.000</b>	<b>565.153.831.925</b>	<b>535.580.685.087</b>	<b>1.654.480.000</b>	<b>533.926.205.087</b>		
<b>A</b>		<b>NGUỒN GIAO ĐẦU NĂM</b>	<b>a</b>	<b>570.463.831.925</b>	<b>5.310.000.000</b>	<b>565.153.831.925</b>	<b>535.580.685.087</b>	<b>1.654.480.000</b>	<b>533.926.205.087</b>		
	7892162	Nâng cấp, sửa chữa nhà điều hành, hệ thống tắm tráng nước ngọt tại Quảng trường biển Bảo Ninh	Ban quản lý dịch vụ công ích thành phố	596.000.000		596.000.000			517.726.618		0,87
		Trồng cây xanh đường phố Đồng Hới năm 2021	Trung tâm công viên cây xanh Đồng Hới	1.548.000.000		1.548.000.000			1.547.003.500		1,00
		- <i>Vốn đã giao theo QĐ:</i>		1.598.000.000		1.598.000.000					0,00
	7921545	- <i>Giảm vốn tại QĐ 3750/QĐ-UBND</i>		-50.000.000		-50.000.000					0,00
	7921677	Nâng cấp, cải tạo công viên phía Tây Quảng trường Biển Bảo Ninh	Trung tâm công viên cây xanh Đồng Hới	1.000.000.000		1.000.000.000			1.000.000.000		1,00
		Trồng cây xanh bóng mát, thảm hoa khu vực phí sau nhà Bảo tàng tỉnh và xung quanh Hồ Thành	Trung tâm công viên cây xanh Đồng Hới	764.000.000		764.000.000			764.000.000		1,00
		- <i>Vốn đã giao theo QĐ:</i>		814.000.000		814.000.000					0,00
	7921544	- <i>Giảm vốn tại QĐ 3750/QĐ-UBND</i>		-50.000.000		-50.000.000					0,00
	7954186	Trồng bổ sung, thay thế cây xanh bóng mát công viên phía nam đường Trần Hưng Đạo, đường Phạm Văn Đồng, đường 23/8, Trần Hưng Đạo và Nguyễn Hữu Cánh	Trung tâm công viên cây xanh Đồng Hới	1.100.000.000		1.100.000.000			1.100.000.000		1,00
	7955685	Trồng cây xanh đường phố Đồng Hới năm 2022	Trung tâm công viên cây xanh Đồng Hới	800.000.000		800.000.000			800.000.000		1,00
	7955686	Nâng cấp, cải tạo cây xanh, thảm hoa Quảng Bình Quan, đường Quốc lộ 1A, đường vào sân bay Đồng Hới và công viên phía Nam Cầu Cổng Mười	Trung tâm công viên cây xanh Đồng Hới	900.000.000		900.000.000			900.000.000		1,00
	7908592	Nâng cấp cải tạo công viên quanh Hồ Nam Lý và công viên cận Chùa Đại Giác	Trung tâm công viên cây xanh Đồng Hới	900.000.000		900.000.000			900.000.000		1,00
	7731301	Điện chiếu sáng đường tránh thành phố (Đoạn từ đường Hà Huy Tập đến đường Phan Đình Phùng) thành phố Đồng Hới	UBND thành phố Đồng Hới	1.538.000.000		1.538.000.000			1.434.593.000		0,93
	7905805	Bãi tắm Bảo Ninh 2 (giai đoạn 3)	UBND thành phố Đồng Hới	600.000.000		600.000.000			600.000.000		1,00
	7874982	Mở rộng cải tạo trụ sở làm việc và khuôn viên TT cây xanh ĐH	Trung tâm công viên cây xanh Đồng Hới	1.000.000.000		1.000.000.000			1.000.000.000		1,00
	483933000	Trụ sở UBND xã Quang Phú	UBND xã Quang Phú	2.000.000.000		2.000.000.000			2.000.000.000		1,00
	7946931	Nhà điều trị nội trú liên chuyên khoa Bệnh viện Đa khoa	Bệnh viện đa khoa thành phố	1.000.000.000		1.000.000.000	516.067.000		483.933.000		0,48
		Cải tạo chỉnh trang khu vực tượng đài Mẹ Suốt	UBND thành phố Đồng Hới	800.000.000		800.000.000			800.000.000		1,00
<b>30</b>	7942125	<b>QĐ SỐ 3759/QĐ-UBND NGÀY 16/8/2022</b>		<b>15.000.000.000</b>		<b>15.000.000.000</b>	<b>701.327.000</b>		<b>11.381.318.000</b>		
	7909716	Nhà văn hóa tổ dân phố 5 phường Đồng Phú	UBND phường Đồng Phú	500.000.000		500.000.000			500.000.000		1,00
	7951600	Nhà văn hóa tổ dân phố 2 phường Đồng Phú	UBND phường Đồng Phú	500.000.000		500.000.000			500.000.000		1,00

TT	Mã dự án	Tên dự án	Chủ đầu tư	Tổng số	Chia theo nguồn vốn		Tổng số	Chia theo nguồn vốn		So sánh (%)	
					NS tỉnh	NS thành phố		NS tỉnh	NS thành phố	NS tỉnh	NS TP
		<b>TỔNG CỘNG (A+B+C)</b>		<b>570.463.831.925</b>	<b>5.310.000.000</b>	<b>565.153.831.925</b>	<b>535.580.685.087</b>	<b>1.654.480.000</b>	<b>533.926.205.087</b>		
<b>A</b>		<b>NGUỒN GIAO ĐẦU NĂM</b>	<b>a</b>	<b>570.463.831.925</b>	<b>5.310.000.000</b>	<b>565.153.831.925</b>	<b>535.580.685.087</b>	<b>1.654.480.000</b>	<b>533.926.205.087</b>		
	7937516	Xây dựng Nhà văn hóa thôn 7 Phú Xá xã Lộc Ninh	UBND xã Lộc Ninh	400.000.000		400.000.000			400.000.000		1,00
	7937515	Xây dựng Nhà văn hóa thôn 11 Hữu Cung xã Lộc Ninh	UBND xã Lộc Ninh	400.000.000		400.000.000			400.000.000		1,00
	8003520	Xây dựng Nhà văn hóa thôn 9 Hữu Cung xã Lộc Ninh	UBND xã Lộc Ninh	400.000.000		400.000.000			400.000.000		1,00
	7960244	Xây dựng Nhà văn hóa thôn 5 xã Lộc Ninh	UBND xã Lộc Ninh	400.000.000		400.000.000			186.500.000		0,47
	7956030	Nhà văn hóa tổ dân phố 4 Phú Vinh, phường Bắc Nghĩa	UBND phường Bắc Nghĩa	500.000.000		500.000.000			500.000.000		1,00
	7957316	Nhà văn hóa tổ dân phố 3 Mỹ Cương, phường Bắc Nghĩa	UBND phường Bắc Nghĩa	500.000.000		500.000.000			500.000.000		1,00
	7956023	Nhà văn hóa tổ dân phố 2 Phú Vinh, phường Bắc Nghĩa	UBND phường Bắc Nghĩa	500.000.000		500.000.000			500.000.000		1,00
	7968787	Nhà văn hóa tổ dân phố 1 phường Hải Thành	UBND phường Hải Thành	400.000.000		400.000.000			400.000.000		1,00
	7969364	Xây dựng Nhà văn hóa tổ dân phố 6 phường Hải Thành	UBND phường Hải Thành	300.000.000		300.000.000	296.327.000		3.673.000		0,01
	7975081	Xây dựng Nhà văn hóa thôn Ba Đa, xã Nghĩa Ninh	UBND xã Nghĩa Ninh	300.000.000		300.000.000			300.000.000		1,00
	7977490	Nhà văn hóa thôn thôn Trung Nghĩa 2, xã Nghĩa Ninh	UBND xã Nghĩa Ninh	300.000.000		300.000.000	105.000.000		195.000.000		0,65
	7977011	Nhà văn hóa thôn thôn Trung Nghĩa 5, xã Nghĩa Ninh	UBND xã Nghĩa Ninh	300.000.000		300.000.000			300.000.000		1,00
	7987408	Xây dựng Nhà văn hóa tổ dân phố 6 phường Bắc Lý	UBND phường Bắc Lý	300.000.000		300.000.000			300.000.000		1,00
	3383618	Xây dựng Nhà văn hóa tổ dân phố 1 phường Bắc Lý	UBND phường Bắc Lý	300.000.000		300.000.000	300.000.000				0,00
	3383619	Nhà văn hóa Bắc Hồng, phường Phú Hải	UBND phường Phú Hải	300.000.000		300.000.000			0		0,00
	7971788	Nhà văn hóa Diêm Hải, phường Phú Hải	UBND phường Phú Hải	300.000.000		300.000.000			0		0,00
	3382013	Xây dựng Nhà văn hóa tổ dân Đông Hải phường Đông Hải	UBND phường Đông Hải	300.000.000		300.000.000			300.000.000		1,00
	7985604	Xây dựng Nhà văn hóa thôn Tân Phú, xã Quang Phú	UBND xã Quang Phú	300.000.000		300.000.000			0		0,00
	7999660	Mua sắm trang thiết bị các nhà văn hóa tổ dân phố phường Bắc Nghĩa	UBND phường Bắc Nghĩa	900.000.000		900.000.000			899.110.000		1,00
	7982743	Mua sắm trang thiết bị các nhà văn hóa tổ dân phố 1, 6 phường Hải Thành	UBND phường Hải Thành	200.000.000		200.000.000			200.000.000		1,00
	7998343	Mua sắm trang thiết bị, cơ sở vật chất nhà văn hóa các thôn trên địa bàn xã Đức Ninh	UBND xã Đức Ninh	800.000.000		800.000.000			800.000.000		1,00

TT	Mã dự án	Tên dự án	Chủ đầu tư	Tổng số	Chia theo nguồn vốn		Tổng số	Chia theo nguồn vốn		So sánh (%)	
					NS tỉnh	NS thành phố		NS tỉnh	NS thành phố	NS tỉnh	NS TP
		<b>TỔNG CỘNG (A+B+C)</b>		<b>570.463.831.925</b>	<b>5.310.000.000</b>	<b>565.153.831.925</b>	<b>535.580.685.087</b>	<b>1.654.480.000</b>	<b>533.926.205.087</b>		
<b>A</b>		<b>NGUỒN GIAO ĐẦU NĂM</b>	<b>a</b>	<b>570.463.831.925</b>	<b>5.310.000.000</b>	<b>565.153.831.925</b>	<b>535.580.685.087</b>	<b>1.654.480.000</b>	<b>533.926.205.087</b>		
	7987409	Mua sắm trang thiết bị, cơ sở vật chất nhà văn hóa các tổ dân phố trên địa bàn phường Phú Hải	UBND phường Phú Hải	200.000.000		200.000.000			199.700.000		1,00
	7991453	Mua sắm trang thiết bị nhà văn hóa TDP 2, 4,6,7,10, 12 phường Bắc Lý	UBND phường Bắc Lý	600.000.000		600.000.000			600.000.000		1,00
	7999662	Mua sắm trang thiết bị, cơ sở vật chất nhà văn hóa các thôn 5, 7, 9, 10, 11 xã Lộc Ninh	UBND xã Lộc Ninh	500.000.000		500.000.000			497.597.000		1,00
	7991072	Mua sắm trang thiết bị, cơ sở vật chất nhà văn hóa thôn Đông Phú, Nam Phú, Bắc Phú và Tân Phú, xã Quang Phú	UBND xã Quang Phú	400.000.000		400.000.000			400.000.000		1,00
	7999661	Mua sắm trang thiết bị, cơ sở vật chất nhà văn hóa các tổ dân phố phường Đức Ninh Đông	UBND phường Đức Ninh Đông	700.000.000		700.000.000			700.000.000		1,00
	7981521	Mua sắm trang thiết bị nhà văn hóa các thôn xã Nghĩa Ninh	UBND xã Nghĩa Ninh	300.000.000		300.000.000			300.000.000		1,00
	285990016	Mua sắm trang thiết bị, cơ sở vật chất các nhà văn hóa các tổ dân phố Đông Hải, Đông Đình, Đông Tâm phường Đông Hải	UBND phường Đông Hải	300.000.000		300.000.000			299.738.000		1,00
	3383621	Mua sắm trang thiết bị, cơ sở vật chất các nhà văn hóa các tổ dân phố phường Đông Phú	UBND phường Đông Phú	900.000.000		900.000.000			0		0,00
	7998332	Mua sắm trang thiết bị, cơ sở vật chất các nhà văn hóa các tổ dân phố phường Nam Lý	UBND phường Nam Lý	900.000.000		900.000.000			0		0,00
		Mua sắm trang thiết bị, cơ sở vật chất các nhà văn hóa trên địa bàn xã Bảo Ninh	UBND xã Bảo Ninh	800.000.000		800.000.000			800.000.000		1,00
<b>31</b>	7970838	<b>QĐ SỐ 3871/QĐ-UBND NGÀY 23/8/2022</b>		<b>2.450.000.000</b>		<b>2.450.000.000</b>	<b>500.000.000</b>		<b>1.550.000.000</b>		
	7991441	Mua sắm trang thiết bị dạy và học ở dãy phòng học 4 tầng 12 phòng và 01 phòng thư viện trường THCS số 1 Nam lý	UBND thành phố Đông Hới	400.000.000		400.000.000			0		0,00
	7964920	Cắm biển tên đường	Phòng QLĐT thành phố	550.000.000		550.000.000			550.000.000		1,00
	7977010	Sửa chữa duy tu các tuyến đường, công thành phố quản lý	Phòng QLĐT thành phố	500.000.000		500.000.000			500.000.000		1,00
	7964918	Nâng cấp mở rộng tuyến đường TDP 1, 6 ,8 phường Bắc Lý	UBND phường Bắc Lý	500.000.000		500.000.000	500.000.000				0,00
	7964919	Đường giao thông TDP Phú Vinh, phường Bắc Nghĩa	UBND phường Bắc Nghĩa	250.000.000		250.000.000			250.000.000		1,00
		Đường giao thông các TDP Phương Xuân, phường Bắc Nghĩa	UBND phường Bắc Nghĩa	250.000.000		250.000.000			250.000.000		1,00
<b>32</b>	7004686	<b>QĐ SỐ 3872/QĐ-UBND NGÀY 28/8/2022</b>		<b>400.000.000</b>		<b>400.000.000</b>	<b>310.000.000</b>		<b>2.584.000</b>		
		Mua sắm công cụ hỗ trợ cho dân quân cơ động các xã, phường và thành phố	Ban Chỉ huy Quân sự Thành phố	400.000.000		400.000.000	310.000.000		2.584.000		0,01
<b>33</b>	7970840	<b>QĐ SỐ 3953/QĐ-UBND NGÀY 28/8/2022</b>		<b>2.720.000.000</b>		<b>2.720.000.000</b>	<b>1.060.000.000</b>		<b>1.660.000.000</b>		
	7974477	Đầu tư xây dựng đường nối từ đường Hồ Chí Minh vào làng nghề Thuận Đức	UBND thành phố Đông Hới	1.960.000.000		1.960.000.000	700.000.000		1.260.000.000		0,64

TT	Mã dự án	Tên dự án	Chủ đầu tư	Tổng số	Chia theo nguồn vốn		Tổng số	Chia theo nguồn vốn		So sánh (%)	
					NS tỉnh	NS thành phố		NS tỉnh	NS thành phố	NS tỉnh	NS TP
		<b>TỔNG CỘNG (A+B+C)</b>		<b>570.463.831.925</b>	<b>5.310.000.000</b>	<b>565.153.831.925</b>	<b>535.580.685.087</b>	<b>1.654.480.000</b>	<b>533.926.205.087</b>		
<b>A</b>		<b>NGUỒN GIAO ĐẦU NĂM</b>	<b>a</b>	<b>570.463.831.925</b>	<b>5.310.000.000</b>	<b>565.153.831.925</b>	<b>535.580.685.087</b>	<b>1.654.480.000</b>	<b>533.926.205.087</b>		
	7974478	Hệ thống đài truyền thanh ứng dụng CNTT - Viễn thông xã Nghĩa Ninh	UBND xã Nghĩa Ninh	200.000.000		200.000.000			200.000.000		1,00
	7977492	Hệ thống đài truyền thanh ứng dụng CNTT - Viễn thông xã Lộc Ninh	UBND xã Lộc Ninh	200.000.000		<u>200.000.000</u>			200.000.000		1,00
		Xây dựng kè chống sạt lở, thoát lũ phía Đông Cầu Ngăn phường Phú Hải	UBND phường Phú Hải	360.000.000		<b>360.000.000</b>	360.000.000				0,00
<b>34</b>	7971791	<b>QĐ SỐ 4136/QĐ-UBND NGÀY 7/9/2022</b>		<b>2.700.000.000</b>		<b>2.700.000.000</b>	<b>2.214.081.000</b>		<b>485.919.000</b>		
	7971793	Nâng cấp sửa chữa các tuyến đường tại đoạn giao nhau giữa đường Tô Vĩnh Diện và Nguyễn Dựng phường Bắc Lý	Phòng QLĐT thành phố	900.000.000		900.000.000	739.034.000		160.966.000		0,18
	7971790	Nâng cấp sửa chữa tuyến đường Hoàng Văn Thụ và ngõ 309 đường Lý Thái Tổ phường Đồng Sơn	Phòng QLĐT thành phố	900.000.000		<u>900.000.000</u>	719.277.000		180.723.000		0,20
		Nâng cấp sửa chữa đường nối đường Trường Chinh và đường Bùi Viện, đường nối đường Hoàng Sâm đến đường sắt TDP 11 phường Bắc Lý	Phòng QLĐT thành phố	900.000.000		900.000.000	755.770.000		144.230.000		0,16
<b>35</b>	7964934	<b>QĐ SỐ 3172/QĐ-UBND NGÀY 13/7/2022</b>		<b>5.580.000.000</b>		<b>5.580.000.000</b>	<b>2.571.538.000</b>		<b>1.725.073.000</b>		
	7962659	Xây dựng dãy nhà 2 tầng, sân hoạt động ngoài trời, nhà xe và hàng rào trường TH&THCS Thuận Đức (điểm trường TH)	UBND thành phố Đồng Hới	1.200.000.000		1.200.000.000	450.000.000		750.000.000		0,63
	7962653	Nạo vét xây kè chống xói lở hệ thống kênh thoát lũ từ cầu Mệ Sỏi qua cầu Rầy Cau	UBND thành phố Đồng Hới	2.980.000.000		2.980.000.000	996.500.000		702.199.000		0,24
	7962160	Điện chiếu sáng đường Nam Lý - Trung Trương	UBND thành phố Đồng Hới	1.100.000.000		1.100.000.000	900.000.000		197.912.000		0,18
		Kè chắn chống sạt lở Trường TH Quang Phú	UBND xã Quang Phú	300.000.000		300.000.000	225.038.000		74.962.000		0,25
<b>36</b>	7971792	<b>QĐ SỐ 4097/QĐ-UBND NGÀY 31/8/2022</b>		<b>700.000.000</b>		<b>700.000.000</b>	<b>0</b>		<b>686.512.000</b>		
		Xây dựng ngầm trần chống ngập khu dân cư tổ 8 thôn Thuận Vinh	Phòng QLĐT thành phố	700.000.000		700.000.000			686.512.000		0,98
<b>37</b>	7973777	<b>QĐ SỐ 4392/QĐ-UBND NGÀY 21/9/2022</b>		<b>1.960.000.000</b>		<b>1.960.000.000</b>	<b>623.348.000</b>		<b>1.313.492.000</b>		
	7977015	Xây dựng hệ thống thoát nước và rải thảm tuyến đường Phạm Thi Nghê xã Quang Phú	UBND xã Quang Phú	500.000.000		500.000.000	373.348.000		126.652.000		0,25
	7979549	Xây dựng 2 tầng 2 phòng, cải tạo sân vườn, phòng bảo vệ, hàng rào và hệ thống thoát nước Trường NM Bắc Nghĩa (cụm Mỹ Cương)	UBND phường Bắc Nghĩa	600.000.000		600.000.000			600.000.000		1,00
	7992833	Mua sắm thiết bị Trường TH&THCS Thuận Đức (điểm trường THCS)	UBND xã Thuận Đức	500.000.000		500.000.000			476.840.000		0,95
		Kênh mương nội đồng Hữu Cung - Phú Xá xã Lộc Ninh	UBND xã Lộc Ninh	360.000.000		360.000.000	250.000.000		110.000.000		0,31
<b>38</b>	7976238	<b>QĐ SỐ 4415/QĐ-UBND NGÀY 2/9/2022</b>		<b>1.200.000.000</b>		<b>1.200.000.000</b>	<b>285.663.000</b>		<b>914.337.000</b>		
	7978629	Thoát nước TDP Đức Trường phường Đức Ninh Đông (GD 2)	UBND phường Đức Ninh Đông	700.000.000		700.000.000	285.663.000		414.337.000		0,59

TT	Mã dự án	Tên dự án	Chủ đầu tư	Tổng số	Chia theo nguồn vốn		Tổng số	Chia theo nguồn vốn		So sánh (%)	
					NS tỉnh	NS thành phố		NS tỉnh	NS thành phố	NS tỉnh	NS TP
		<b>TỔNG CỘNG (A+B+C)</b>		<b>570.463.831.925</b>	<b>5.310.000.000</b>	<b>565.153.831.925</b>	<b>535.580.685.087</b>	<b>1.654.480.000</b>	<b>533.926.205.087</b>		
<b>A</b>		<b>NGUỒN GIAO ĐẦU NĂM</b>	<b>a</b>	<b>570.463.831.925</b>	<b>5.310.000.000</b>	<b>565.153.831.925</b>	<b>535.580.685.087</b>	<b>1.654.480.000</b>	<b>533.926.205.087</b>		
		Mua xe ô tô chuyên dùng phục vụ chăm sóc cây xanh và sản xuất (1 xe tải và 1 xe tải ben)	Trung tâm công viên cây xanh Đồng Hới	500.000.000		500.000.000			500.000.000		1,00
39	7969618	<b>QĐ SỐ 4416/QĐ-UBND NGÀY 22/9/2022</b>		<b>300.000.000</b>		<b>300.000.000</b>	<b>0</b>		<b>300.000.000</b>		
		Sửa chữa cải tạo trạm y tế phường Nam Lý	UBND phường Nam Lý	300.000.000		300.000.000			300.000.000		1,00
40	7980739	<b>QĐ SỐ 4423/QĐ-UBND NGÀY 23/9/2022</b>		<b>600.000.000</b>		<b>600.000.000</b>	<b>515.600.000</b>		<b>79.878.000</b>		
		Điện chiếu sáng bằng đèn Led đường dạo dọc sông Cầu Rào (đoạn từ đường 23/8 đến đường Trần Hưng Đạo)	UBND thành phố Đồng Hới	600.000.000		600.000.000	515.600.000		79.878.000		0,13
41	7988589	<b>QĐ SỐ 4429/QĐ-UBND NGÀY 23/9/2022</b>		<b>520.000.000</b>		<b>520.000.000</b>	<b>0</b>		<b>120.673.000</b>		
		Quy hoạch phân khu khu vực phát triển đô thị phường Bắc Nghĩa, thành phố Đồng Hới, tỷ lệ 1/2000	Phòng QLĐT thành phố	520.000.000		520.000.000			120.673.000		0,23
42	7994232	<b>QĐ SỐ 4504/QĐ-UBND NGÀY 27/9/2022</b>		<b>24.431.000.000</b>		<b>24.431.000.000</b>	<b>0</b>		<b>24.267.271.000</b>		
		Triển khai hạ tầng CNTT và dịch vụ đô thị thông minh năm 2022	Văn phòng HĐND-UBND thành phố	24.431.000.000		24.431.000.000			24.267.271.000		0,99
43	7980738	<b>QĐ SỐ 4688/QĐ-UBND NGÀY 03/10/2022</b>		<b>900.000.000</b>		<b>900.000.000</b>	<b>740.076.000</b>		<b>159.924.000</b>		
	7978239	Pano LED tuyên truyền chính trị đường Văn Cao phường Đồng Phú	UBND thành phố Đồng Hới	500.000.000		500.000.000	418.379.000		81.621.000		0,16
		Sửa chữa cải tạo trạm y tế xã Quang Phú	UBND xã Quang Phú	400.000.000		400.000.000	321.697.000		78.303.000		0,20
44	7973778	<b>QĐ SỐ 4169/QĐ-UBND NGÀY 9/9/2022</b>		<b>1.000.000.000</b>		<b>1.000.000.000</b>	<b>0</b>		<b>1.000.000.000</b>		
	7973775	Nâng cấp, sửa chữa chống ngập úng một số tuyến đường do TP quản lý	Phòng QLĐT thành phố	500.000.000		500.000.000			500.000.000		1,00
		Nâng cấp sửa chữa đường và công qua đường khu vực Bàu Me xã Lộc Ninh	Phòng QLĐT thành phố	500.000.000		500.000.000			500.000.000		1,00
45	7978632	<b>QĐ SỐ 4691/QĐ-UBND NGÀY 3/10/2022</b>		<b>720.000.000</b>		<b>720.000.000</b>	<b>0</b>		<b>720.000.000</b>		
		Xây dựng khu vận động, cải tạo nâng cấp sân phía sau trường mầm non Thuận Đức (cơ sở 2)	UBND xã Thuận Đức	720.000.000		720.000.000			720.000.000		1,00
46	7979546	<b>QĐ SỐ 4692/QĐ-UBND NGÀY 3/10/2022</b>		<b>250.000.000</b>		<b>250.000.000</b>	<b>0</b>		<b>250.000.000</b>		
		Các tuyến đường nội vùng thôn Thuận Vinh, Thuận Hà xã Thuận Đức	UBND xã Thuận Đức	250.000.000		250.000.000			250.000.000		1,00
47	8003505	<b>QĐ SỐ 4806/QĐ-UBND NGÀY 10/10/2022</b>		<b>1.291.000.000</b>		<b>1.291.000.000</b>	<b>619.849.000</b>		<b>671.151.000</b>		
		Nâng cấp, sửa chữa đường và vỉa hè đường Hoàng Sâm, Nguyễn Hữu Dật, Trần Quang Diệu, Tôn Thất Tùng	UBND thành phố Đồng Hới	500.000.000		500.000.000			500.000.000		1,00
		- Vốn đã giao theo QĐ:		5.800.000.000		5.800.000.000					0,00
	7979547	- Giám vốn tại QĐ 4806/QĐ-UBND ngày 26/12/202		-5.300.000.000		-5.300.000.000					0,00
	7983049	Các tuyến đường nội vùng thôn Thuận Phong, Thuận Phước, Thuận Hòa xã Thuận Đức	UBND xã Thuận Đức	251.000.000		251.000.000	102.849.000		148.151.000		0,59

TT	Mã dự án	Tên dự án	Chủ đầu tư	Tổng số	Chia theo nguồn vốn		Tổng số	Chia theo nguồn vốn		So sánh (%)	
					NS tỉnh	NS thành phố		NS tỉnh	NS thành phố	NS tỉnh	NS TP
		<b>TỔNG CỘNG (A+B+C)</b>		<b>570.463.831.925</b>	<b>5.310.000.000</b>	<b>565.153.831.925</b>	<b>535.580.685.087</b>	<b>1.654.480.000</b>	<b>533.926.205.087</b>		
<b>A</b>		<b>NGUỒN GIAO ĐẦU NĂM</b>	<b>a</b>	<b>570.463.831.925</b>	<b>5.310.000.000</b>	<b>565.153.831.925</b>	<b>535.580.685.087</b>	<b>1.654.480.000</b>	<b>533.926.205.087</b>		
		Đầu tư xây dựng đường GTNT tuyến Đồng Bón xã Nghĩa Ninh	UBND xã Nghĩa Ninh	540.000.000		540.000.000	517.000.000		23.000.000		0,04
<b>48</b>	<b>7983053</b>	<b>QĐ SỐ 4843/QĐ-UBND NGÀY 11/10/2022</b>		<b>700.000.000</b>		<b>700.000.000</b>	<b>497.311.000</b>		<b>202.689.000</b>		
		Xây dựng đường giao thông nội đồng và nâng cấp tuyến kênh mương Đội 4, Đội 5 Đồng Choi phường Bắc Nghĩa	Phòng kinh tế thành phố	700.000.000		700.000.000	497.311.000		202.689.000		0,29
<b>49</b>	<b>7945078</b>	<b>QĐ SỐ 4888/QĐ-UBND NGÀY 14/10/2022</b>		<b>6.000.000.000</b>		<b>6.000.000.000</b>	<b>1.981.000.000</b>		<b>4.015.143.000</b>		
	7977015	Sân vận động phường Bắc Nghĩa	UBND phường Bắc Nghĩa	208.000.000		208.000.000			208.000.000		1,00
	7981516	Xây dựng nhà 2 tầng 2 phòng Cải tạo sân vườn phòng bảo vệ và hệ thống thoát nước Trường mầm non Bắc Nghĩa	UBND phường Bắc Nghĩa	1.500.000.000		1.500.000.000	1.090.000.000		410.000.000		0,27
	7950517	Xây dựng thư viện bếp ăn các phòng chức năng và cải tạo tu sửa cơ sở vật chất dãy nhà B trường TH Bắc Nghĩa	UBND phường Bắc Nghĩa	2.000.000.000		2.000.000.000	891.000.000		1.109.000.000		0,55
	7956030	Cải tạo sửa chữa dãy phòng học chức năng trường THCS Bắc Nghĩa	UBND phường Bắc Nghĩa	240.000.000		240.000.000			240.000.000		1,00
	7957316	Nhà văn hóa TDP 3 Mỹ Cương phường Bắc Nghĩa	UBND phường Bắc Nghĩa	300.000.000		300.000.000			300.000.000		1,00
	7959123	Nhà văn hóa TDP 2 Phú Vinh phường Bắc Nghĩa	UBND phường Bắc Nghĩa	300.000.000		300.000.000			300.000.000		1,00
	7960244	Nhà văn hóa TDP 3 Phú Vinh phường Bắc Nghĩa	UBND phường Bắc Nghĩa	300.000.000		300.000.000			300.000.000		1,00
	7964918	Nhà văn hóa TDP 4 Mỹ Cương phường Bắc Nghĩa	UBND phường Bắc Nghĩa	300.000.000		300.000.000			300.000.000		1,00
	7964919	Đường giao thông TDP Phú Vinh, phường Bắc Nghĩa	UBND phường Bắc Nghĩa	240.000.000		240.000.000			240.000.000		1,00
	7961798	Đường giao thông TDP Phương Xuân, phường Bắc Nghĩa	UBND phường Bắc Nghĩa	240.000.000		240.000.000			240.000.000		1,00
	7910404	Hệ thống đài truyền thanh ứng dụng công nghệ thông tin viễn thông phường Bắc Nghĩa	UBND phường Bắc Nghĩa	200.000.000		200.000.000			196.143.000		0,98
		Xã hội hóa lắp đặt hệ thống camera giám sát an ninh, trật tự phường Bắc Nghĩa	UBND phường Bắc Nghĩa	172.000.000		172.000.000			172.000.000		1,00
<b>50</b>	<b>7981525</b>	<b>QĐ SỐ 4929/QĐ-UBND NGÀY 18/10/2022</b>		<b>490.000.000</b>		<b>490.000.000</b>	<b>0</b>		<b>470.774.000</b>		
		Mua ca nô phục vụ công tác cứu hộ cứu nạn tại các bãi biển và phòng chống thiên tai	Đội quy tắc và trật tự đô thị	490.000.000		490.000.000			470.774.000		0,96
<b>51</b>	<b>7985758</b>	<b>QĐ SỐ 4930/QĐ-UBND NGÀY 18/10/2022</b>		<b>1.060.079.000</b>		<b>1.060.079.000</b>	<b>0</b>		<b>1.018.445.000</b>		<b>0,96</b>
		Nâng cấp đường Nguyễn Văn Cừ	UBND thành phố Đồng Hới	310.079.000		310.079.000			305.535.000		0,99
		- Vốn đã giao theo QĐ:		6.700.000.000		6.700.000.000					0,00

TT	Mã dự án	Tên dự án	Chủ đầu tư	Tổng số	Chia theo nguồn vốn		Tổng số	Chia theo nguồn vốn		So sánh (%)	
					NS tỉnh	NS thành phố		NS tỉnh	NS thành phố	NS tỉnh	NS TP
		<b>TỔNG CỘNG (A+B+C)</b>		<b>570.463.831.925</b>	<b>5.310.000.000</b>	<b>565.153.831.925</b>	<b>535.580.685.087</b>	<b>1.654.480.000</b>	<b>533.926.205.087</b>		
<b>A</b>		<b>NGUỒN GIAO ĐẦU NĂM</b>	<b>a</b>	<b>570.463.831.925</b>	<b>5.310.000.000</b>	<b>565.153.831.925</b>	<b>535.580.685.087</b>	<b>1.654.480.000</b>	<b>533.926.205.087</b>		
	7981516	- Giám vốn tại QĐ 6351/QĐ-UBND ngày 26/12/202		-6.389.921.000		-6.389.921.000					0,00
		Xây dựng thư viện, bếp ăn, các phòng chức năng và cải tạo tu sửa cơ sở vật chất dãy nhà B Trường TH Bắc Nghĩa	UBND phường Bắc Nghĩa	750.000.000		750.000.000		712.910.000			0,95
<b>52</b>	7980740	<b>QĐ SỐ 4462/QĐ-UBND NGÀY 26/9/2022</b>		<b>1.160.000.000</b>		<b>1.160.000.000</b>	<b>476.181.000</b>	<b>683.819.000</b>			
	7975938	Xây dựng bãi đỗ xe, vỉa hè, hàng rào và hệ thống thoát nước khu vực chợ Nam Lý	UBND thành phố Đồng Hới	800.000.000		800.000.000	327.181.000	472.819.000			0,59
		Sửa chữa nhà bia ghi danh các anh hùng Liệt sỹ phường Nam Lý	UBND phường Nam Lý	360.000.000		360.000.000	149.000.000	211.000.000			0,59
<b>53</b>	7985834	<b>QĐ SỐ 5002/QĐ-UBND NGÀY 24/10/2022</b>		<b>600.000.000</b>		<b>600.000.000</b>	<b>300.617.000</b>	<b>299.383.000</b>			
		Xây dựng kè, tràn hạ lưu dẫn nước hồ Bàu Nin xã Lộc Ninh	UBND xã Lộc Ninh	600.000.000		600.000.000	300.617.000	299.383.000			0,50
<b>55</b>	7988576	<b>QĐ SỐ 5087/QĐ-UBND NGÀY 26/10/2022</b>		<b>773.055.000</b>		<b>773.055.000</b>	<b>468.961.000</b>	<b>224.094.000</b>			
		Cải tạo, nâng cấp Chợ cá Đồng Hới	UBND thành phố Đồng Hới	93.055.000		93.055.000		93.055.000			1,00
		- Vốn đã giao theo QĐ:		4.000.000.000		4.000.000.000					0,00
	7984501	- Giám vốn tại QĐ 5087/QĐ-UBND ngày 26/12/202		-3.906.945.000		-3.906.945.000					0,00
	3382026	Xây dựng hệ thống thoát nước TDP Phú Thượng phường Phú Hải	UBND phường Phú Hải	600.000.000		600.000.000	468.961.000	131.039.000			0,22
		Nhiệm vụ quy hoạch phân khu xã Quang Phú	Phòng QLĐT thành phố	80.000.000		80.000.000		0			0,00
<b>56</b>	7004686	<b>QĐ SỐ 5132/QĐ-UBND NGÀY 31/10/2022</b>		<b>1.087.000.000</b>		<b>1.087.000.000</b>	<b>0</b>	<b>1.087.000.000</b>			
	7004686	Sửa chữa cải tạo một số hạng mục nhà làm việc và nhà công vụ BCH quân sự	Ban Chỉ huy Quân sự Thành phố	500.000.000		500.000.000		500.000.000			1,00
		Cải tạo và mua sắm thiết bị tăng công năng Nhà ăn và Hội trường A Ban CHQS thành phố	Ban Chỉ huy Quân sự Thành phố	587.000.000		587.000.000		587.000.000			1,00
<b>57</b>	7964933	<b>QĐ SỐ 5131/QĐ-UBND NGÀY 31/10/2022</b>		<b>3.300.000.000</b>		<b>3.300.000.000</b>	<b>543.463.000</b>	<b>2.669.532.800</b>			
		Nâng cấp chỉnh trang đô thị đoạn tuyến QL1 thành phố Đồng Hới	UBND thành phố Đồng Hới	600.000.000		600.000.000	543.463.000	56.537.000			0,09
		- Vốn đã giao theo QĐ:		3.200.000.000		3.200.000.000					0,00
	7004692	- Giám vốn tại QĐ 5131/QĐ-UBND ngày 26/12/202		-2.600.000.000		-2.600.000.000					0,00
	7004692	Mua xe chuyên dụng cho công an xã Quang Phú, Lộc Ninh, Thuận Đức	Công an TP Đồng Hới	1.350.000.000		1.350.000.000		1.306.497.900			0,97
		Mua xe chuyên dụng cho công an xã Bảo Ninh, Đức Ninh, Nghĩa Ninh	Công an TP Đồng Hới	1.350.000.000		1.350.000.000		1.306.497.900			0,97
<b>58</b>	7988100	<b>QĐ SỐ 5268/QĐ-UBND NGÀY 2/11/2022</b>		<b>400.000.000</b>		<b>400.000.000</b>	<b>400.000.000</b>	<b>0</b>			
		Sửa chữa, cải tạo khuôn viên trường THCS Bảo Ninh	UBND xã Bảo Ninh	400.000.000		400.000.000	400.000.000				0,00
<b>59</b>	7987411	<b>QĐ SỐ 5267/QĐ-UBND NGÀY 02/11/2022</b>		<b>2.000.000.000</b>		<b>2.000.000.000</b>	<b>454.300.000</b>	<b>1.545.700.000</b>			

TT	Mã dự án	Tên dự án	Chủ đầu tư	Tổng số	Chia theo nguồn vốn		Tổng số	Chia theo nguồn vốn		So sánh (%)	
					NS tỉnh	NS thành phố		NS tỉnh	NS thành phố	NS tỉnh	NS TP
		<b>TỔNG CỘNG (A+B+C)</b>		<b>570.463.831.925</b>	<b>5.310.000.000</b>	<b>565.153.831.925</b>	<b>535.580.685.087</b>	<b>1.654.480.000</b>	<b>533.926.205.087</b>		
<b>A</b>		<b>NGUỒN GIAO ĐẦU NĂM</b>	<b>a</b>	<b>570.463.831.925</b>	<b>5.310.000.000</b>	<b>565.153.831.925</b>	<b>535.580.685.087</b>	<b>1.654.480.000</b>	<b>533.926.205.087</b>		
	7984269	Nâng cấp cải tạo hệ thống đèn chiếu sáng đài phun nước công viên Nhật Lệ công viên Nam trần Hưng Đạo và công viên bắc Lê Lợi	UBND thành phố Đồng Hới	800.000.000		800.000.000			800.000.000		1,00
	7988099	Sửa chữa nâng cấp bia di tích lịch sử trụ sở Tỉnh ủy Quảng Bình trong kháng chiến chống Mỹ cứu nước	UBND phường Đồng Sơn	500.000.000		500.000.000			500.000.000		1,00
		Cải tạo khuôn viên sân chơi vườn cây ngoài trời và đường vào nhà thi đấu trường Tiểu học số 1 Bắc Lý	UBND phường Bắc Lý	700.000.000		700.000.000	454.300.000		245.700.000		0,35
<b>60</b>	7998339	<b>QĐ SỐ 5358/QĐ-UBND NGÀY 4/11/2022</b>		<b>950.000.000</b>		<b>950.000.000</b>	<b>150.000.000</b>		<b>800.000.000</b>		
		Cải tạo sửa chữa mua sắm các phòng làm việc cơ quan Thành ủy	Văn phòng Thành ủy Đồng Hới	950.000.000		950.000.000	150.000.000		800.000.000		0,84
<b>61</b>	7998339	<b>QĐ SỐ 5357/QĐ-UBND NGÀY 4/11/2022</b>		<b>1.290.000.000</b>		<b>1.290.000.000</b>	<b>0</b>		<b>0</b>		0,00
		Cải tạo sửa chữa mua sắm các phòng làm việc cơ quan Thành ủy	Văn phòng Thành ủy Đồng Hới	1.290.000.000		1.290.000.000			0		0,00
<b>62</b>	7998338	<b>QĐ SỐ 5377/QĐ-UBND NGÀY 7/11/2022</b>		<b>1.150.000.000</b>		<b>1.150.000.000</b>	<b>0</b>		<b>587.975.000</b>		
	7992514	Mua sắm trang thiết bị phòng khánh tiết Thành ủy	Văn phòng Thành ủy Đồng Hới	650.000.000		650.000.000			463.991.000		0,71
		Sửa chữa cải tạo trạm y tế xã Bảo Ninh	UBND xã Bảo Ninh	500.000.000		500.000.000			123.984.000		0,25
<b>63</b>	7988574	<b>QĐ SỐ 5507/QĐ-UBND NGÀY 7/11/2022</b>		<b>3.640.000.000</b>		<b>3.640.000.000</b>	<b>2.659.877.000</b>		<b>667.962.000</b>		
	7988575	Nâng cấp sửa chữa đường Trịnh Hoài Đức, đường Thái Phiên Phường Nam Lý	UBND thành phố Đồng Hới	1.200.000.000		1.200.000.000	954.066.000		191.569.000		0,16
	7988603	Đầu tư xây dựng Đường và vỉa hè xung quanh trụ sở UBND phường Bắc Lý	UBND thành phố Đồng Hới	1.800.000.000		1.800.000.000	1.436.741.000		337.130.000		0,19
	7989288	Xây dựng khu vực công viên cây xanh I-CX19 phía trước nghĩa trang Nam lý	UBND phường Nam Lý	300.000.000		300.000.000			68.333.000		0,23
		Xây dựng kho vật chứng Chi cục thi hành án dân sự TP Đồng Hới	Chi cục thi hành án dân sự TP Đồng Hới	340.000.000		340.000.000	269.070.000		70.930.000		0,21
<b>64</b>	7986185	<b>QĐ SỐ 5549/QĐ-UBND NGÀY 11/11/2022</b>		<b>3.020.000.000</b>		<b>3.020.000.000</b>	<b>1.401.066.000</b>		<b>1.618.934.000</b>		
	7989290	Sửa chữa nâng cấp Nghĩa trang liệt sĩ xã Lộc Ninh	Phòng Lao động TBXH Thành phố Đồng Hới	700.000.000		700.000.000	200.000.000		500.000.000		0,71
	7987407	Sửa chữa nâng cấp tuyến đường nội đồng khu vực Đồng Húc phường Bắc Nghĩa	UBND phường Bắc Nghĩa	720.000.000		720.000.000			720.000.000		1,00
	7987068	Nâng cấp tuyến điện bằng đèn Led các tuyến đường có mặt cắt dưới 10,5m thuộc TDP 2,4,5,9,10 phường Bắc lý	UBND phường Bắc Lý	900.000.000		900.000.000	677.755.000		222.245.000		0,25
		Xây dựng Bộ phận giao dịch một cửa liên thông phường Đồng Hải (số 03 Lê trực)	UBND phường Đồng Hải	700.000.000		700.000.000	523.311.000		176.689.000		0,25
<b>65</b>	7989297	<b>QĐ SỐ 5609/QĐ-UBND NGÀY 16/11/2022</b>		<b>770.000.000</b>		<b>770.000.000</b>	<b>0</b>		<b>750.489.000</b>		
		Nâng cấp đường và cầu đường Phan Đăng Lưu, phường Đồng Sơn	UBND thành phố Đồng Hới	470.000.000		470.000.000			450.489.000		0,96

TT	Mã dự án	Tên dự án	Chủ đầu tư	Tổng số	Chia theo nguồn vốn		Tổng số	Chia theo nguồn vốn		So sánh (%)	
					NS tỉnh	NS thành phố		NS tỉnh	NS thành phố	NS tỉnh	NS TP
		<b>TỔNG CỘNG (A+B+C)</b>		<b>570.463.831.925</b>	<b>5.310.000.000</b>	<b>565.153.831.925</b>	<b>535.580.685.087</b>	<b>1.654.480.000</b>	<b>533.926.205.087</b>		
<b>A</b>		<b>NGUỒN GIAO ĐẦU NĂM</b>	<b>a</b>	<b>570.463.831.925</b>	<b>5.310.000.000</b>	<b>565.153.831.925</b>	<b>535.580.685.087</b>	<b>1.654.480.000</b>	<b>533.926.205.087</b>		
		- Vốn đã giao theo QĐ:		1.700.000.000		1.700.000.000					0,00
	7992509	- Giảm vốn tại QĐ 5609/QĐ-UBND		-1.230.000.000		-1.230.000.000					0,00
		Sửa chữa cải tạo trạm y tế phường Phú Hải	UBND phường Phú Hải	300.000.000		300.000.000			300.000.000		1,00
66	7988562	<b>QĐ SỐ 5607/QĐ-UBND NGÀY 16/11/2022</b>		<b>3.220.000.000</b>		<b>3.220.000.000</b>	<b>512.752.000</b>		<b>2.627.859.000</b>		
	7989291	Mua sắm thuyền Composite và cầu phao	Trung tâm VHHT và TT thành phố	2.520.000.000		2.520.000.000			2.440.611.000		0,97
		Xây dựng hệ thống thoát nước mặt đường khu vực Lộc Đại	UBND xã Lộc Ninh	700.000.000		700.000.000	512.752.000		187.248.000		0,27
67	7996405	<b>QĐ SỐ 5684/QĐ-UBND NGÀY 21/11/2022</b>		<b>1.400.000.000</b>		<b>1.400.000.000</b>	<b>32.898.000</b>		<b>1.081.034.000</b>		
	7992508	Tháp cứu hộ cứu nạn bãi tắm biển Nhật Lệ 1	Đội quy tắc và trật tự đô thị	300.000.000		300.000.000			75.193.000		0,25
		Mua sắm trang thiết bị các phòng chức năng trường TH số 3 nam Lý	UBND thành phố Đồng Hới	1.100.000.000		1.100.000.000	32.898.000		1.005.841.000		0,91
68	7996406	<b>QĐ SỐ 5686/QĐ-UBND NGÀY 21/11/2022</b>		<b>500.000.000</b>		<b>500.000.000</b>	<b>299.495.000</b>		<b>56.432.000</b>		
		Chòi cứu hộ Bãi biển Nhật Lệ 2, phường Hải Thành	Đội quy tắc và trật tự đô thị	500.000.000		500.000.000	299.495.000		56.432.000		0,11
69	7992518	<b>QĐ SỐ 5721/QĐ-UBND NGÀY 24/11/2022</b>		<b>4.000.000.000</b>		<b>4.000.000.000</b>	<b>3.280.816.000</b>		<b>318.914.000</b>		
		Nâng cấp đường Phan Đình Giót, Trần Nguyên Hãn và Đại Phong phường Đồng Phú	UBND thành phố Đồng Hới	4.000.000.000		4.000.000.000	3.280.816.000		318.914.000		0,08
70		<b>QĐ SỐ 5866/QĐ-UBND NGÀY 2/12/2022</b>		<b>650.000.000</b>		<b>650.000.000</b>	<b>0</b>		<b>76.627.000</b>		
		Nhà trực Ban chỉ huy quân sự xã Quang Phú	Ban Chỉ huy Quân sự Thành phố	650.000.000		650.000.000			76.627.000		0,12
70	7998347	<b>QĐ SỐ 6053/QĐ-UBND NGÀY 9/12/2022</b>		<b>2.050.000.000</b>		<b>2.050.000.000</b>	<b>34.086.000</b>		<b>1.045.952.000</b>		
	7998328	Cải tạo cột đồng hồ công viên Đồng Mỹ	UBND thành phố Đồng Hới	1.150.000.000		1.150.000.000	34.086.000		1.045.952.000		0,91
		Nâng cấp các tuyến đường thôn Sa Động	UBND xã Bảo Ninh	900.000.000		900.000.000			0		0,00
71	7004692	<b>QĐ SỐ 6125/QĐ-UBND NGÀY 14/12/2022</b>		<b>2.500.000.000</b>		<b>2.500.000.000</b>	<b>0</b>		<b>1.357.811.000</b>		
	7004692	Cải tạo, mua sắm cơ sở vật chất tại phòng trường niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh Công an thành phố	Công an TP Đồng Hới	500.000.000		500.000.000			474.439.000		0,95
	7997129	Cải tạo, mua sắm cơ sở vật chất phòng khánh tiết Công an thành phố	Công an TP Đồng Hới	500.000.000		500.000.000			491.556.000		0,98
	7004686	Sửa chữa, nâng cấp đường giao thông và hệ thống thoát nước ngõ 40 đường Đồng Hải, phường Hải Thành	UBND phường Hải Thành	800.000.000		800.000.000			197.430.000		0,25
		Xây dựng công trình Sân điều lệnh và khu rèn luyện thể thao ngoài trời cho lực lượng vũ trang thành phố	Ban Chỉ huy Quân sự Thành phố	700.000.000		700.000.000			194.386.000		0,28
72	7004692	<b>QĐ SỐ 6156/QĐ-UBND NGÀY 16/12/2022</b>		<b>2.320.000.000</b>		<b>2.320.000.000</b>	<b>299.902.000</b>		<b>1.245.082.000</b>		
	8000426	Mua sắm trang thiết bị cơ sở vật chất cho công an 5 phường trên địa bàn thành phố Đồng Hới	Công an TP Đồng Hới	400.000.000		400.000.000			398.691.000		1,00

TT	Mã dự án	Tên dự án	Chủ đầu tư	Tổng số	Chia theo nguồn vốn		Tổng số	Chia theo nguồn vốn		So sánh (%)	
					NS tỉnh	NS thành phố		NS tỉnh	NS thành phố	NS tỉnh	NS TP
		<b>TỔNG CỘNG (A+B+C)</b>		<b>570.463.831.925</b>	<b>5.310.000.000</b>	<b>565.153.831.925</b>	<b>535.580.685.087</b>	<b>1.654.480.000</b>	<b>533.926.205.087</b>		
<b>A</b>		<b>NGUỒN GIAO ĐẦU NĂM</b>	<b>a</b>	<b>570.463.831.925</b>	<b>5.310.000.000</b>	<b>565.153.831.925</b>	<b>535.580.685.087</b>	<b>1.654.480.000</b>	<b>533.926.205.087</b>		
	7997128	Mua sắm tài sản trang thiết bị phục vụ công tác truyền hình và phát thanh của Trung tâm VHHT và TT TP	Trung tâm VHHT và TT thành phố	1.200.000.000		1.200.000.000			744.472.000		0,62
		Đường giao thông nội đồng tuyến thôn Trung Nghĩa 4 đi giáp cây Dừa đồng Cồn xã Nghĩa Ninh	UBND xã Nghĩa Ninh	720.000.000		720.000.000	299.902.000		101.919.000		0,14
<b>73</b>	<b>7902994</b>	<b>QĐ SỐ 6351/QĐ-UBND NGÀY 26/12/2022</b>		<b>51.290.867.000</b>		<b>51.290.867.000</b>	<b>1.915.133.000</b>		<b>48.745.871.718</b>		
	7902987	Nhà hiệu bộ trường tiểu học Bắc Nghĩa	UBND thành phố Đồng Hới	500.000.000		500.000.000	229.828.000		270.172.000		0,54
	7925779	Nhà lớp học 3 tầng 12 phòng hàng rào trường THCS Đức Ninh Đông	UBND thành phố Đồng Hới	2.100.000.000		2.100.000.000			2.100.000.000		1,00
	7931224	Nhà lớp học 3 tầng 17 phòng và 1 phòng thư viện trường tiểu học Hải Đình	UBND thành phố Đồng Hới	2.000.000.000		2.000.000.000			2.000.000.000		1,00
	7958502	xây dựng nhà đa năng và cải tạo nhà 2 tầng 8 phòng, dãy nhà ODA trường THCS Lộc Ninh	UBND thành phố Đồng Hới	2.520.000.000		2.520.000.000			2.520.000.000		1,00
	7933562	Xây dựng hệ thống thoát nước khu dân cư Phú Xá - Hữu Cung xã Lộc Ninh	UBND thành phố Đồng Hới	3.000.000.000		3.000.000.000			3.000.000.000		1,00
	7964935	Trồng cây xanh, điện chiếu sáng khu dân cư hạ tầng tổ dân phố 10, phường Bắc Lý	UBND thành phố Đồng Hới	1.500.000.000		1.500.000.000			1.500.000.000		1,00
	7958500	Cải tạo, nâng cấp kênh và hồ Bầu Dưới, xã Quang Phú	UBND thành phố Đồng Hới	3.000.000.000		3.000.000.000	796.046.000		2.203.954.000		0,73
	7960414	Tuyến đường nối Phan Đình Phùng đi khu vực Trường mầm non khu công nghiệp Tây Bắc, phường Bắc Lý	UBND thành phố Đồng Hới	500.000.000		500.000.000			500.000.000		1,00
	7906693	Nâng cấp đường nối đường Hữu Nghị với đường Nguyễn Văn Linh và đường khu dân cư phía nam thư viện tỉnh	UBND thành phố Đồng Hới	700.000.000		700.000.000			700.000.000		1,00
	7919859	Đường sắt trung tâm chăm sóc và phục hồi chức năng cho người tâm thần tỉnh Quảng Bình	UBND thành phố Đồng Hới	1.000.000.000		1.000.000.000			1.000.000.000		1,00
	7967321	Đường nối đường Nam Lý Trưng Trượng đi khu vực tiểu thủ công nghiệp Bắc Nghĩa	UBND thành phố Đồng Hới	350.000.000		350.000.000	323.661.000		0		0,00
	7921545	Nâng cấp tuyến điện chiếu sáng bằng đèn LED đường Nguyễn Thị Định ( đoạn từ thôn Mỹ Cảnh đến cầu Nhật Lệ 2 ) và khu HTKT Mỹ Cảnh	UBND thành phố Đồng Hới	700.000.000		700.000.000	565.598.000		127.179.000		0,18
	7921677	Nâng cấp, cải tạo Công viên phía Tây Quảng trường biển Bảo Ninh	Trung tâm công viên cây xanh Đồng Hới	1.430.000.000		1.430.000.000			1.430.000.000		1,00
	7921544	Trồng cây xanh bóng mát, thảm hoa khu vực phía sau nhà Bảo tàng tỉnh và xung quanh Hồ Thành	Trung tâm công viên cây xanh Đồng Hới	906.000.000		906.000.000			660.050.700		0,73
	7936489	Trồng bổ sung, thay thế cây xanh bóng mát công viên phía Nam đường Trần Hưng Đạo và đường Phạm Văn Đồng 23/8, Trần Hưng Đạo và Nguyễn Hữu Cảnh	Trung tâm công viên cây xanh Đồng Hới	900.000.000		900.000.000			900.000.000		1,00

TT	Mã dự án	Tên dự án	Chủ đầu tư	Tổng số	Chia theo nguồn vốn		Tổng số	Chia theo nguồn vốn		So sánh (%)	
					NS tỉnh	NS thành phố		NS tỉnh	NS thành phố	NS tỉnh	NS TP
		<b>TỔNG CỘNG (A+B+C)</b>		<b>570.463.831.925</b>	<b>5.310.000.000</b>	<b>565.153.831.925</b>	<b>535.580.685.087</b>	<b>1.654.480.000</b>	<b>533.926.205.087</b>		
<b>A</b>		<b>NGUỒN GIAO ĐẦU NĂM</b>	<b>a</b>	<b>570.463.831.925</b>	<b>5.310.000.000</b>	<b>565.153.831.925</b>	<b>535.580.685.087</b>	<b>1.654.480.000</b>	<b>533.926.205.087</b>		
	7004686	Thoát nước tổ dân phố Đức Trường phường Đức Ninh Đông	UBND phường Đức Ninh Đông	400.000.000		400.000.000			400.000.000		1,00
	7964920	Sửa chữa khu nhà làm việc, nhà ở của đại đội pháo 37mm	Ban Chỉ huy Quân sự Thành phố	1.150.000.000		1.150.000.000			1.150.000.000		1,00
	7954186	Sửa chữa duy tu các tuyến đường, công thành phố quản lý	Phòng QLĐT thành phố	680.000.000		680.000.000			582.339.000		0,86
	7955685	Trồng cây xanh đường phố Đồng Hới năm 2022.	Trung tâm công viên cây xanh Đồng Hới	2.750.000.000		2.750.000.000			2.747.341.018		1,00
	7955686	Nâng cấp, cải tạo cây xanh, thảm hoa Quảng Bình Quan, đường QL 1A, đường vào sân bay Đồng Hới và công viên phía nam cầu Cổng Mươi	Trung tâm công viên cây xanh Đồng Hới	4.000.000.000		4.000.000.000			4.000.000.000		1,00
	7949818	Công viên khu dân cư phía tây đường Hữu Nghị và nâng cấp cải tạo công viên quanh hồ Nam Lý, công viên cận chùa Đại Giác	Trung tâm công viên cây xanh Đồng Hới	3.608.000.000		3.608.000.000			3.608.000.000		1,00
	7961797	Hệ thống đài truyền thanh ứng dụng CNTT - Viễn thông phường Đồng Hải	UBND phường Đồng Hải	200.000.000		200.000.000			176.137.000		0,88
	7960732	Hệ thống đài truyền thanh ứng dụng CNTT - Viễn thông phường Đồng Phú	UBND phường Đồng Phú	200.000.000		200.000.000			200.000.000		1,00
	7959773	Nâng cấp tuyến đường Tân Phú, Nam Phú xã Quang Phú	UBND xã Quang Phú	1.300.000.000		1.300.000.000			1.300.000.000		1,00
	7961796	Xây dựng dãy phòng học chức năng và phòng bộ môn Trường TH Quang Phú	UBND xã Quang Phú	785.000.000		785.000.000			785.000.000		1,00
	7949820	Hệ thống đài truyền thanh ứng dụng CNTT - Viễn thông phường Phú Hải	UBND phường Phú Hải	200.000.000		200.000.000			199.601.000		1,00
	7961799	Hệ thống đài truyền thanh ứng dụng CNTT - Viễn thông phường Nam Lý	UBND phường Nam Lý	200.000.000		200.000.000			200.000.000		1,00
	7967316	Hệ thống đài truyền thanh ứng dụng CNTT - Viễn thông phường Bắc Lý	UBND phường Bắc Lý	200.000.000		200.000.000			200.000.000		1,00
	7964918	Xây dựng bãi đỗ xe số 6 và bãi đỗ xe số 7 tại ngã tư đường Lê Thành Đồng, Phan Huy Chú và đường Bà Tró	UBND phường Hải Thành	240.000.000		240.000.000			240.000.000		1,00
	7964919	Đường giao thông TDP Phú Vinh, phường Bắc Nghĩa	UBND phường Bắc Nghĩa	470.000.000		470.000.000			470.000.000		1,00
	7961798	Đường giao thông các TDP Phương Xuân, phường Bắc Nghĩa	UBND phường Bắc Nghĩa	470.000.000		470.000.000			470.000.000		1,00
	7979549	Hệ thống đài truyền thanh ứng dụng CNTT - Viễn thông phường Bắc Nghĩa	UBND phường Bắc Nghĩa	200.000.000		200.000.000			200.000.000		1,00
	7955193	Mua sắm thiết bị Trường TH&THCS Thuận Đức (điểm trường THCS)	UBND xã Thuận Đức	500.000.000		500.000.000			500.000.000		1,00
	7949822	Cải tạo dãy nhà lớp học 2 tầng 6 phòng và hàng rào Trường MN Thuận Đức cơ sở 1	UBND xã Thuận Đức	470.000.000		470.000.000			470.000.000		1,00

TT	Mã dự án	Tên dự án	Chủ đầu tư	Tổng số	Chia theo nguồn vốn		Tổng số	Chia theo nguồn vốn		So sánh (%)	
					NS tỉnh	NS thành phố		NS tỉnh	NS thành phố	NS tỉnh	NS TP
		<b>TỔNG CỘNG (A+B+C)</b>		<b>570.463.831.925</b>	<b>5.310.000.000</b>	<b>565.153.831.925</b>	<b>535.580.685.087</b>	<b>1.654.480.000</b>	<b>533.926.205.087</b>		
<b>A</b>		<b>NGUỒN GIAO ĐẦU NĂM</b>	<b>a</b>	<b>570.463.831.925</b>	<b>5.310.000.000</b>	<b>565.153.831.925</b>	<b>535.580.685.087</b>	<b>1.654.480.000</b>	<b>533.926.205.087</b>		
	7949821	Hệ thống đài truyền thanh ứng dụng Công nghệ thông tin - Viễn thông xã Thuận Đức	UBND xã Thuận Đức	200.000.000		200.000.000			200.000.000		1,00
	7959765	Hệ thống đài truyền thanh ứng dụng CNTT - Viễn thông phường Đồng Sơn	UBND phường Đồng Sơn	200.000.000		200.000.000			200.000.000		1,00
	7958843	Đường giao thông từ đường Nguyễn Hữu Thuyền đến Vực Quảnh	UBND phường Đồng Sơn	714.000.000		714.000.000			714.000.000		1,00
		Mua sắm trang thiết bị dây nhà hiệu bộ trường tiểu học số 1 Đồng Sơn	UBND phường Đồng Sơn	350.000.000		350.000.000			345.074.000		0,99
	7959767	Hệ thống đài truyền thanh ứng dụng CNTT - Viễn thông xã Nghĩa Ninh	UBND xã Nghĩa Ninh	200.000.000		200.000.000			200.000.000		1,00
	7956601	Xây dựng hệ thống thoát nước và nâng cấp các tuyến đường giao thông thôn Giao Tế, Tân Sơn, Đức Sơn, Đức Điền xã Đức Ninh	UBND xã Đức Ninh	600.000.000		600.000.000			600.000.000		1,00
	7949819	Sửa chữa cải tạo trạm y tế xã Đức Ninh	UBND xã Đức Ninh	400.000.000		400.000.000			400.000.000		1,00
	7957311	Hệ thống đài truyền thanh ứng dụng CNTT - Viễn thông xã Đức Ninh	UBND xã Đức Ninh	200.000.000		200.000.000			200.000.000		1,00
	7954651	Đầu tư xây dựng công xã lũ và mặt đường trên đê sông Lệ Kỳ từ đường Điện Biên Phủ đi nhà máy xử lý nước thải xã Đức Ninh	UBND xã Đức Ninh	1.000.000.000		1.000.000.000			1.000.000.000		1,00
	7949817	Nâng cấp hệ thống điện chiếu sáng bằng đèn Led các tuyến đường có mặt cắt dưới 10,5m phường Đức Ninh Đông	UBND phường Đức Ninh Đông	1.785.000.000		1.785.000.000			1.785.000.000		1,00
	7957035	Hệ thống đài truyền thanh ứng dụng CNTT - Viễn thông phường Đức Ninh Đông	UBND phường Đức Ninh Đông	200.000.000		200.000.000			200.000.000		1,00
	7874982	Xây dựng kho vật tư hóa chất phục vụ công tác phòng chống dịch bệnh tại Trung tâm y tế Thành phố	Trung tâm Y tế thành phố	630.000.000		630.000.000			630.000.000		1,00
	7973778	Trụ sở UBND xã Quang Phú	UBND xã Quang Phú	3.000.000.000		3.000.000.000			3.000.000.000		1,00
	7973775	Nâng cấp, sửa chữa chống ngập úng một số tuyến đường do thành phố quản lý	Phòng QLĐT thành phố	694.000.000		694.000.000			634.869.000		0,91
	7978629	Nâng cấp, sửa chữa đường và công qua đường khu vực Bàu Me xã Lộc Ninh	Phòng QLĐT thành phố	700.000.000		700.000.000			538.288.000		0,77
	7976238	Mua xe ô tô chuyên dùng phục vụ chăm sóc cây xanh và sản xuất (01 xe tải cầu và 01 xe tải ben)	Trung tâm công viên cây xanh Đồng Hới	550.000.000		550.000.000			550.000.000		1,00
		Thoát nước tổ dân phố Đức Trường, phường Đức Ninh Đông (giai đoạn 2)	UBND phường Đức Ninh Đông	738.867.000		738.867.000			738.867.000		1,00
<b>72</b>		<b>QĐ SỐ 5086/QĐ-UBND NGÀY 26/10/2022</b>		<b>5.310.000.000</b>	<b>5.310.000.000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>1.654.480.000</b>	<b>0</b>		
	7950911	Nâng cấp, sửa chữa đường giao thông thôn Đức Giang, Đức Điền	UBND xã Đức Ninh	885.000.000		885.000.000			885.000.000		1,00

TT	Mã dự án	Tên dự án	Chủ đầu tư	Tổng số	Chia theo nguồn vốn		Tổng số	Chia theo nguồn vốn		So sánh (%)	
					NS tỉnh	NS thành phố		NS tỉnh	NS thành phố	NS tỉnh	NS TP
		<b>TỔNG CỘNG (A+B+C)</b>		<b>570.463.831.925</b>	<b>5.310.000.000</b>	<b>565.153.831.925</b>	<b>535.580.685.087</b>	<b>1.654.480.000</b>	<b>533.926.205.087</b>		
<b>A</b>		<b>NGUỒN GIAO ĐẦU NĂM</b>	<b>a</b>	<b>570.463.831.925</b>	<b>5.310.000.000</b>	<b>565.153.831.925</b>	<b>535.580.685.087</b>	<b>1.654.480.000</b>	<b>533.926.205.087</b>		
	8000430	Nâng cấp các tuyến đường giao thông thôn Mỹ Cảnh	UBND xã Bảo Ninh	885.000.000	885.000.000			203.524.000		0,23	
	8001833	Nâng cấp, mở rộng đường GTNT từ đường Nguyễn Đóa đến giáp đường sắt tại thôn Trung Nghĩa 2.	UBND xã Nghĩa Ninh	600.000.000	600.000.000			87.556.000		0,15	
	7997775	Nâng cấp khuôn viên trung tâm văn hóa và đình làng Trung Nghĩa xã Nghĩa Ninh	UBND xã Nghĩa Ninh	285.000.000	285.000.000			94.562.000		0,33	
	8001832	Hoàn thiện các tuyến đường giao thông trên địa bàn xã Thuận Đức	UBND xã Thuận Đức	885.000.000	885.000.000			211.605.000		0,24	
	8000427	Xây dựng kệ hạ lưu bầu Vèng và C HTX Hữu Cung (cầu ao)	UBND xã Lộc Ninh	885.000.000	885.000.000			172.233.000		0,19	
		Khuôn viên, hàng rào, nhà vệ sinh nhà văn hoá thôn Tân Phú	UBND xã Quang Phú	443.000.000	443.000.000			0		0,00	
		Mở rộng đường giao thông từ thôn Đông Phú đi Bắc Phú xã Quang Phú	UBND xã Quang Phú	442.000.000	442.000.000			0		0,00	
<b>73</b>		<b>QĐ SỐ 2648/QĐ-UBND NGÀY 20/6/2022</b>		<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>89.176.423.334</b>	<b>0</b>	<b>89.176.423.334</b>		
		Đường thôn Diêm Sơn, xã Đức Ninh	UBND thành phố				178756000		178756000		
		Nâng cấp đường Nguyễn Đỗ Cung, Nguyễn Đóa, Ngô Thế Lân xã Nghĩa Ninh	UBND thành phố				7987787000		7987787000		
		Sân bê tông, khu vui chơi công cộng phường Đức Ninh Đông	UBND phường Đức Ninh Đông				856920000		856920000		
		Nâng cấp đường, hệ thống thoát nước các tuyến đường Nguyễn Duy và Nguyễn Duy Trinh phường Đức Ninh Đông	UBND phường Đức Ninh Đông				860399000		860399000		
		Thoát nước tổ dân phố Bình Phúc phường Đức Ninh Đông	UBND phường Đức Ninh Đông				850010000		850010000		
		Thoát nước tổ dân phố Đức Trường phường Đức Ninh Đông	UBND phường Đức Ninh Đông				816572000		816572000		
		Nâng cấp tuyến đường nội đồng khu vực Đồng Tùng	UBND phường Bắc Nghĩa				490000000		490000000		
		Nâng cấp, sửa chữa tuyến đường ngõ 84, đường Tôn thất Tùng, đường Đặng Thái Thân TDP 10, đường Bùi Viện TDP 11 phường Bắc Lý	UBND phường Bắc Lý				250000000		250000000		
		Bãi đỗ xe số 4 phố đi bộ	UBND thành phố				494824000		494824000		
		Xây dựng nhà vệ sinh, thay mới hệ thống cửa dây phòng học Trường Mầm non Lộc Ninh (Cụm trung tâm)	UBND xã Lộc Ninh				496911000		496911000		
		Hệ thống kênh mương tưới đồng ruộng Mung HTX dịch vụ nông nghiệp Lộc Đại	UBND xã Lộc Ninh				490031000		490031000		

TT	Mã dự án	Tên dự án	Chủ đầu tư	Tổng số	Chia theo nguồn vốn		Tổng số	Chia theo nguồn vốn		So sánh (%)	
					NS tỉnh	NS thành phố		NS tỉnh	NS thành phố	NS tỉnh	NS TP
		<b>TỔNG CỘNG (A+B+C)</b>		<b>570.463.831.925</b>	<b>5.310.000.000</b>	<b>565.153.831.925</b>	<b>535.580.685.087</b>	<b>1.654.480.000</b>	<b>533.926.205.087</b>		
<b>A</b>		<b>NGUỒN GIAO ĐẦU NĂM</b>	<b>a</b>	<b>570.463.831.925</b>	<b>5.310.000.000</b>	<b>565.153.831.925</b>	<b>535.580.685.087</b>	<b>1.654.480.000</b>	<b>533.926.205.087</b>		
		Sửa chữa cải tạo khuôn viên trụ sở trung tâm Văn hóa và thể thao số 58 thanh niên	Trung tâm VH TT và Thể thao TP Đồng Hới				290000000		290000000		
		Đường nội vùng nghĩa trang nhân dân phường Bắc Lý (Khu vực II)	UBND phường Bắc Lý				480119000		480119000		
		Xây dựng bãi đỗ xe và vỉa hè phía đông (đoạn từ trụ sở UBND phường Nam Lý đến đường Tố Hữu) đường Võ Thị Sáu	UBND thành phố				218336000		218336000		
		Xây dựng nhà hiệu bộ và thư viện trường THCS Đồng Mỹ	UBND thành phố				1307652000		1307652000		
		Hệ thống mương Nội Đồng HTX Lộc Đại xã Lộc Ninh	UBND xã Lộc Ninh				252948000		252948000		
		Nhà lớp học 3 tầng 17 phòng học và 01 phòng đọc giáo viên Trường Tiểu học Hải Đình	UBND thành phố				2200722000		2200722000		
		Đầu tư, nâng cấp điện chiếu sáng bằng đèn Led đường Cao Thắng	UBND thành phố				857158000		857158000		
		Cải tạo chợ Đồng Mỹ, phường Đồng Hải	UBND thành phố				450000000		450000000		
		Xây dựng tuyến đường ra nghĩa trang nhân dân xã Lộc Ninh	UBND xã Lộc Ninh				0		0		
		Xây dựng nhà đa năng trường THCS số 2 Bắc Lý	UBND thành phố				990000000		990000000		
		Nâng cấp sân và xây dựng hàng rào chợ Công đoàn phường Bắc Lý	Ban QL chợ Đồng Hới				0		0		
		Sửa chữa sạt lở mái thượng lưu đập và cống lấy nước hồ chứa nước Đồng Sơn	Phòng Kinh tế thành phố				450000000		450000000		
		Đường giao thông, hạ tầng khu dân cư ngoài hàng rào khu công nghiệp Tây Bắc Đồng Hới phường Bắc Lý	UBND thành phố				953091000		953091000		
		Nâng cấp điện chiếu sáng bằng đèn Led đường Lê Lợi, Lý Thái Tổ (đoạn từ đường Quảng Bình Quan đến đường vào UBND xã Nghĩa Ninh)	UBND thành phố				847041000		847041000		
		Cải tạo nhà hiệu bộ, hàng rào và mua sắm thiết bị Trường THCS số 1 Đồng Sơn	UBND thành phố				209000000		209000000		
		Đường giao thông nội đồng Cửa Trà đi Bàu Tý xã Nghĩa Ninh	UBND xã Nghĩa Ninh				417959000		417959000		
		Nâng cấp tuyến đường Nguyễn Đình Tân xã Nghĩa Ninh	UBND thành phố				839031000		839031000		
		Đường nối đường Nam Lý Trùng Trưng đi khu vực Tiểu thủ công nghiệp Bắc Nghĩa	UBND thành phố				724801000		724801000		
		Xây dựng hệ thống mương thoát lũ khu dân cư tổ dân phố 6, phường Bắc Lý	UBND thành phố				874785000		874785000		
		Xây dựng cầu máng và sửa chữa kênh mương Bàu Sại phường Bắc Nghĩa	Phòng Kinh tế thành phố				300000000		300000000		

TT	Mã dự án	Tên dự án	Chủ đầu tư	Tổng số	Chia theo nguồn vốn		Tổng số	Chia theo nguồn vốn		So sánh (%)	
					NS tỉnh	NS thành phố		NS tỉnh	NS thành phố	NS tỉnh	NS TP
		<b>TỔNG CỘNG (A+B+C)</b>		<b>570.463.831.925</b>	<b>5.310.000.000</b>	<b>565.153.831.925</b>	<b>535.580.685.087</b>	<b>1.654.480.000</b>	<b>533.926.205.087</b>		
<b>A</b>		<b>NGUỒN GIAO ĐẦU NĂM</b>	<b>a</b>	<b>570.463.831.925</b>	<b>5.310.000.000</b>	<b>565.153.831.925</b>	<b>535.580.685.087</b>	<b>1.654.480.000</b>	<b>533.926.205.087</b>		
		Tuyến đường từ Trục giữa Châu Hoa- Đức Phong đi đường tránh thành phố xã Đức Ninh	UBND xã Đức Ninh				450000000		450000000		
		Đường giao thông nội đồng tuyến Bàu Chùa đi Bàu Huyện và tuyến Côn Mã xã Đức Ninh	UBND xã Đức Ninh				400000000		400000000		
		Đường giao thông nội đồng từ cầu Bông đi Đông Đầu xã Đức Ninh	UBND xã Đức Ninh				450000000		450000000		
		Đường giao thông nội đồng từ Vịnh Nương đến Hoang Từ xã Đức Ninh	UBND xã Đức Ninh				450000000		450000000		
		Xây dựng hệ thống thoát nước thải chợ Cộn, phường Bắc Nghĩa	BQL chợ thành phố				130000000		130000000		
		Sửa chữa, xây dựng cầu ngang đường Trương Phúc Phần xã Lạc Ninh	Phòng QLĐT thành phố				350000000		350000000		
		Nâng cấp sửa chữa đường Hàn Thuyên phường Bắc Lý	Phòng QLĐT thành phố				350000000		350000000		
		Nâng cấp sửa chữa đường Tô Vĩnh Diện phường Bắc Lý	Phòng QLĐT thành phố				350000000		350000000		
		Nâng cấp sửa chữa đường Nguyễn Dục phường Bắc Lý	Phòng QLĐT thành phố				400000000		400000000		
		Sửa chữa, nâng cấp các tuyến đường TDP Đức Trường, Bình Phúc, Diêm Nam, phường Đức Ninh Đông	UBND phường Đức Ninh Đông				477989000		477989000		
		Sửa chữa, nâng cấp các tuyến đường TDP Diêm Thượng, Diêm Hạ, Diêm Trung, phường Đức Ninh Đông	UBND phường Đức Ninh Đông				494841000		494841000		
		Xây dựng công trình huấn luyện công an thành phố	Công an TP Đồng Hới				900000000		900000000		
		Xây dựng ga ra để xe ô tô, xe máy trụ sở Công an Thành phố	Công an TP Đồng Hới				0		0		
		Nâng cấp, sửa chữa tuyến đường giáp đường Ngô Thế Lân (đoạn từ nhà ông Quang thôn trung Nghĩa 3 đến đoạn đường giáp đường từ Rùa lên dốc Vòm)	UBND xã Nghĩa Ninh				990000000		990000000		
		Đường sát trung tâm chăm sóc và phục hồi chức năng cho người tâm thần tỉnh Quảng Bình	UBND thành phố				2500000000		2500000000		
		Trạm bơm chống úng 1000m3/h,	Phòng kinh tế thành phố				754804000		754804000		
		Cải tạo, nâng cấp, sửa chữa trụ sở Ban quản lý dự án ĐTXD thành phố (trụ sở cũ tại địa chỉ 68 Ngô Quyền, phường Đồng Phú)	Ban quản lý dịch vụ công ích thành phố				488800000		488800000		
		Sân trường Tiểu học Đồng Phú	UBND phường Đồng Phú				235912000		235912000		

TT	Mã dự án	Tên dự án	Chủ đầu tư	Tổng số	Chia theo nguồn vốn		Tổng số	Chia theo nguồn vốn		So sánh (%)	
					NS tỉnh	NS thành phố		NS tỉnh	NS thành phố	NS tỉnh	NS TP
		<b>TỔNG CỘNG (A+B+C)</b>		<b>570.463.831.925</b>	<b>5.310.000.000</b>	<b>565.153.831.925</b>	<b>535.580.685.087</b>	<b>1.654.480.000</b>	<b>533.926.205.087</b>		
<b>A</b>		<b>NGUỒN GIAO ĐẦU NĂM</b>	<b>a</b>	<b>570.463.831.925</b>	<b>5.310.000.000</b>	<b>565.153.831.925</b>	<b>535.580.685.087</b>	<b>1.654.480.000</b>	<b>533.926.205.087</b>		
		Đường từ khu công nghiệp Lộc Ninh đến đường tránh thành phố Đồng Hới	UBND thành phố				277314000		277314000		
		Đường nối đường Trương Phúc Phan đến KCN Tây Bắc Đồng Hới	UBND thành phố				120000000		120000000		
		Đường Đinh Tiên Hoàng đến đường Lý Nam Đế và đường phía sau Công an Thành phố	UBND thành phố				0		0		
		Xây dựng nhà đa năng, sân trường TH Lộc Ninh	UBND thành phố				220000000		220000000		
		Mở rộng, cải tạo trụ sở làm việc và khuôn viên Trung tâm công viên cây xanh Đồng Hới	Trung tâm CVCX Đồng Hới				215594000		215594000		
		Xây dựng 4 phòng học bộ môn, hàng rào trường THCS số 1 Đồng Sơn	UBND thành phố				460983000		460983000		
		Xây dựng dãy phòng học 4 tầng 12 và 01 phòng thư viện trường THCS số 1 Nam lý	UBND thành phố				3251209000		3251209000		
		Nâng cấp đường và hệ thống thoát nước 2 bên cầu vượt (phía tây đường sắt)	UBND thành phố				593000000		593000000		
		Đường từ nhà máy ceramic đến bãi rác thải xây dựng	UBND thành phố				1231617000		1231617000		
		Nhà lớp học 2 tầng 6 phòng, công, hàng rào Trường THCS Bắc Nghĩa	UBND thành phố				576000000		576000000		
		Điện chiếu sáng đường tránh thành phố (Đoạn từ đường Hà Huy Tập đến đường Phan Đình Phùng) thành phố Đồng Hới	UBND thành phố				1600000000		1600000000		
		Xây dựng phòng học và phòng đa chức năng Trường THCS số 2 Bắc Lý	UBND thành phố				642791000		642791000		
		Xây dựng nhà lớp học 2 tầng 4 phòng, bếp, sân và nhà vệ sinh Trường TH số 2 Bắc Lý	UBND thành phố				2546635000		2546635000		
		Xây dựng khối nhà hiệu bộ, hội trường, bếp, nhà bảo vệ và nhà vệ sinh Trường TH số 3 Nam lý	UBND thành phố				2500000000		2500000000		
		Nhà hiệu bộ trường tiểu học Bắc Nghĩa	UBND thành phố				1400000000		1400000000		
		Nhà lớp học 3 tầng 12 phòng, hàng rào Trường THCS Đức Ninh Đông	UBND thành phố				3629300000		3629300000		
		Xây dựng nhà lớp học 2 tầng 8 phòng, nhà bếp trường TH Nghĩa Ninh	UBND thành phố				900000000		900000000		
		Tuyến đường trước trụ sở UBND xã Nghĩa Ninh	UBND xã Nghĩa Ninh				0		0		
		Đường nối đường Tôn Đức Thắng với Tạ Quang Bửu đến đường Nguyễn Đăng Tuấn	UBND thành phố				1926651000		1926651000		
		Sửa chữa, nâng cấp Hồ chứa nước Bàu Luồng - Bàu Vèng xã Lộc Ninh	UBND thành phố				403104000		403104000		
		Cải tạo khuôn viên di tích lịch sử cách mạng chiến khu xã Thuận đức	UBND xã Thuận Đức				200000000		200000000		

TT	Mã dự án	Tên dự án	Chủ đầu tư	Tổng số	Chia theo nguồn vốn		Tổng số	Chia theo nguồn vốn		So sánh (%)	
					NS tỉnh	NS thành phố		NS tỉnh	NS thành phố	NS tỉnh	NS TP
		<b>TỔNG CỘNG (A+B+C)</b>		<b>570.463.831.925</b>	<b>5.310.000.000</b>	<b>565.153.831.925</b>	<b>535.580.685.087</b>	<b>1.654.480.000</b>	<b>533.926.205.087</b>		
<b>A</b>		<b>NGUỒN GIAO ĐẦU NĂM</b>	<b>a</b>	<b>570.463.831.925</b>	<b>5.310.000.000</b>	<b>565.153.831.925</b>	<b>535.580.685.087</b>	<b>1.654.480.000</b>	<b>533.926.205.087</b>		
		Cải tạo, nâng cấp Trường mầm non Hải Thành	UBND thành phố				620000000		620000000		
		Hệ thống trang âm Trung tâm văn hóa phường Nam Lý	UBND Phường Nam lý				84400000		84400000		
		Xây mới, cải tạo nhà vệ sinh, sân điếm trung tâm trường Mầm Non Nam Lý	UBND Phường Nam lý				231300000		231300000		
		Đường trong cụm tiêu thụ công nghiệp xã Lộc Ninh	UBND thành phố				826046000		826046000		
		Đường Phan Huy Chú (đoạn qua chi cục đo lường)	UBND thành phố				700000000		700000000		
		Đường Phan Huy Chú (đoạn qua chi cục đo lường)	UBND thành phố				0		0		
		Cổng chim mương N4 Lộc Đại - Hữu Cung xã Lộc Ninh	UBND xã Lộc Ninh				400000000		400000000		
		Nâng cấp hệ thống đường nội bộ thôn Đông Dương và Sa Động xã Bảo Ninh	UBND xã Bảo Ninh				1800000000		1800000000		
		Nhà đa năng, bếp công hàng rào, sân, nhà vệ sinh trường tiểu học số 2 Đồng Sơn	UBND thành phố				1999129000		1999129000		
		Đường giao thông trong cụm công nghiệp Thuận Đức	UBND thành phố				900000000		900000000		
		Nhà lớp học 2 tầng 4 phòng, nhà đa năng và sân, hàng rào, nhà bảo vệ, sân bóng đá mini trường Tiểu học số 1 Bắc Lý	UBND thành phố				1000000000		1000000000		
		Xây dựng 4 phòng chức năng, nhà đa năng, hàng rào trường THCS số 2 Nam Lý	UBND thành phố				2700000000		2700000000		
		Mở rộng khuôn viên BV đa khoa Đồng Hới	BV đa khoa thành phố Đồng Hới				104966000		104966000		
		Nhà lớp học 2 tầng 6 phòng trường mầm non Bắc Nghĩa (cơ sở 2)	UBND thành phố				1244000000		1244000000		
		Sửa chữa, nâng cấp các tuyến đường, ngõ trên địa bàn các phường Bắc Lý, Nam Lý, Đồng Phú	Phòng QLĐT thành phố				490000000		490000000		
		Sửa chữa, nâng cấp công thoát nước qua kênh tưới tiêu trên phường Bắc Nghĩa và các tuyến đường Đoàn Chí Tuân, Phan Đăng Lưu, Nguyễn Kim Chi	Phòng QLĐT thành phố				450000000		450000000		
		Gia cố sạt lở mái đập hồ chứa nước bầu Trầm Lộc Ninh	Phòng kinh tế thành phố				450000000		450000000		
		Sửa chữa các phòng học bộ môn, nhà hiệu bộ THCS Bảo Ninh	UBND xã Bảo Ninh				398068000		398068000		
		Bãi tắm Bảo Ninh 2 (giai đoạn 4)	UBND thành phố				358546000		358546000		
		Đường từ nhà máy ceramic đến bãi rác thải xây dựng	UBND thành phố				1017461000		1017461000		

TT	Mã dự án	Tên dự án	Chủ đầu tư	Tổng số	Chia theo nguồn vốn		Tổng số	Chia theo nguồn vốn		So sánh (%)	
					NS tỉnh	NS thành phố		NS tỉnh	NS thành phố	NS tỉnh	NS TP
		<b>TỔNG CỘNG (A+B+C)</b>		<b>570.463.831.925</b>	<b>5.310.000.000</b>	<b>565.153.831.925</b>	<b>535.580.685.087</b>	<b>1.654.480.000</b>	<b>533.926.205.087</b>		
<b>A</b>		<b>NGUỒN GIAO ĐẦU NĂM</b>	<b>a</b>	<b>570.463.831.925</b>	<b>5.310.000.000</b>	<b>565.153.831.925</b>	<b>535.580.685.087</b>	<b>1.654.480.000</b>	<b>533.926.205.087</b>		
		Đường phục vụ sản xuất, phát triển kinh tế phía tây Nam xã Nghĩa Ninh thành phố Đồng Hới	UBND thành phố				50240000		50240000		
		Điện chiếu sáng đường tránh thành phố (Đoạn từ đường Hà Huy Tập đến đường Phan Đình Phùng) thành phố Đồng Hới	UBND thành phố				883077000		883077000		
		Khắc phục, sửa chữa nâng cấp Trần, đê xã Nghĩa Ninh-Vĩnh Ninh (Lệ Kỳ)	UBND xã Nghĩa Ninh				412588000		412588000		
		Nâng cấp đê Rẫy Hộ xã Nghĩa Ninh	UBND Thành phố				250173000		250173000		
		Đường thôn Bắc Phú - Tân Phú xã Quang Phú	UBND Thành phố				300000000		300000000		
		Nhà chức năng 2 tầng 6 phòng trường TH Đồng Phú (NSTP hỗ trợ)	UBND phường Đồng Phú				1620000000		1620000000		
		Via hệ đường Trần Quang Khải	UBND phường Đồng Phú				650000000		650000000		
		Các tuyến điện thuộc TDP1, TDP8, TDP4 và TDP6 phường Đồng Sơn	UBND phường Đồng Sơn				124536000		124536000		
		Các tuyến điện thuộc TDP13, TDP9, TDP7 và TDP5	UBND phường Đồng Sơn				322547000		322547000		
		Mở rộng khuôn viên tại bệnh viện đa khoa Đồng Hới	BV đa khoa thành phố Đồng Hới				1507050334		1507050334		
		Công viên, via hệ đường phía Đông dọc sông cầu Rào (đoạn từ đường 23/8 đến đường 27m theo quy hoạch)	UBND Thành phố				2676000000		2676000000		
		Nhà đa năng trường Tiểu học - THCS Thuận Đức (điểm trường THCS)	UBND Thành phố				840000000		840000000		
		Nhà hiệu bộ và các phòng chức năng trung tâm nuôi dạy trẻ khuyết tật thành phố	UBND Thành phố				1464004000		1464004000		
		Nhà đa năng và sân bóng đá, đường chạy thể dục trường tiểu học số 1 Đồng Sơn	UBND Thành phố				2650895000		2650895000		
ti		Nhà đa năng trường THCS số 1 Đồng Sơn	UBND Thành phố				350000000		350000000		

**TỔNG HỢP THU DỊCH VỤ CỦA ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG NĂM 2022**  
**(KHÔNG BAO GỒM NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC)**

**(Dùng cho ngân sách các cấp chính quyền địa phương)**

*(Phụ lục kèm theo Nghị quyết số: 14/NQ-HĐND ngày 25 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân thành phố Đồng Hới)*

Đơn vị: 1000 đồng

STT	Nội dung	Kế hoạch năm 2022	Thực hiện năm 2022	So sánh (%)
A	B	1	2	3=2/1
	<b>TỔNG SỐ</b>	<b>22.346.866</b>	<b>17.549.720</b>	<b>79</b>
1	Sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề	9.116.424	3.941.630	43
-	<i>Sự nghiệp giáo dục</i>			
-	<i>Sự nghiệp đào tạo và dạy nghề</i>			
2	Sự nghiệp kinh tế	13.111.442	13.539.480	103
3	Sự nghiệp y tế			
4	Sự nghiệp văn hóa thông tin			
5	Sự nghiệp phát thanh truyền hình	24.000	68.610	286
6	Sự nghiệp VH TT - TDTT	95.000		